



Máy nghe pháp . wordpress.com

**MAYNGHEPHAP.WORDPRESS.COM**



Confidentialité & Cookies : Ce site utilise des cookies. En continuant à utiliser ce site, vous acceptez leur utilisation.  
Pour en savoir davantage, y compris comment contrôler les cookies, voir : [Politique relative aux cookies](#)

Fermer et accepter



MÃY NGHE PHÁP MP3 ONLINE

NGHE PHÁP MP3 TRỰC TUYẾN

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỒN NGUYỆN

**KINH ĐỊA TẠNG**

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

**KINH LĂNG NGHIÊM**

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

**Kinh Pháp Hoa**

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

KINH HOA NGHIÊM MP3

**Kinh Hoa Nghiêm**





KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT

KINH KIM CANG

BỒ ĐỀ ĐẠT MA

THIÊN SƯ THÍCH DUY LỰC

**bothiphap.blogspot.com**

**Tam Vô lậu học Giới Định Huệ**

**TỨ**

**HOÀNG**

**THỆ**

**NGUYỄN**

**BỐN ĐIỀU RĂN DẠY VỀ TÁNH THANH TỊNH CHÂN  
THẬT, KHÔNG HƯ DỐI**

(Vạn Phật Thánh Thành ngày 17 tháng 4 năm 1983)

**TỨ CHỦNG THANH TỊNH MINH HỐI**

**AUDIO MP3 DOWNLOAD**

Bốn Điều Răn Dạy Về Tánh Thanh Tịnh (Tứ Chủng Thanh Tịnh Minh Hối) trong Kinh Lăng Nghiêm là: « Đoạn dâm, Đoạn sát, Đoạn tham, Đoạn vọng » (dứt dâm dục, dứt giết chóc, dứt trộm cắp, dứt nói dối). Bốn điều đó tương quan rất chặt chẽ với nhau. Nếu phạm giới dâm thì dễ dàng phạm giới sát và cũng dễ dàng phạm giới tham đạo (tức là ăn cắp), và giới vọng ngữ (tức là nói láo). Bởi vì phạm giới dâm thì sát, đạo, vọng, đều đã bao gồm trong đó rồi, cho nên tuy chia làm bốn, nhưng hợp lại mà nói thì là nhất thể!

Phật thật là vô cùng từ bi, hết lòng hết dạ dạy bảo chúng ta hết sức rõ ràng Bốn Điều Răn Dạy Về Tánh Thanh Tịnh. Tuy nói rõ như vậy, nhưng có người lại không tin. Không phải chỉ có một số người không tin mà thôi, trong đó, những kẻ không tin lại là những học giả, những vị giáo sư, những kẻ xuất gia không giữ giới luật. Những người đó không có niềm tin nên không có cách gì cải thiện, cũng không cách gì để bài trừ cái gốc tà kiến của

họ được; bởi vì những điều hiểu biết sai lầm của họ đã chẳng chịt, thâm căn cố đế, làm cho họ mất lòng tin và công nhiên cho rằng Kinh Lăng Nghiêm là giả tạo!

Trong các bộ kinh mà Phật nói ra, Kinh Lăng Nghiêm là một bộ kinh hết sức trọng yếu. Dù cho các vị học giả, giáo sư, những kẻ không giữ giới luật, cho đến những kẻ dùng đủ thứ thần thông, hiện ra mười tám phép biến hóa, tới nói với tôi rằng Kinh Lăng Nghiêm là giả đi nữa, thì tôi cũng không tin được! Tại vì sao? Bởi vì Kinh Lăng Nghiêm dạy những đạo lý hết sức chân chính, chỉ căn bệnh của chúng sinh hết sức rõ ràng; đó là « vô minh tội nghiệp. » Kinh này chính là « đối bệnh cho thuốc, » là lời khuyên răn rõ ràng nhất. Song người ta không ai muốn uống thuốc đắng, mặc dù thuốc hay thì quá đắng, khó mà chịu nổi. Nên dù có bậc thầy thuốc giỏi đưa toa thuốc ra thì họ cũng vất đi không dùng, nói rằng thuốc chẳng có hiệu lực gì, rằng thứ thuốc này chỉ để lừa người ta. Như vậy đúng là tự mình lừa mình và lừa người khác, tự mình làm hại mình rồi hại người khác vậy!

Bởi vậy cho nên những kẻ không hiểu biết cứ chạy theo

những người này, nói rằng có những vị học giả danh tiếng như vậy, có những nhà giáo sư nổi tiếng như kia, hoặc có những vị Đại Pháp Sư có tên tuổi như họ nói rằng Kinh Lăng Nghiêm là giả; rồi họ chạy theo những người đó như những kẻ đi theo những người mù, cùng nhau kẻ xướng người họa. Người ta nói làm sao thì họ nói theo làm vậy, do đó rốt cuộc tà thuyết đầy dẫy.

Nếu thật sự đúng như vậy, tức Kinh Lăng Nghiêm là giả, thì các vị trong Phật Giáo không cần phải giữ giới luật làm gì, cũng không cần nghe Bốn Điều Răn Dạy Về Tánh Thanh Tịnh này làm gì, và cũng không cần biết đến Năm Mười Thứ Ấm Ma là ra sao, tất cả mọi thứ đều nhất tề vứt bỏ hết! Các vị thử nghĩ coi, loại người như vậy thật là ác độc vô cùng; nếu những người như thế mà không bị xuống Địa ngục Cắt Lưỡi thì thật là không còn công lý gì nữa!

Vừa rồi tôi có đề cập đến các trẻ em tâm lý biến thái (Autistic children – trẻ em có hành vi kỳ quặc). Những trẻ em này vì đã tạo nghiệp tội đáng phải đọa địa ngục Vô Gián – hủy báng kinh điển Đại Thừa – nên mới phải nhận



lãnh thứ quả báo đáng sợ này. Đó cũng là vì loài người chúng ta không hiểu đạo lý, lại còn tự cho mình là hay là giỏi, rồi công nhiên tạo ra đủ thứ tội nghiệp, còn trọn tròn mắt mà nói láo. Hành động như vậy thật là mất hết lương tri, lương năng, làm cho bản hữu trí huệ của mình bị hủy diệt; thật đáng thương thay!

Bởi những kẻ hủy báng kinh điển Đại Thừa đó đã dùng tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý của họ để tạo ra đủ thứ ác nghiệp, nên khi họ sinh làm người thì thành những kẻ mắc bệnh tâm lý biến thái, trở nên vô tri, vô giác, đến khi thọ ác báo rồi, lại còn cho rằng mình là hay là giỏi lắm!

Chúng ta không nên dùng cái « thông minh giả » của mình mà hủy báng lời Phật dạy. Nào là những kẻ rất có tiếng tăm, nào là những nhà học giả trứ danh, nào là những vị giáo sư uyên bác, nào là các vị Pháp Sư nổi tiếng, một khi họ nói ra lời hủy báng Phật Pháp thì vô hình trung, lời nói của họ sẽ ảnh hưởng đến trăm ngàn vạn ức, vô lượng, vô biên người khác, khiến cho những người đó đánh mất đi lòng tin chơn chính. Cho nên quý vị thấy, tạo ra tội nghiệp như vậy không phải là tai hại vô cùng sao?

Trăm ngàn kiếp về sau, họ sẽ phải đầu thai làm kẻ thọ quả báo, trở thành những người câm! Bởi vì họ làm hại tri kiến của kẻ khác, nói lên những lời khiến kẻ khác hiểu lầm đạo lý, như thế thật là vô cùng nguy hại!

Quý vị hãy nghĩ coi, vì sao những người đó cho rằng Kinh Lăng Nghiêm là giả tạo? Là bởi vì họ không thể theo đúng được Bốn Điều Răn Dạy Về Tánh Thanh Tịnh: Không dâm dục thì họ không thể làm được, không sát sinh thì họ cũng chẳng làm nổi! Không trộm cắp thì bề mặt có thể nói rằng họ không trộm cắp, nhưng thực sự có rất nhiều học giả, giáo sư thường lấy trộm văn chương của học sinh hay của kẻ khác rồi vá víu lại để làm của mình; nếu đem vật sở hữu của kẻ khác làm của mình thì đó chính là trộm cắp vậy! Nếu một ngày nào mà họ nói những lời lừa dối học sinh thì ngày đó họ đã nói láo rồi! Đương nhiên không phải tất cả những vị học giả hay giáo sư đều như vậy, song ở trong hàng ngũ những người đạo đức luôn luôn có vô số những kẻ gian dối tác hại.

Bởi vì không làm theo đúng được Bốn Điều Răn Dạy Về Tánh Thanh Tịnh đó nên họ sợ hãi, và không thể chấp

nhận lý luận trong Kinh được. Nếu họ chấp nhận lý luận của Kinh thì họ không thể tồn tại, và dĩ nhiên họ sẽ mất đi địa vị của họ. Nhưng họ lại không muốn như vậy nên mới làm trái với lương tâm, mới nói rằng Kinh Lăng Nghiêm là giả. Khi có ý nghĩ như vậy là họ đã phạm tội lớn tày trời:

*« Khoát đạt không,*

*Bát nhân quả,*

*Mãng mãng đặng đặng,*

*Chiêu ương họa. »*

Nghĩa là:

*« Phủ nhận mọi thứ,*

*Bác bỏ nhân quả,*

*Thô suất phóng túng,*

*Tự chuốc tai ương. »*

Trong tương lai họ sẽ thọ lãnh quả báo đọa địa ngục Vô Gián, lúc đó họ có hối lỗi thì không còn kịp nữa!

---

**Kinh Văn:**

Hán Việt: **A-Nan chỉnh y phục, ư đại chúng trung, hợp chưởng đánh lễ, tâm tích viên minh, bi hân giao tập, dục ích vị lai chư chúng sanh cố, khể thủ bạch Phật: “Đại bi Thế Tôn! Ngã kim dĩ ngộ Thành Phật Pháp-môn, thị trung tu hành, đắc vô nghi hoặc.”**

Việt: Ngài A-Nan sửa y phục cho chỉnh tề, rồi từ chỗ đại chúng chấp tay đánh lễ. Tâm địa sáng suốt, vừa buồn vừa vui, và vì muốn lợi ích cho chúng sanh đời sau, nên ngài cúi lạy và thưa với Phật: “Bạch Đức Thế Tôn đại từ bi! Con nay đã tỏ ngộ Pháp-môn

**Thành Phật, trong sự tu hành được không còn nghi hoặc.”**

### **Giảng nghĩa:**

**Ngài A-Nan sửa y phục cho chỉnh tề.** Sau khi nghe Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi nói xong bài kệ, ngài A-Nan đứng dậy và sửa y phục cho chỉnh tề – vuốt vạt áo lại cho thẳng nếp, kéo cổ áo lại cho ngay ngắn, chứ không để cho có vẻ xốc xệch, lồi thoi.

**Rời từ chỗ đại chúng chấp tay đảnh lễ.** Chỉnh đốn y phục xong, ngài A-Nan từ trong chỗ đại chúng chấp tay lại và hướng về phía Đức Phật mà lạy. **Tâm địa sáng suốt.** Lúc này, tâm trí ngài A-Nan rất “viên minh,” sáng suốt, chứ không hồ đồ như trước nữa; và ngài lại cảm thấy **vừa buồn vừa vui**, vừa muốn khóc mà lại muốn cười. “Buồn”, tức là muốn khóc. Ngài A-nan rất dễ khóc; ngài đã khóc rất nhiều lần kể từ phần đầu của bộ kinh. Bây giờ ngài vẫn muốn khóc nữa, nhưng đồng thời lại cũng muốn cười – hai trạng thái buồn và vui xen lẫn



với nhau. “Buồn” (bi), ngài A-Nan buồn chuyện gì? Trường hợp này gọi là “vui quá hoá buồn” (lạc cực sanh bi) – ngài vui mừng quá đổi: “Vậy là mình đã có được Phật Pháp! Mình đã hiểu được Phật Pháp chân chánh rồi!” Vui đến cực điểm thì sanh ra buồn. “Vui” (hân), ngài A-Nan vô cùng vui mừng, từ trước đến nay ngài chưa bao giờ cảm thấy vui mừng đến thế. Bởi được chân chánh hiểu rõ Phật Pháp là một điều đáng vui mừng nhất, cho nên ngài A-Nan mới “vừa buồn vừa vui” như vậy.

**Và vì muốn lợi ích cho các chúng sanh đời sau, nên ngài cúi lạy và thưa với Phật...** Song, nếu chỉ có riêng mình hiểu được mà thôi thì ngài A-Nan thấy vẫn còn chưa đủ; ngài còn muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sanh trong đời vị lai nữa. Do đó, ngài sụp lạy Đức Phật rồi nói rằng: **“Bạch Đức Thế Tôn đại từ bi! Con nay đã tỏ ngộ Pháp môn Thành Phật.** Bây giờ con đã thấu hiểu được Pháp-môn để thành Phật này rồi.” “Tỏ ngộ” có nghĩa là hiểu rõ, thông suốt.

**“Trong sự tu hành được không còn nghi hoặc. Con**

tuyệt đối không bao giờ còn nghi chấp gì về phương pháp tu hành này nữa.”

### **Kinh Văn:**

Hán Việt: “Thường văn Như Lai thuyết như thị ngôn: ‘Tự vị đắc độ, tiên độ nhân giả, Bồ-tát phát tâm. Tự giác dĩ viên, năng giác tha giả, Như-Lai ứng thế.’ Ngã tuy vị độ, nguyện độ Mạt-kiếp nhất thiết chúng sanh.”

Việt: “Con thường nghe Như-Lai dạy như vậy: ‘Chính mình chưa được độ mà độ cho người khác trước, ấy là Bồ-tát phát tâm. Phần tự-giác đã viên mãn lại có thể thức tỉnh kẻ khác, đó là Như-Lai ứng thế.’ Con tuy chưa tự độ được, nhưng con nguyện sẽ độ tất cả chúng sanh trong thời Mạt-kiếp.”

### **Giải nghĩa:**

**“Con thường nghe Như-Lai dạy như vậy ....”** Ngài A-Nan thường lấy lời của Phật để dẫn chứng cho những điều mà ngài muốn đề cập tới. Ở đây, ngài A-Nan nói ngài được nghe Đức Phật lúc thuyết Pháp có dạy rằng: **“Chính mình chưa được độ mà độ cho người khác trước, ấy là Bồ-Tát phát tâm.** Bản thân mình tuy chưa được độ thoát, chưa đắc Đạo, nhưng lại biết hóa độ cho kẻ khác trước – đó chính là sự phát tâm của bậc Bồ-tát vậy. Và, **“phần tự giác đã viên mãn lại có thể thức tỉnh kẻ khác, đó là Như-Lai ứng thế.”** Khi sự giác ngộ của chính mình đã được trọn vẹn, bèn vận dụng các đạo lý mà mình tự giác ngộ được để thức tỉnh những người khác, khiến cho họ cũng trở nên giác ngộ – đó chính là công việc của Phật, là những gì Phật làm khi ứng thân ở thế giới này vậy.

Ngài A-Nan thưa tiếp: **“Con tuy chưa tự độ được, nhưng con nguyện sẽ độ tất cả chúng sanh trong thời Mạt kiếp.** Bản thân con vẫn chưa được độ, chưa đắc Đạo, tuy nhiên, con mong rằng hết thảy chúng sanh thời Mạt-kiếp đều được độ thoát, đều được hưởng những lợi

ích của Phật Pháp.”

**Kinh Văn:**

Hán Việt: “Thế Tôn! Thử chư chúng sanh, khứ Phật tiệm viễn; tà sư thuyết pháp, như Hằng-hà sa. Dục nhiếp kỳ tâm, nhập Tam-ma-địa, vân hà linh kỳ an lập đạo tràng, viễn chư ma sự, ư Bồ-đề tâm đắc vô thối khuất?”

Việt: “Bạch Đức Thế Tôn! Các chúng sanh ấy cách Phật xa dần, mà tà-sư thuyết pháp thì nhiều như cát sông Hằng. Con muốn cho các chúng sanh ấy biết nhiếp tâm và nhập Tam-ma-địa. Vậy, làm thế nào để khiến họ được an lập nơi đạo tràng, lánh xa mọi ma sự và tâm Bồ-đề được không thối khuất?”

**Giải nghĩa:**

“Bạch Đức Thế Tôn! Các chúng sanh ấy cách Phật xa

**dần.** Tất cả chúng sanh trong thời Mạt Pháp ấy dần dần cách xa Đức Phật, thậm chí cũng cách xa cả Phật Pháp nữa, **mà tà-sư thuyết pháp thì nhiều như cát sông Hằng.**” Hiện tại chính là thời đại “tà-sư thuyết pháp.” Thế nào gọi là “tà sư”? Họ là hạng người không hiểu mà nói hiểu, chưa khai ngộ mà tự xưng là đã khai ngộ, chưa chứng quả vị mà tự xưng là đã chứng quả vị.

Có lần tôi hỏi một người cũng huênh hoang như thế rằng: “Ông đã chứng Sơ-quả, Nhị-quả, Tam-quả, hay là Tứ-quả? Ông đã chứng được quả vị nào vậy? Ông khai ngộ rồi ư? Ông khai ngộ cái gì vậy? Ông nói ông đã chứng quả, chẳng hay là chứng cái ‘quả’ chi?”; thì ông ta chỉ lặng thinh không đáp!

Tôi lại hỏi: “Ông đã là Phật rồi thì tại sao ngay cả quả vị mà ông còn chưa chứng đắc? Ông làm cách nào mà chạy đến chỗ Phật được thế?”

Ông ta chẳng những tự phong cho mình là Phật mà còn tuyên bố rằng “everybody is a Buddha,” mọi người đều là Phật cả rồi! Những người như thế được gọi là “tà sư” –



họ đã phạm phải tội “đại vọng ngữ,” một tội nói dối rất nghiêm trọng ! Người Trung-Hoa gọi hạng người chuyên môn khoe khoang, khoác lác là “đại pháo” (súng đại bác), nói theo tiếng Quảng-đông là “xa đại pháo.”

Vì để hộ trì Phật Pháp, cho nên bất luận quý vị có hiểu Phật Pháp hay không, hãy nhớ là đừng bao giờ làm tà-sư! Có một nữ cư sĩ họ Lý nọ, khi có người hỏi về Phật Pháp thì bà đáp: “Tôi già cả rồi, tôi quên hết rồi!” Bà ta hoàn toàn không hề học tới, thế thì làm sao mà “quên” được? “Quên” cái gì? Có biết gì đâu để mà “quên”!? Bà ta hiển nhiên là chẳng hiểu gì cả, nhưng vì không muốn thú nhận là mình không hiểu nên mới nói tránh là “quên rồi.” Đó chẳng qua là luận điệu dối gạt thiên hạ mà thôi! “Tri chi vi tri chi” – biết tức là biết, không biết tức là không biết. Chớ nên hoàn toàn không hiểu gì cả mà lại nói là mình “quên”, bởi vì như thế thì cũng gần như là “tà-sư” rồi!

Tà-sư khi nói chuyện thì chuyên môn có tâm phan-duyên và giảng toàn những điều sai trái, không đúng đắn. Chẳng hạn như dâm dục là không đúng, thì họ lại

tán dương: “Đúng! Đó là pháp môn kỳ diệu nhất,” khiến cho người ta bị rối trí, mê muội, không thể tìm thấy chân lý. Lấy phải làm trái, đúng nói không đúng, không đúng nói đúng – những kẻ như thế gọi là tà sư. Đầu óc họ đầy dẫy những tà tri tà kiến; cái biết và cái thấy của họ đều không chánh đáng – cái gì “chánh” thì họ nói là không đúng, còn cái gì “tà” thì họ lại bảo là hay nhất!

Ngài A-Nan bạch với Đức Phật rằng: “Vào thời Mạt Pháp, số tà-sư thuyết pháp sẽ nhiều như cát sông Hằng. Thế nhưng, vào thời điểm đó, **con muốn cho các chúng sanh ấy biết nhiếp tâm**, sanh khởi chánh tri chánh kiến, **và nhập Tam-ma-địa**, đắc được Chánh-định. **Vậy, làm thế nào để khiến họ được an lập nơi đạo-tràng, lánh xa mọi ma-sự?** Làm thế nào mới có thể khiến cho các chúng sanh ấy được sống yên ổn ở chốn đạo tràng và tránh được mọi ma sự?” Có nhiều kẻ thuộc tà ma ngoại đạo chuyên nói những lời gạt gẫm, lừa đảo người khác. Họ nói về vấn đề sắc dục giữa nam nữ và còn bảo rằng hễ dục vọng càng nặng bao nhiêu thì thành Phật càng nhanh bấy nhiêu! Điều đó hoàn toàn sai lầm, và đó

chính là một thứ tà tri tà kiến! Vì vậy, mọi người phải đặc biệt chú ý đến điểm này, đừng để bị mắc lừa! Đối với Phật Pháp chân chánh thì nói chuyện dâm dục là sai, là không phải Phật Pháp; lối nói ấy chính là “ma sự” vậy!

**“Và tâm Bồ-đề được không thối khuất?”** Làm thế nào để tâm Bồ-đề của các chúng sanh trong thời Mạt-kiếp khỏi bị thối thất nữa? Có nhiều người học Phật nhưng học chưa được bao lâu thì tâm Bồ-đề của họ đã thối chuyển; họ than vãn: “Chịu thôi! Tôi không muốn học Phật Pháp nữa! Học Phật Pháp sao mà khó thế, cứ toàn là phải trừ bỏ những thói hư tật xấu. Tôi không dứt bỏ được các thói hư tật xấu thì biết phải làm sao bây giờ?” Thế là họ bỏ cuộc, không học Phật Pháp nữa. Đó gọi là bị “thối thất Bồ-đề tâm” – cái tâm Bồ-đề đã thối chuyển, đã rút lui rồi.

“Khuất” là khuất phục, nghĩa là không còn lòng tinh tấn, hăng hái nữa; và cũng có nghĩa là bại trận, thua cuộc. Như khi Nhật-Bản đầu hàng (trong Đệ Nhị Thế Chiến) tức là họ đã chịu khuất phục vậy. Không có chí khí, để cho ma quỷ chiến thắng – đó cũng gọi là chịu

khuất phục. Vậy thì làm thế nào mới có thể khiến cho các chúng sanh trong thời Mạt-kiếp không còn bị thối thất tâm Bồ-đề nữa?

**Kinh Văn:**

Hán Việt: Nhĩ thời Thế Tôn, ư đại chúng trung, xưng tán A Nan : “Thiện tai! Thiện tai! Như nhữ sở vấn an lập đạo tràng, cứu hộ chúng sanh Mạt-kiếp trầm溺; nhữ kim để thính, đương vị nhữ thuyết.”

A Nan , đại chúng, duy nhiên phụng giáo.

Việt: Bảy giờ Đức Thế-Tôn khen ngợi ngài A-Nan ngay giữa đại-chúng: “Lành thay! Lành thay! Như ông vừa hỏi về sự an lập đạo tràng và cứu giúp những chúng sanh bị chìm đắm trong thời Mạt-kiếp; nay ông hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà nói.”

Ngài A-Nan và đại-chúng đồng vâng theo lời dạy.

## **Giảng nghĩa:**

**Bấy giờ Đức Thế Tôn khen ngợi ngài A-Nan ngay giữa đại-chúng.** “Bấy giờ” tức là ngay sau khi Đức Thế-Tôn nghe ngài A-Nan thỉnh vấn về việc làm thế nào để chúng sanh thời Mạt-kiếp có thể lánh xa các tà-sư thuyết pháp, tránh được mọi ma-sự, và không bị thối thất tâm Bồ-đề nữa. Học Phật Pháp, quan trọng nhất là không được mới học có vài ba hôm là muốn nghỉ, không học nữa; mà cần phải luôn luôn và mãi mãi có lòng tinh tấn: “Tôi muốn học Phật Pháp. Đời đời kiếp kiếp, tôi lúc nào cũng muốn học Phật Pháp.” Ngoài ra, cần phải lập nguyện nhất định hộ trì Phật giáo, nhất định tu hành và học tập Phật Pháp – cái tâm Bồ-đề này phải vĩnh viễn không bao giờ thối chuyển. Song, làm thế nào để được như thế?

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tỏ ra vui mừng khi nghe ngài A-Nan hỏi về vấn đề này. Vì sao Đức Phật vui mừng? Tuy nói rằng Phật thì “như như bất động,” nhưng khi có người phát tâm muốn ủng hộ Phật Pháp và giúp



cho kẻ khác thành Phật, thì Phật cũng thấy vui mừng, cũng thấy hoan hỷ! Do đó, Đức Phật khen Tôn-giả A-Nan ngay trước toàn thể đại chúng rằng: **“Lành thay! Lành thay! A-Nan khá lắm! A-Nan khá lắm!”** Đức Phật nói “lành thay, lành thay” như thế tức là tấm tắc khen ngợi ngài A-Nan hai lần: “Ông khá lắm! Ông quả thật là một đệ tử tốt!”

**“Như ông vừa hỏi về sự an lập đạo-tràng và cứu giúp những chúng sanh bị chìm đắm trong thời Mạt-kiếp.** Vào thời Mạt-kiếp (Mạt Pháp), nếu ông muốn cứu vớt những chúng sanh bị chìm đắm trong cảnh “nước sôi lửa bỏng,” thì **nay ông hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà nói.** Bây giờ ông hãy chú ý nghe cho kỹ, Ta sẽ giảng cho ông rõ.”

**Ngài A-Nan và đại-chúng đồng vâng theo lời dạy.** Ngài A-Nan nghe Phật sắp thuyết Pháp thì càng vui mừng hơn nữa, cho nên ngài và đại-chúng đều đồng lòng vâng lời Phật dạy. Ất hẳn là lúc bấy giờ Đức Phật hỏi: “Các ông có muốn nghe chăng?”; và mọi người đồng thanh đáp: “Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả chúng con đều

muốn được nghe!”—ai nấy cùng nhau “y giáo phụng hành.”

Tà-sư khi nói pháp thì chuyên môn nói về chuyện dâm dục, và những điều họ nói đều không đúng với đạo lý – về điểm này, mọi người cần phải biết phân biệt cho rõ ràng. Ở cảnh giới của bậc Bồ-tát, lắm lúc các ngài cũng dùng cái tâm “từ bi ái hộ chúng sanh.” Vì biết rằng tất cả chúng sanh đều có dục niệm rất nặng nề, cho nên ngay từ lúc mới bắt đầu giáo hoá họ, bậc Bồ-tát không đòi hỏi họ phải đoạn tuyệt lòng ái-dục (hay tâm dâm dục) liền, mà chỉ dùng vô số pháp môn phương tiện để làm cho họ tự có cái nhìn thấu đáo về dâm dục, rồi tự ý đình chỉ cái tâm ấy. Đó là cảnh giới của bậc Bồ-tát, hoàn toàn khác hẳn với cảnh giới của hàng tà-sư ngoại đạo; vì vậy, mọi người cần phải hiểu cho tường tận điểm này.

Có lần Quán-Thế-Âm Bồ-tát thị hiện làm một người con gái cực kỳ xinh đẹp đến nỗi tất cả đàn ông vừa gặp mặt cô là sanh lòng yêu thích ngay. Nhân đó, cô bảo họ niệm Phật, tu hành, và rốt cuộc đã khiến cho những chúng sanh ấy đều được thành Phật. Trước kia, lúc giảng Phẩm

Phổ-Môn (trong Kinh Pháp Hoa), tôi cũng có nhắc đến chuyện “Quán Âm Bán Cá.” “Quán-Âm Bán Cá” là chuyện về một thiếu nữ vô cùng xinh đẹp, thường mang giỏ cá đi bán trong một ngôi làng mà cư dân vốn hoàn toàn không tin theo đạo Phật. Khi gặp một cô gái đẹp dễ như thế thì trai tráng trong làng đều nổi lòng tham, người nào cũng ao ước được cưới cô làm vợ. Tuy rằng dân trong làng ấy không đông lắm nhưng cũng có tới trên một trăm thanh niên, vì thế cô gái “Quán-Âm Bán Cá” bèn nói với họ: “Phận tôi thân gái không thể nào kết hôn cùng cả trăm người được, vậy giờ tôi xin dùng cách này để kén chồng: Trong hơn một trăm quý ông đây, hễ người nào học thuộc được Phẩm Phổ-Môn trước nhất thì tôi sẽ kết duyên với người ấy. Bây giờ quý ông hãy về nhà mà học đi, tôi cho quý ông thời hạn là ba ngày thôi đấy.”

Thế là hơn một trăm thanh niên, người nào cũng lấy một bản Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quán-Thế-Âm Bồ-Tát Phổ-Môn Phẩm (tức là phẩm thứ hai mươi lăm của bộ Kinh Pháp Hoa) để về học. Hết kỳ hạn ba hôm thì có khoảng bốn, năm chục người đã thuộc được; như vậy là hơn một

trăm người “dự thi” lúc ban đầu thì bây giờ còn lại khoảng một nửa. Người này nói đã thuộc rồi, người kia cũng bảo đã học xong; tất cả có hơn năm mươi người học thuộc được Phẩm Phổ-Môn. “Quán-Âm Bán Cá” bèn nói: “Bây giờ vẫn còn quá nhiều. Mặc dù hơn năm mươi quý ông đây đều thuộc Phẩm Phổ-Môn cả, song tôi không thể kết hôn với cả năm mươi người được! Tôi chỉ có thể kết hôn với một người mà thôi. Thôi thì bây giờ quý ông hãy trở về đi, tôi lại cho quý ông thời hạn năm ngày để học Kinh Kim-Cang, ai thuộc được thì tôi sẽ cùng người ấy kết duyên.”

Hơn năm mươi “thí sinh” ấy quay về và miệt mài học Kinh Kim Cang; và sau năm ngày thì có hơn hai mươi người đã học thuộc. Thiếu nữ bán cá lại nói: “Thế này thì vẫn còn đông quá, tôi không thể kết hôn với nhiều người như vậy được. Bây giờ tôi lại có một điều kiện: Tôi kỳ hạn cho quý ông bảy ngày, hễ ai học thuộc được bộ Kinh Pháp Hoa thì tôi sẽ kết hôn với người ấy. Lần này, tôi tin rằng người học thuộc sẽ được toại nguyện.”

Như thế là hơn hai mươi người này và luôn cả những

người đã dự thi khi trước lại cùng nhau cặm cùi học Kinh Pháp Hoa; và nội trong bảy ngày thì có một người có thể tụng nhuần nhuyễn và thuộc nằm lòng được trọn bộ kinh. Người này họ Mã, xuất thân từ một gia đình rất giàu có. Anh ta nói là mình đã “trúng tuyển,” chắc chắn sẽ cưới được cô gái bán cá xinh đẹp, nên gởi thiệp mời thân thuộc đến dự lễ thành hôn của mình. Không ngờ sau lễ gia tiên, vừa vào phòng tân hôn thì cô gái xinh đẹp ấy lại bị lên cơn đau tim mà chết. Chàng thanh niên họ Mã đã hao tổn biết bao tinh thần – học thuộc Phẩm Phổ Môn, Kinh Kim Cang, Kinh Pháp Hoa – mới cưới được vợ, thế mà vừa vào phòng tân hôn thì cô dâu lại đột ngột ngã ra chết!

Khi đưa đám tang cô gái ấy thì có một vị Sư mặc áo dài màu đỏ tía xuất hiện và hỏi: “Chẳng hay quý vị đang làm gì vậy?” Tang gia đáp: “Cô dâu mới cưới về bỗng dưng mắc bệnh mà chết đột ngột, bây giờ chúng tôi đang đưa đám cô ta đây!”

Vị Sư nói: “Không đúng! Cổ quan tài kia hoàn toàn trống rỗng, sao lại bảo là có người chết nằm trong đó? Quý vị



không tin thì hãy mở ra xem đi!” Mở nắp quan tài ra thì bên trong quả nhiên trống không – thi hài của cô gái bán cá được đặt nằm trong áo quan bây giờ chẳng thấy đâu nữa! Thấy thế, ai nấy đều kinh ngạc bảo nhau: “Vậy thì cô ấy đi đâu? Hãy mau mau đuổi theo! Phải tìm cho ra cô ấy và đưa về đây, nhanh lên!”

Bấy giờ, vị Sư giải thích: “Thật ra cô gái ấy chính là Quán-Thế-Âm Bồ-tát thị hiện đấy. Bởi dân chúng ở địa phương này không tin Phật nên Bồ-tát mới thị hiện làm một thiếu nữ xinh đẹp khiến cho những kẻ háo sắc như các ông say mê mà chịu học Phật Pháp. Nay các ông đã chịu học rồi thì Bồ-tát ra đi thôi!” Nghe xong, “chú rề” họ Mã chợt tỉnh ngộ: “Ồ, thì ra là vậy!” Thế rồi, khi đã nhìn thấu suốt được mọi chuyện ở thế gian, anh ta quyết định xuất gia, tinh tấn tu hành và sau đó chứng được Thánh-quả.

**Kinh Văn:**

Hán Việt: **Phật cáo A-Nan: “Nhữ thường văn ngã Tỳ-**

**nại-da trung, tuyên thuyết tu hành tam quyết định nghĩa. Sở vị nhiếp tâm vi Giới, nhân Giới sanh Định, nhân Định phát Huệ; thị tắc danh vi Tam Vô-Lậu Học.”**

**Việt: Đức Phật bảo ngài A-Nan: “Ông thường nghe Ta tuyên thuyết ba nghĩa quyết định của sự tu hành trong Tỳ-nại-da. Đó là: Nhiếp tâm là giới, do Giới sanh Định, do Định phát Huệ. Đó gọi là Tam Vô-Lậu Học.”**

### **Giảng nghĩa:**

Khi toàn thể Đại-chúng trong Pháp-hội đều đồng lòng vâng theo lời dạy, **Đức Phật bảo ngài A-Nan: “Ông thường nghe Ta tuyên thuyết ba nghĩa quyết định của sự tu hành trong Tỳ-nại-da.”** “Tỳ-nại-da” (Vinaya) tức là Luật-tạng của Đại-thừa và Tiểu-thừa, trong đó chuyên giảng về Giới-luật của Đại-thừa và Giới-luật của Tiểu-thừa.

**Đức Phật nói với ngài A-Nan rằng: “Ông luôn luôn được**

nghe những gì Ta nói. Vậy khi Ta giảng về các đạo lý trong Giới-luật, hẳn ông đã từng nghe Ta nêu ra những đạo lý tu hành này. Tu hành thì cần phải căn cứ theo ba nghĩa quyết định—ba điều cố định, bất biến, dứt khoát không thể sửa đổi. Vậy, ba nghĩa quyết định đối với sự tu hành này là gồm những gì? **Đó là: Nhiếp tâm là Giới, do Giới sanh Định, do Định phát Huệ.**” Ba nghĩa quyết định này là về Giới, Định và Huệ. “Nhiếp” tức là nhiếp thủ, nhiếp trì, có nghĩa là thu giữ, thu hút, giống như đá nam-châm hút sắt vậy.

Thế nào gọi là “nhiếp tâm”? Tâm của chúng ta, đặc biệt là cái tâm phan-duyên, suốt ngày chỉ toàn âm mưu, toan tính chuyện lợi dụng người khác, nghĩ cách kết thân với những người giàu có hoặc có thể lực để dựa dẫm, trục lợi. Lúc nào cũng nghĩ ngợi những chuyện như thế tức là có tâm phan-duyên, và chính là không nhiếp tâm. “Nhiếp tâm” có nghĩa là thu hồi cái tâm phan-duyên trở lại, không cho nó đi “phan duyên,” không để cho nó chạy rong nữa. Thế nhưng, cái tâm này, quý vị không muốn nó chạy, nó cũng tự động chạy; quý vị bảo nó đừng khởi

vọng tưởng, song chưa tới một phút là vọng tưởng lại ùn ùn dấy lên rồi! Vọng tưởng này ngừng thì vọng tưởng kia dấy khởi, niệm trước vừa diệt thì niệm sau liền sanh; niệm sau vừa diệt thì niệm sau nữa lại sanh – đó chính là cái tâm phan-duyên “niệm niệm chẳng ngừng” vậy.

Thế thì bây giờ phải làm sao? Phải nhiếp trì tâm phan-duyên—thâu nhiếp cái tâm ấy trở lại và giữ nó ở yên một chỗ! Chúng ta sở dĩ không thể thành Phật, không thể khai ngộ, không thể liễu Đạo, chính là vì chúng ta chưa khống chế được cái tâm này. Nếu khống chế được cái tâm này, giữ được nó ở yên một chỗ, thì chẳng có chuyện gì mà chúng ta không làm được; và bấy giờ, mọi việc đều thành công, mọi sự đều thành tựu. Cho nên, trước hết, chúng ta cần phải thâu nhiếp và chế ngự cái tâm phan-duyên; và đó chính là Giới, tức là biện pháp để “chỉ ác phòng phi” (chấm dứt điều ác và ngăn ngừa sự sai trái).

Trước hết, quý vị cần phải có được Giới. Có được Giới thì cũng giống như chậu nước đục được để yên, không bị khuấy động. Khi không còn chao động nữa thì đất cát từ từ lắng xuống đáy chậu, nước trở nên trong trẻo. Đó là

“do Giới sanh Định” vậy. “Định” tức là không dao động, không chao đảo. Do không dao động mà sanh ra “Định.” Khi không còn bị dao động, lay chuyển nữa, tức là có được Định rồi, thì sẽ “do Định phát Huệ”; như lời Bồ-tát Văn-Thù Sư-Lợi:

*“Sạch tột, sáng thông suốt.”*

*(Tịnh cực, quang thông đạt.)*

Hễ trong sạch tới cực điểm thì tự nhiên ánh sáng sẽ soi tỏ, xuyên suốt tất cả; “quang thông đạt” tức là được khai ngộ. “Do Định phát Huệ” nghĩa là từ trong Định sẽ nảy sanh trí huệ chân chánh.

**“Đó gọi là Tam Vô-Lậu Học.”** Giới, Định và Huệ được gọi chung là ba môn học vô-lậu. Nếu quý vị giữ Giới thì sẽ có được Định, và từ Định sẽ nảy sanh Trí-huệ.

**Kinh Văn:**

Hán Việt: **“A-Nan! Vân hà nhiếp tâm ngã danh vi**

**Giới?”**

Việt: **“A-Nan! Vì sao Ta gọi nhiếp tâm là Giới?”**

**Giải nghĩa:**

Đức Phật lại gọi: **“A-Nan! Vì sao Ta gọi nhiếp tâm là Giới?** Nhiếp tâm còn được gọi là gì? Ta đặt cho sự ‘nhiếp tâm’ cái tên Giới là có ý nghĩa gì? Bây giờ Ta sẽ nói cho ông rõ.”

**Không Dâm Tâm**

**Kinh Văn:**

Hán Việt: **“Nhược chư thể giới Lục-đạo chúng sanh, kỳ tâm bất dâm, tắc bất tùy kỳ sanh tử tương tục.”**

Việt: **“Nếu chúng sanh trong Lục-đạo ở các thể giới mà tâm không dâm dục thì sẽ không bị cuốn theo dòng sanh tử tương tục.”**

## **Giảng nghĩa:**

**“Nếu chúng sanh trong Lục-đạo ở các thế giới mà tâm không dâm dục thì sẽ không bị cuốn theo dòng sanh tử tương tục.”** Giả sử tại mọi thế giới, tất cả những chúng sanh trong sáu cõi là cõi trời, cõi A-tu-la, cõi người, cõi địa ngục, cõi ngạ quỷ, và cõi súc sanh, đều không còn lòng dâm dục, hết sạch dục niệm, thì dòng sanh tử của họ sẽ dứt hẳn, họ sẽ không còn bị tùy thuộc vào dòng sanh tử cứ tiếp diễn liên tục, không hề gián đoạn đó nữa — sự sanh tử của họ được chấm dứt.

**Kinh Văn:** Hán Việt: **“Nhữ tu Tam-muội, bốn xuất trần lao, dâm tâm bất trừ, trần bất khả xuất.”**

Việt: **“Ông tu pháp Tam-muội vốn để thoát trần-lao, nhưng nếu không trừ bỏ tâm dâm-dục thì chẳng thể ra khỏi trần-lao.”**



## Giảng nghĩa:

**“Ông tu pháp Tam-muội vốn để thoát trần-lao.”** “Ông” ở đây là chỉ ngài A-Nan. Đức Phật nói rằng: “Này A-Nan! Ông tu Định-lực cốt yếu là để vượt thoát trần-lao, ra khỏi sanh tử; **nhưng nếu không trừ bỏ tâm dâm dục thì chẳng thể ra khỏi trần lao.** Nếu ông không đoạn trừ cái tâm dâm dục thì việc thoát khỏi trần-lao là chuyện chẳng thể có được, không thể nào thực hiện được! Vì sao? Vì tâm dâm dục chính là ‘trần’ (bụi bặm), tức là một thứ ‘trần lao’ kia mà! Do đó, đừng nói là vi phạm bằng hành động, chỉ cần trong lòng ông dấy khởi một ý tưởng dâm dục, có cái dâm-tâm tồn tại, thì đó cũng chính là trần-lao rồi, và như thế là ông cũng vẫn chưa thoát ra khỏi nó được. Cho nên, nếu muốn tu Đạo, muốn được khai ngộ thành Phật, mà lại không chịu dứt bỏ dâm-tâm, thì là chuyện chẳng thể nào xảy ra được.”

Do vậy, chỉ có những kẻ vô cùng si mê mới vừa muốn giữ cái tâm dâm dục lại vừa muốn được khai ngộ. Tư tưởng

này thuộc loại ngu si tột đỉnh, và những người mang tư tưởng này là những kẻ khó có thể giáo hóa nhất; cho dù bây giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có giáng thế đi chăng nữa thì Ngài cũng không có cách nào làm cho họ đắc Đạo hay chứng quả vị được cả! Cho nên, hạng người này là ngu dốt nhất, si mê nhất!

### **Kinh Văn:**

Hán Việt: “Túng hữu đa trí, Thiên-định hiện tiền, như bất đoạn dâm, tất lạc Ma-đạo, thượng phẩm Ma-vương, trung phẩm ma-dân, hạ phẩm ma-nữ.”

Việt: “Dầu có đa trí, Thiên-định hiện tiền, mà nếu chẳng dứt trừ dâm dục tất sẽ lạc vào Ma-đạo–thượng phẩm thì làm Ma-vương, trung phẩm thì làm ma-dân, hạ phẩm thì làm ma-nữ.”

### **Giải nghĩa:**

**“Dầu có đa trí, Thiên định hiện tiền, mà nếu chẳng dứt trừ tâm dục tất sẽ lạc vào Ma-đạo.”** Đức Phật lại bảo ngài A-Nan : “Cho dù ông có trí huệ và hể ngộ Thiên là đạt được cảnh giới khinh an, cảm thấy tốt đẹp vô cùng, nhưng nếu ông không đoạn trừ tâm tâm dục thì ông sẽ bị trở thành Ma-vương.” “Thiên định hiện tiền” tức là đã có khả năng nhập Định, công phu đã có chỗ thành tựu.

**“Thượng phẩm thì làm Ma-vương.”** Làm ma thì bậc cao nhất là gì? Đó là làm Ma-vương ở Lục Dục Thiên. **“Trung phẩm thì làm ma-dân, hạ phẩm thì làm ma nữ.”** Bậc trung bình của loài ma là gì? Là ma dân, tức là dân chúng bình thường của loài ma. Còn bậc thấp kém nhất của ma đạo là gì? Là ma nữ, tuy là xinh đẹp nhưng vô cùng hèn hạ. Về điểm này, người có trí huệ cần phải thận trọng và người thông minh cần phải chú ý! Đừng để cho mình bị hại bởi sự thông minh của chính mình, đừng tự cho mình là tài giỏi, phi thường: “Các người không hiểu được đâu, chỉ có tôi mới hiểu nổi! Các người không biết gì cả, chỉ có tôi mới biết rành rẽ mà thôi!” Đó chẳng qua chỉ là thứ “tiểu trí tiểu huệ,” cái hiểu

biết hạn hẹp, nông cạn. Song, cái “tiểu trí tiểu huệ” ấy của quý vị có thể huỷ hoại cả tiền đồ của chính quý vị đấy!

### **Kinh Văn:**

Hán Việt: “**Bỉ đẳng chư ma, diệt hữu đồ chúng, các các tự vị thành Vô-thượng Đạo.**”

Việt: “**Những loại ma ấy cũng có đồ chúng, tất cả đều tự xưng đã thành tựu Đạo Vô-thượng.**”

### **Giải nghĩa:**

Quý vị xem, hạng người có chút “tiểu trí tiểu huệ” ấy vì không đoạn trừ dâm-tâm nên nói toàn những chuyện ái dục – anh yêu em, em yêu anh – cứ yêu qua yêu lại như thế rồi cuối cùng họ thành ma luôn! Thành ma rồi thì sao nữa?

**“Những loại ma ấy cũng có đồ chúng.”** Chúng ma ấy cũng có đồ đệ, cũng có kẻ ủng hộ chúng. **“Tất cả đều tự xưng đã thành tựu Đạo Vô-thượng.”** Bản thân loài ma không biết xấu hổ, kẻ nào cũng tự xưng rằng: “Tôi chính là Phật! Chúng tôi đây đều là những đấng tối cao, vô thượng!” Hễ cái gì là to lớn, thì chúng xưng chúng là cái đó. Chúng vốn là ma nhưng lại không chịu thừa nhận mình là ma, mà cứ xưng là Phật. Phật thì cũng có Phật giả mạo vậy. Trên thế gian này cái gì cũng có giả được cả, cho nên loài ma cũng có thể làm ông Phật giả. Song le, chúng không chịu nhận chúng là thứ giả. Chúng cho rằng chúng là thứ thật, và cũng là “thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn” (trên trời, dưới trời, chỉ mình ta là tôn quý) nữa!

**Kinh Văn:**

Hán Việt: **“Ngã diệt độ hậu, Mạt Pháp chi trung, đa thử ma-dân xí thành thế gian, quảng hành tham dâm, vi Thiện-tri-thức, linh chư chúng sanh lạc ái kiến**

**khánh, thất Bồ-đề lộ.”**

Việt: **“Sau khi Ta diệt độ, trong thời Mạt Pháp sẽ có nhiều loại ma dân ấy hiện ra đông đảo ở thế gian, mở rộng sự tham dâm, lại tự xưng là Thiện-tri-thức, khiến cho chúng sanh bị sa vào hầm ái-kiến, lạc mất con đường Bồ-đề.”**

### **Giảng nghĩa:**

Trước khi nhập diệt, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy rằng: “Hiện nay Ta còn ở tại thế gian thì bè lũ Ma-vương không dám xuất hiện. Song le, **sau khi Ta diệt độ, trong thời Mạt Pháp**, lúc Phật Pháp đang ở vào giai đoạn tàn lụn, thì **sẽ có nhiều loại ma dân ấy hiện ra đông đảo ở thế gian, mở rộng sự tham dâm.**” “Thời Mạt Pháp” chính là thời đại của chúng ta hiện nay. Vào thời điểm này, loại ma-dân ấy rất đông đúc và chúng đi khắp nơi nói chuyện dâm dục. Bất luận nam hay nữ, kẻ nào cũng ưa thích dâm dục và đồng thời cũng muốn thành Phật, muốn được khai ngộ.

Làm sao tôi nhận biết được “con ma” loại này ư? Trước kia, có lần tôi gặp một người nọ – không cần phải đề cập đến tên của ông ta – tự xưng mình là Phật. Khi tôi nói rằng ông ta là ma, ông ta liền hỏi lại: “Ai là ma?” Tôi đáp: “Ông chính là ma đấy!” Vì sao tôi biết được ư? Vì ông ta cứ giở những trò của ma! Ông ta chuyên môn nói chuyện tình cảm, yêu đương; lúc nào cũng: “I love everybody.” Ông ta lấy tư cách gì mà thương yêu tất cả mọi người? Thật là không biết xấu, không biết hổ thẹn!

Thời Mạt Pháp, ma-dân nhan nhản khắp nơi khiến cho thế gian này như trong cơn hỏa hoạn, đâu đâu cũng rừng rực ngọn lửa dâm dục. Những người thiếu hiểu biết đều hùa theo bọn chúng: “Họ nói nghe được lắm! Những điều họ nói đều rất có lý!” Đặc biệt là những thanh niên trẻ tuổi, ai nấy đều cảm thấy những điều chúng nói rất “tâm đầu ý hợp.” Có câu:

*«Cùng mùi thối thì hợp nhau. »*

*(Xú vị tương đầu.)*



Người này thì hôi hám, người kia cũng thối tha, bởi “cá mè một lứa” cho nên người này bảo người kia giỏi, người nọ khen người này hay. Nếu không cùng “mùi,” chẳng cùng sở thích, thì sẽ không khen ngợi lẫn nhau ; bởi:

*« Khác chí hướng ắt không cùng nhau mưu sự được. »*

*(Đạo bất đồng tắc bất tương vi mưu.)*

Tuy nhiên, nếu chí hướng giống nhau, lối suy nghĩ giống nhau, thì sẽ có trường hợp “người mù dắt người đui” xảy ra. “Người mù dắt người đui” có nghĩa là kẻ đui mù mà lại dẫn đường cho người mù đui. Quý vị thấy như thế có đáng thương hay không chứ? Tôi nói như vậy chẳng phải là muốn trách mắng người nào cả, nhưng quý vị phải biết rằng:

*Hồ đồ dạy hồ đồ,*

*Dạy rồi chẳng ai hiểu,*

*Sư-phụ dọa địa ngục,*

*Đệ tử cũng xuống theo!*

Gặp lại nhau ở địa ngục, sư-phụ mới ngỡ ngàng hỏi đệ-tử : “Ủa, sao con cũng ở đây?” Đệ-tử đáp: “Thì thầy tới trước kia mà. Lẽ dĩ nhiên là con đi theo thầy thôi!” Thì ra đôi bên đều không biết làm thế nào mình lại lọt vào đó được! Quý vị thấy có đáng thương hay không?

**“Lại tự xưng là Thiện-tri-thức.”** Bọn chúng còn khoe khoang không ngượng miệng : “Tôi đến chỗ nọ để giảng Kinh. Tôi tới chỗ kia để give lecture. I give lecture to everybody.” Thật là buồn cười hết sức!

**“Khiến cho chúng sanh bị sa vào hầm ái-kiền, lạc mất con đường Bồ-đề.”** Chúng làm cho tất cả chúng sanh đều bị rơi vào hầm hố dâm dục và đi lạc ra khỏi con đường Bồ-đề. Con đường Bồ-đề đã mất, không còn nữa, thì chạy đi đâu? Chạy vô địa ngục! Bây giờ, sư phụ trông thấy đệ-tử lù lù bước vô thì kinh ngạc hỏi: “Sao con cũng tới đây vậy? Đây chẳng phải là chỗ tốt đâu!” Đệ-tử chưng hửng đáp: “Thầy mới là người tới trước kia! Con thì đương nhiên là phải theo thầy rồi, thầy là sư phụ của con mà!” Thầy thở dài ngao ngán: “Ui chao! Lẽ ra con

không nên theo thầy, bởi đây là một nơi đầy thống khổ!”

### **Kinh văn:**

Hán Việt: “**Nhữ giáo thể nhân tu Tam-ma-địa, tiên đoạn tâm dâm, thị danh Như Lai, tiên Phật Thế Tôn, đệ nhất quyết định thanh tịnh minh hồi.**”

Việt: “**Vậy ông dạy người đời tu pháp Tam-ma-địa, trước hết phải dứt trừ tâm dâm dục. Đó là lời minh huấn quyết định thứ nhất về tánh thanh tịnh của Như-Lai và chư Phật Thế Tôn thuở trước.**”

### **Giải nghĩa:**

Sự khác biệt giữa “phản” (trái) và “chánh” (phải) – giữa Ma-vương và Bồ-tát – vốn rất vi tế; khác biệt như thế nào? Bồ-tát thương xót và che chở tất cả chúng sanh với lòng từ-bi, chứ tuyệt đối không có lòng dâm dục. Trong khi đó, Ma-vương đối với chúng sanh thì cứ đề xướng

“ái”, chuyên môn nói chuyện dâm dục, chú trọng dâm dục; thậm chí chúng còn nói rằng hễ tâm dâm dục càng nặng bao nhiêu thì khai ngộ được quả vị càng cao bấy nhiêu, và dùng tà thuyết ấy để hại người.

Bồ-tát thì không có tâm dâm dục, các ngài đối với tất cả chúng sanh hoàn toàn không có sự phân biệt. Có tâm dâm dục tức là ma. Không có tâm dâm dục, chỉ đơn thuần xót thương và cứu giúp tất cả chúng sanh – đó mới chính là cảnh giới của chư Phật và chư Bồ-tát. Ma thương người là có mưu đồ, có tham dục. Bồ-tát thương người thì không có tham dục. Không có tham dục tức là không có tâm dâm dục. Cho nên, trong Phật giáo có giảng về Thập Nhị Nhân Duyên như sau:

*Vô minh duyên Hành;*

*Hành duyên Thức;*

*Thức duyên Danh, Sắc;*

*Danh, Sắc duyên Lục Nhập;*

*Lục Nhập duyên Xúc,*

*Xúc duyên Thọ;*

*Thọ duyên Ái;*

*Ái duyên Thủ;*

*Thủ duyên Hữu,*

*Hữu duyên Sanh;*

*Sanh duyên Lão, Tử.*

Và, đó cũng chính là điểm bất đồng giữa Phật-giáo với các giáo phái của Ma-vương ở thế gian.

**“VẬY ông dạy người đời tu pháp Tam-ma-địa, trước hết phải dứt trừ tâm dâm dục. Ông phải dạy cho tất cả mọi người ở thế gian muốn tu pháp-môn Định-lực này biết rằng việc đầu tiên họ cần phải làm là dứt bỏ dâm-tâm, quét sạch dục-niệm. ĐÓ LÀ LỜI MINH HUẤN QUYẾT ĐỊNH THỨ NHẤT VỀ TÁNH THANH TỊNH CỦA NHƯ-LAI và chư PHẬT, THẾ-TÔN thuở trước.”** Đạo lý này vốn do chính Đức

Như-Lai và tất cả chư Phật, Thế-Tôn thuở trước dạy bảo. Các ngài đã đưa ra lời giáo huấn rất rõ ràng: “Nhất định phải cắt đứt, loại trừ tâm dâm dục!” Đây là điều kiện tất yếu thứ nhất, dứt khoát không được sửa đổi một mảy may. Đạo lý này là “quyết định nghĩa,” chứ không phải là “bất định nghĩa”; cũng chẳng phải là “không nhất định” – chẳng phải là có cũng được mà không có cũng được. Cái tâm dâm dục dứt khoát phải không còn tồn tại. Có tâm dâm dục tất sẽ bị lạc vào đường ma. Nếu vẫn giữ tâm dâm dục mà mong khai ngộ, thì chắc chắn sẽ trở thành quyến thuộc của Ma-vương!

### **Kinh Văn:**

Hán Việt: “Thị cố A-Nan, nhược bất đoạn dâm, tu Thiên-định giả, như chưng sa thạch dục kỳ thành phạm, kinh bách thiên kiếp, chỉ danh nhiệt sa. Hà dĩ cố? Thử phi phạm bản, sa thạch thành cố.”

Việt: “Cho nên, A-Nan, nếu kẻ tu Thiên-định mà không dứt trừ dâm tâm thì cũng như nấu cát sạn mà

muốn thành cơm, dầu có trải tới trăm ngàn kiếp cũng chỉ gọi là sạn nóng. Vì sao? Vì đó không phải là gốc của cơm, mà chỉ là cát sạn!”

### **Giảng nghĩa:**

Quý vị xem, ở đây Phật lại nêu ra một tỷ dụ nữa. Đức Phật bảo ngài A-Nan: “Ông chưa tin ư? Ông chưa tin thì Ta sẽ giảng nghĩa cho ông rõ.” Và Đức Phật dạy tiếp: **“Cho nên, A-Nan, nếu kẻ tu Thiên-định mà không dứt trừ dâm tâm thì cũng như nấu cát sạn mà muốn thành cơm.** Vì lẽ ấy cho nên, A-Nan à, giả sử ông không đoạn trừ tâm dâm dục mà ngày ngày cũng ngồi Thiền, cũng tu hành, tất ông sẽ vừa tu hành vừa bị lậu thoát. Ông tu được một phần thì lậu thoát mười phần, tu được mười phần thì lậu thoát mất một trăm phần. Ông muốn ngồi Thiền mà lại không chịu dứt bỏ dâm-tâm ư? Ông vừa muốn ngồi Thiền để được khai ngộ, lại vừa muốn tìm cầu thứ lạc thú điên đảo ấy, thì chẳng khác nào muốn nấu cát và sạn cho thành cơm vậy.



Ông đem cát sạn đi nấu, **dầu có trải tới trăm ngàn kiếp cũng chỉ gọi là sạn nóng**. Dù ông cứ nấu như thế trong suốt cả trăm ngàn kiếp đi chẳng nữa, thì cũng chỉ có thể gọi đó là ‘sạn nóng’ mà thôi, chẳng có công dụng gì cả. **Vì sao?** Do duyên có nào ư? **Vì đó không phải là gốc của cơm, mà chỉ là cát sạn!** Thứ mà ông đem nấu chính là cát sạn, chứ không phải là gạo, không có chất liệu của cơm! Nếu ông muốn khỏi dứt bỏ tâm mà vẫn được khai ngộ thì cũng tương tự như nấu cát sạn mà mong thành cơm, ao ước cát sạn biến thành lúa gạo vậy.”

Khi không còn tâm-tâm thì sẽ không thấy có tướng nam tướng nữ, không còn phân biệt giữa mình với người, và cũng không thấy có tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả nữa. Có những người không biết hổ thẹn, dám nói rằng: “Tôi là người như thế đấy!” Chỉ nói suông như vậy thì chẳng đáng tin. Không có gì làm bằng chứng thì làm sao quý vị biết được mình là người như thế? Nếu quả thật quý vị là người như thế thì quý vị phải là người hoàn toàn không biết mình là người như thế mới đúng; và quý vị

cũng sẽ không nói: “Chứ sao! Tôi không có tâm dâm dục!” Người đã hết sạch dục niệm thì không có thứ kiến giải ấy. Không có, tức là không có. Họ chẳng làm rùm beng, chẳng quảng cáo, chẳng đăng báo, và cũng chẳng khoe khoang: “Tôi là người như thế đấy!” Chỉ một việc tự rêu rao, tự quảng cáo cho mình là đã không phải rồi; cho nên mọi người cần phải chú ý đến điểm này!

Nếu quý vị quả thật không có tâm dâm dục, thì quý vị sẽ:

*Mắt nhìn hình sắc, trong chẳng có,*

*Tai vắng chuyện đời, tâm chẳng hay!*

*(Nhãn quán hình sắc, nội vô hữu*

*Nhĩ thính trần sự, tâm bất tri.)*

Khi mắt nhìn biết bao hình sắc mà trong lòng chẳng thấy có gì hiện hữu và tai nghe những âm thanh êm dịu mà tâm trí lại không hay không biết gì cả, tức là đã có được chút “hỏa hầu.” Tâm phải không dao động, không một ý nghĩ nào dấy khởi, dục-niệm phải hoàn toàn không còn

nữa, thì mới là đúng thật. Nếu có những lúc quý vị vẫn còn tơ tưởng đến phái nữ, thì vẫn chưa được.

Có một người nọ sau khi khai ngộ rồi thì tới báo cho Sư-phụ của mình biết và thỉnh ngài khai thị ấn chứng. Vị Sư-phụ hỏi: “Ông khai ngộ cái gì thế?” Anh ta thưa: “Ồ! Trước kia con hoàn toàn không hiểu, nhưng nay thì con biết được rằng sư-cô là đàn bà!” Thì ra bây giờ anh ta mới biết rằng sư-cô, tức là Tỳ-khưu-ni, là đàn bà! Vị Sư-phụ bèn dùng Phật-nhãn để quán xét: “Ồ! Người này quả thật đã khai ngộ rồi,” và liền ấn chứng cho anh ta: “Ông được rồi đó!”

Hẳn quý vị sẽ nghĩ: “Ai mà không biết điều đó?” Thế nhưng, người chưa khai ngộ thì sẽ không nói được câu ấy. Nhờ được khai ngộ rồi, cho nên người đệ tử này mới thốt ra một câu như thế! Vả lại, anh ta không thể nào dối gạt người khác được, vì Sư-phụ của anh ta có Phật-nhãn, ngài đã dùng Phật-nhãn quán sát và biết được đệ tử của mình đã đắc Đạo, đã chứng được Sơ-quả A-la-hán, nên ngài mới ấn chứng cho, nói rằng: “Đúng vậy!”

## **Kinh Văn:**

Hán Việt: “**Nhữ dĩ dâm thân, cầu Phật diệu quả, túng đắc diệu ngộ, giai thị dâm căn, căn bản thành dâm, luân chuyển Tam-đồ, tất bất năng xuất. Như Lai Niết-bàn, hà lộ tu chứng?**”

Việt: “**Ông lấy dâm-thân mà cầu diệu-quả của Phật, cho dầu có đắc diệu-ngộ thì cũng đều là dâm-căn. Căn bản đã thành dâm, tất phải luân chuyển trong Tam-đồ, không thoát ra được. Thế thì Niết-bàn của Như-Lai do đường nào mà tu chứng?**”

## **Giảng nghĩa:**

Đức Phật dạy ngài A-Nan: “Ông có thích cô con gái của Ma-Đăng-Già ấy, như thế có nghĩa là không những tâm dâm dục mà ngay cả cái thân dâm dục của ông đều vẫn còn tồn tại. **Ông lấy dâm-thân mà cầu diệu quả của**

**Phật, cho dầu có đặc diệu-ngộ thì cũng đều là dâm-căn.** Nếu ông dùng cái thân dâm dục để cầu mong chứng đắc quả vị nhiệm màu của Phật, cho dù ông có đạt được đạo lý vi diệu đi chăng nữa, thì cũng còn vướng mắc cái gốc rễ dâm dục mà ông chưa chặt bỏ được. **Căn bản đã thành dâm, tất phải luân chuyển trong Tam-đồ, không thoát ra được.** Với cái gốc là dâm dục, thì tương lai ông nhất định sẽ bị đọa vào Tam-đồ. (“Tam-đồ” hay “Tam ác đạo,” tức là ba con đường xấu ác—địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.) Như thế, ông dứt khoát không thể nào ra khỏi ba đường ác ấy được, mà chắc chắn sẽ bị chuyển thân sanh làm súc sanh, ngạ quỷ, hoặc đọa địa ngục. **Thế thì Niết-bàn của Như-Lai do đường nào mà tu chứng?** Vậy ông căn cứ vào cái gì, nương theo con đường nào để có thể chứng được quả vị Niết-bàn của Phật?”

**Kinh Văn:**

Hán Việt: **“Tất sử dâm cơ thân tâm câu đoạn, đoạn**

**tánh diệt vô, ư Phật Bồ-đề tự khả hy ký.”**

Việt: **“Phải làm cho dâm-cơ của thân và tâm đều dứt, và tánh ‘dứt’ ấy cũng không còn, thì mới mong đạt được quả Bồ-đề của Phật.”**

**Giải nghĩa:**

**“Phải làm cho dâm-cơ của thân và tâm đều dứt.** Ông nhất định phải dứt bỏ dâm-cơ của thân và dâm-cơ của tâm.” “Dâm cơ” tức là một niệm dâm dục nhỏ nhất, vi tế nhất. “Dâm cơ” cũng có nghĩa là vô minh; do đó, cần phải dứt trừ vô minh.

**“Và tánh ‘dứt’ ấy cũng không còn,** ngay cả cái biết về tánh ‘dứt’ ấy ông cũng phải không được có nữa, như thế **thì mới mong đạt được quả Bồ-đề của Phật,** mới có thể nuôi hy vọng trên con đường giác ngộ của Phật vậy.”

## **Kinh Văn:**

Hán Việt: **“Như ngã thử thuyết, danh vi Phật thuyết; bất như thử thuyết, tức Ba-Tuần thuyết.”**

Việt: **“Như lời Ta nói đây mới gọi là lời Phật nói; nếu chẳng nói như vậy, tức là lời của Ma Ba-Tuần.”**

## **Giải nghĩa:**

**“Như lời Ta nói đây mới gọi là lời Phật nói; nếu chẳng nói như vậy, tức là lời của Ma Ba-Tuần.** Những lời như Ta giảng đây mới đích thực là Pháp do Phật nói ra. Nếu lời nói không phù hợp với đạo lý của Ta thì đó là lời của Ma-vương vậy.” “Ba-Tuần” là tiếng Phạn, có nghĩa là “ác giả,” kẻ ác. Ma Ba-Tuần tức là Ma-vương, vua của loài ma.

Người đến nghe Kinh nhất định là đều sáng mắt. Người mù thì không thể đến nghe Kinh, cả người điếc và người câm cũng đều không thể đến để nghe Kinh được. Những

kể đến đây nghe Kinh thì đều càng nghe càng thông minh, chứ không phải càng nghe càng ngu si. Do đó, bây giờ mọi người nên mở con mắt trí huệ chân chánh của mình ra và hướng nhĩ-căn chân chánh của mình vào trong để lắng nghe tự tánh, chứ đừng lăng xăng tìm kiếm ở bên ngoài nữa. Đó là tất cả những gì tôi muốn nói với quý vị trong ngày hôm nay!

## **Không Sát Sanh**

### **Kinh Văn:**

Hán Việt: “**A-Nan! Hựu chư thế giới, Lục-đạo chúng sanh, kỳ tâm bất sát, tắc bất tùy kỳ sanh tử tương tục.**”

Việt: “**A-Nan! Lại nữa, nếu chúng sanh trong Lục-đạo ở các thế giới mà tâm không sát sanh thì sẽ không bị cuốn theo dòng sanh tử tương tục.**”



## **Giảng nghĩa:**

Đức Phật dạy: **“A-Nan! Lại nữa, nếu chúng sanh trong Lục-đạo – trời, người, A-tu-la, ngạ quỷ, địa ngục và súc sanh – ở các thế giới, mà tâm không sát sanh...”** Ở đây, “không sát sanh” chẳng phải chỉ đơn thuần thân không sát sanh, mà luôn cả tâm cũng phải không sát sanh nữa.

Nếu trong lòng của các chúng sanh trong sáu đường ấy không hề có ý nghĩ giết hại sinh vật, trái lại còn muốn giới sát, phóng sanh, **“thì sẽ không bị cuốn theo dòng sanh tử tương tục.”** Nếu không sát sanh, tất sẽ cắt đứt được sự tới lui trong sáu nẻo luân hồi, và do đó sẽ không còn bị tùy thuộc vào nghiệp báo tương tục của dòng sanh tử nữa.

**Kinh Văn:**Hán Việt: **“Nhữ tu Tam-muội, bốn xuất trần lao, sát tâm bất trừ, trần bất khả xuất.”**

Việt: “Ông tu pháp Tam-muội vốn để thoát trần-lao, nhưng nếu không trừ bỏ tâm sát-sanh thì chẳng thể ra khỏi trần-lao.”

### **Giảng nghĩa:**

“A-Nan! Ông tu pháp Tam-muội vốn để thoát trần-lao. Thật ra, ông tu hành Định-lực với nguyện vọng là vượt khỏi trần lao, **nhưng nếu không trừ bỏ tâm sát-sanh thì chẳng thể ra khỏi trần-lao.**”

Làm thế nào để dứt trừ tâm sát sanh? Phải giới sát, phóng sanh. Trong phần kinh văn trên, Đức Phật có dạy: “Nếu không dứt trừ tâm dâm-dục thì chẳng thể ra khỏi trần lao”; thì đối với tâm sát-sanh cũng vậy: “Nếu không dứt trừ tâm sát sanh,” thì cũng “chẳng thể ra khỏi trần lao.”

Phải đoạn trừ tâm dâm dục thì mới có thể thoát khỏi chốn trần lao bụi bặm, vượt ra khỏi sáu nẻo luân hồi

được. Nhưng nếu dâm tâm đã dứt sạch mà sát tâm vẫn còn tồn tại, thì cũng vẫn không thể ra khỏi trần-lao, không thể vượt thoát sáu nẻo luân hồi, và cũng không thể siêu xuất Tam-giới được.

**Kinh Văn:**Hán Việt: “Túng hữu đa trí, Thiên-định hiện tiền, như bất đoạn sát, tất lạc Thần-đạo–thượng phẩm chi nhân vi Đại-lực Quỷ; trung phẩm tắc vi Phi-hành Dạ-xoa, chư Quỷ-soái đẳng; hạ phẩm đương vi Địa-hành La-sát.”

Việt: “Dầu có đa trí, Thiên-định hiện tiền, mà nếu chẳng dứt trừ sát sanh, tất sẽ lạc vào Thần-đạo–người thượng phẩm thì làm Đại-lực Quỷ, trung phẩm thì làm Phi-hành Dạ-xoa hoặc làm Quỷ-soái, hạ phẩm thì làm Địa-hành La-sát.”

**Giải nghĩa:**

**“Dầu có đa trí, Thiên-định hiện tiền, mà nếu chẳng dứt trừ sát sanh, tất sẽ lạc vào Thần-đạo.”** “Đa trí” ở đây không phải là trí huệ xuất thế mà là thế trí biện thông – thứ trí huệ của thế gian. Như vậy, cho dù quý vị rất thông minh, có được thế trí biện thông, có tài ăn nói, giỏi biện luận, khéo biện biệt, và công phu tu hành cũng đã tương ưng rồi; song le, nếu không dứt bỏ tâm sát sanh, thì trong tương lai, quý vị sẽ bị rơi vào đường Thần-đạo và có thể làm Thần, làm Thiên-vương, Thiên-chủ, hoặc Đại-lực Tướng-quân (tức Đại-lực Quỷ) ở cõi trời.

**“Người thượng phẩm thì làm Đại-lực Quỷ.** Người thượng phẩm (tức là người giỏi nhất) thì làm loại quỷ thần có thể lực lớn; loại quỷ này cũng là thần. Đại-lực Quỷ chính là Thiên-hành Dạ-xoa (quỷ Dạ-xoa ở cõi trời). **Trung phẩm thì làm Phi-hành Dạ-xoa hoặc làm Quỷ-soái.** Hạng quỷ trung phẩm, thần trung phẩm này có thể là Phi-hành Dạ-xoa (quỷ Dạ-xoa bay liệng trên không), hoặc nguyên soái của loài quỷ. **Hạ phẩm thì làm Địa-hành La-sát.** Hạng người thuộc hạ phẩm thì làm Địa-hành La-sát, loại quỷ La-sát ở dưới đất.”

## **Kinh Văn:**

Hán Việt: “**Bỉ chư quỷ thần, diệt hữu đồ chúng, các các tự vị thành Vô-thượng Đạo.**”

Việt: “**Các quỷ thần ấy cũng có đồ chúng, tất cả đều tự xưng đã thành tựu Đạo Vô-thượng.**”

## **Giải nghĩa:**

“**Các quỷ thần ấy cũng có đồ chúng.**” Những quỷ thần này – Thiên chủ, Thần ở cõi trời, hoặc loài quỷ ở địa ngục, loài Địa-hành La-sát ở nhân gian, loài Phi-hành Dạ-xoa bay trên không, và Thần-vương Đại-lực Quỷ – đều có rất đông đồ chúng. “Đồ” tức là đồ đệ; “đồ chúng” tức là bè đảng rất đông, rất nhiều. Có rất nhiều loại quỷ, như Đại-lực Quỷ (quỷ có thể lực lớn), Đa-tài quỷ (quỷ có nhiều tiền của), Thiếu-tài Quỷ (quỷ có ít tiền của), Vô-tài quỷ (quỷ không có tiền của), Khứu hương Quỷ (quỷ ngửi mùi

thơm), Khứu-xú Quỷ (quỷ ngửi mùi hôi)... Bởi có tới mấy vạn loại quỷ khác nhau, cho nên Đức Phật nói: “Các quỷ thần ấy cũng có đồ chúng” – kẻ này có đệ tử, kẻ kia cũng có đồ đệ, cho nên bọn chúng rất là đông đúc.

**“Tất cả đều tự xưng đã thành tựu Đạo Vô-thượng.”** Những quỷ thần ấy, kẻ nào cũng ngạo mạn, tự xưng là mình đã thành tựu được Đạo Vô-thượng. Ở Trung-Hoa có vị Quan Đế Công vốn là loại Đa-tài Quỷ (quỷ có nhiều tiền của), song về sau đã quy y Tam Bảo và được tôn xưng là Bồ-tát Già-Lam. Đối với Phật-giáo thì Bồ-tát Già-Lam là một vị Thần Hộ-Pháp; và khi ở trong chùa hay trước mặt Đức Phật thì vị Thần Hộ-Pháp này phải đứng, bởi không có chỗ ngồi cho thần.

### **Kinh Văn:**

Hán Việt: **“Ngã diệt độ hậu, Mạt Pháp chi trung, đa thử quỷ thần, xí thanh thế gian, tự ngôn thực nhục đắc Bồ-đề lộ.”**

Việt: **“Sau khi Ta diệt độ, trong thời Mạt Pháp, sẽ có nhiều loại quỷ thần ấy hiện ra đông đảo ở thế gian, tự nói rằng ăn thịt thì đắc được con đường Bồ-đề.”**

### **Giải nghĩa:**

**“Sau khi Ta diệt độ, trong thời Mạt Pháp...”** Thời đại sau khi Phật nhập Niết-bàn tức là thời của chúng ta hiện nay và cũng chính là “thời Mạt Pháp” vậy.

**“Sẽ có nhiều loại quỷ thần ấy hiện ra đông đảo ở thế gian.”** Những quỷ thần này vốn là những kẻ kiếp trước tuy có tu hành song lại không thể giới sát, nên phải cam chịu đọa lạc vào chốn Thần đạo. Trong thời Mạt Pháp, ở thế gian có rất nhiều quỷ thần như thế xuất hiện, và **“tự nói rằng ăn thịt thì đắc được con đường Bồ-đề.”** Những quỷ thần ấy còn tuyên bố với mọi người: “Tôi có ăn thịt đấy! Ăn thịt thì cũng thành Phật được như thường! Tôi không cần giới sát, cũng chẳng phải ăn chay, thế mà bây giờ tôi cũng khai ngộ, cũng làm Phật được vậy!” “Con đường Bồ-đề” có nghĩa là con đường thành

Phật.

Có một người nọ tự xưng rằng mình đã khai ngộ rồi, nhưng ông ta lại ăn thịt, uống rượu, hút thuốc, thậm chí còn xúi giục những thanh niên theo ông ta sử dụng ma-túy, nha phiến, và luôn cả LSD nữa. Ông ta nói rằng ông ta đã khai ngộ rồi ư? Làm gì có chuyện vô lý như thế được?! Đức Phật xưa kia khai ngộ là chính Ngài tự khai ngộ lấy, chứ tuyệt đối không đụng tới các dục phẩm như thế; còn ông ta bây giờ thì tự đầu độc mình bằng ma-túy, khiến cho tinh thần và thể xác đều rũ liệt, kiệt quệ đến gần chết, thế mà vẫn cứ khẳng khẳng cho rằng mình đã được khai ngộ! Quý vị nói xem, như thế là có điên đảo hay không chứ? Họ đúng là những chúng sanh điên đảo!

**Kinh văn:**

Hán Việt: “**A Nan ! Ngã linh Tỳ khưu thực Ngũ Tịnh-nhục, thử nhục giai ngã thần lực hóa sanh, bổn vô mạng căn. Nhữ Bà-la-môn địa đa chưng thấp, gia dĩ**



sa thạch, thảo thái bất sanh. Ngã dĩ đại bi thần lực sở gia, nhân đại từ bi giả danh vi nhục, nhữ đắc kỳ vị. Nại hà Như Lai diệt độ chi hậu, thực chúng sanh nhục, danh vi Thích tử?”

Việt: “A Nan ! Ta cho phép chúng Tỳ-khưu ăn Ngũ Tịnh-nhục; thịt ấy đều do thần lực của Ta hóa sanh chớ vốn không có mạng căn. Bà-la-môn các ông ở nơi nóng, ẩm, lại thêm có đá sạn nên rau cỏ không sống được; vì thế, Ta dùng thần lực đại bi gia hộ, do đại từ bi mà giả gọi là thịt cho các ông có được cái vị. Làm sao sau khi Như Lai diệt độ, những kẻ ăn thịt chúng sanh lại gọi là Thích tử được?”

**Giảng nghĩa:**

“A-Nan! Ta cho phép chúng Tỳ-khưu ăn Ngũ Tịnh-nhục. Trong giáo pháp của Phật, Ta có cho phép các Tỳ-khưu ăn Ngũ Tịnh-nhục. » Thế nào gọi là « Ngũ Tịnh-nhục »? Đó là năm thứ thịt thanh tịnh:

1) Thịt của thú vật mà mình không thấy bị giết (bất kiến sát nhục).

2) Thịt của thú vật mà mình không nghe bị giết (bất văn sát nhục).

3) Thịt của thú vật mà mình không nghi ngờ là vì mình mà bị giết (bất nghi vi kỷ sát nhục).

4) Thịt của thú vật tự nhiên bị chết (tự tử nhục).

5) Thịt của thú vật mà chim ăn còn dư (điều tàn nhục).  
Chẳng hạn như chim ưng bắt gà con để ăn, nhưng ăn không hết. Phần thịt còn thừa ấy, nếu quý vị trông thấy thì có thể nhặt lấy để ăn, và thịt đó được gọi là « điều tàn nhục. »

**« Thịt ấy đều do thần lực của Ta hóa sanh chứ vốn không có mạng căn ».** Năm thứ thịt thanh tịnh ấy đều là do Đức Phật dùng sức thần mà hóa sanh ra cho nên không có mạng căn. Thế nào gọi là « không có mạng

căn »? Tức là không có ý thức, không có hơi ấm, không có sự hít thở – không có mầm sống.

« **Bà-la-môn các ông ở nơi nóng, ẩm.** » Những người dòng Bà-la-môn giữ hạnh thanh tịnh thường sống ở vùng có rất nhiều cát, lại rất nhiều nước nữa. « Nóng » tức là có khí nóng của cát đá bốc lên; và « ẩm » là có ứ đọng rất nhiều nước. « **Lại thêm có đá sạn nên rau cỏ không sống được.** » Thêm vào đó lại còn có sỏi đá xen lẫn trong đất nữa, khiến cho cả rau lẫn cỏ đều không thể sinh trưởng được.

« **Vì thế Ta dùng thần lực đại bi gia hộ, do đại từ bi mà giả gọi là thịt cho các ông có được cái vị.** Do lòng đại từ đại bi nên Ta giả gọi thức này là thịt mà thôi, chứ thật ra đó không phải là thịt; cho nên các ông có thể ăn những thức ăn này. Nay thì Ta cho Tỳ-khưu các ông được phép thọ dụng thứ thịt thanh tịnh này. »

« **Làm sao sau khi Như-Lai diệt độ, những kẻ ăn thịt chúng sanh lại gọi là Thích-tử được?** » Những kẻ

không ăn năm thứ thịt thanh tịnh do Đức Phật định ra mà chỉ chuyên ăn thịt của chúng sanh thì có được gọi là « Thích-tử » không ? Dứt khoát là không! Những người như thế không thể nào gọi là Thích tử được! « Thích-tử » (đệ tử của Thích Ca) là một danh xưng khác để chỉ người xuất gia theo đạo Phật.

### **Kinh văn:**

Hán Việt: « Nhữ đẳng đương tri, thị thực nhục nhân, túng đắc tâm khai tộ Tam-ma-địa, giai Đại La-sát, báo chung tất trầm sanh tử khổ hải, phi Phật đệ tử. Như thị chi nhân, tương sát tương thôn, tương thực vị dĩ. Vân hà thị nhân đắc xuất Tam-giới? »

Việt: « Các ông phải biết: Những kẻ ăn thịt dầu được tâm khai tộ Tam-ma-địa, cũng chỉ là loài Đại La-sát, đến khi báo chung phải chịu trầm luân trong biển khổ sanh tử, chớ không phải là đệ tử của Phật. Những người như vậy là hạng giết hại lẫn nhau, ăn thịt lẫn nhau, hổ tương ăn nuốt không dứt, thì làm sao ra

## khỏi được Tam-giới? »

### Giảng nghĩa:

Đức Phật dạy: « Trong thời Mạt Pháp, sau khi Ta nhập diệt, nếu có những thầy Tỳ-khưu xuất gia nào mà còn muốn ăn thịt—bất kể là loại Ngũ Tịnh-nhục hay Tam Tịnh-nhục, nói chung, cứ là thịt thì họ liền ăn, chẳng cần hỏi trước xem thịt ấy có thanh tịnh hay không—thì **các ông phải biết: Những kẻ ăn thịt đều được tâm khai tựa Tam-ma-địa, cũng chỉ là loài Đại La-sát, đến khi báo chung phải chịu trầm luân trong biển khổ sanh tử.** Sau khi Ta diệt độ, những kẻ ăn thịt chúng sanh sẽ mạo xưng là đệ tử của Phật, rồi ăn thịt, uống rượu một cách tùy tiện, lại còn nói là ai cũng có quyền tự do làm theo sở thích. Hạng người ấy cho dù có đạt được chút cảnh giới hoặc trí huệ được khai mở đôi chút, và dường như cũng có được đôi chút Định-lực đi chăng nữa, thực chất, họ chỉ là loại Đại La-sát—thứ Ma vương hoặc quỷ La-sát to lớn—mà thôi; và một khi thọ mạng của họ đã hết,

họ chắc chắn sẽ bị đọa lạc. Đọa lạc nơi nào? Đọa lạc, chìm đắm trong biển khổ sanh tử! »

« Tâm khai » nghĩa là trong lòng có hiểu được đôi chút đạo lý. « Tựa » tức là tương tự, giống như vậy thôi, chứ sự thật vốn không phải như vậy. Sự thật thì không phải là trí huệ của họ được khai mở, chẳng qua là họ tự cho rằng họ được như vậy mà thôi!

Hôm nọ có một người đến đây và tự tuyên bố rằng mình giống Đức Lục-Tổ, tôi bèn hỏi: « Tôi hỏi ông: Căn cứ vào đâu mà ông nói là ông giống Lục Tổ? » Ông ta đáp: “Tôi ấy à, tôi không căn cứ vào đâu mà chẳng giống Lục Tổ!” Ông ta tưởng rằng trả lời như thế tức là có trí huệ. Thật ra, ông ta chính là hạng người hiện đang được đề cập tới trong đoạn kinh văn này — họ tuy mặc áo của Phật, ăn cơm của Phật, **« chớ không phải là đệ tử của Phật. »**

**« Những người như vậy là hạng giết hại lẫn nhau, ăn thịt lẫn nhau, hổ tương ăn nuốt không dứt. »** Những người ấy vừa sát sanh lại vừa ăn thịt, họ không chịu giới sát mà cũng chẳng từ bỏ thói ăn thịt. Do đó, họ cứ ở trong

cái vòng luẩn quẩn ăn nuốt lẫn nhau, vay trả qua lại—anh ăn thịt tôi thì tôi ăn thịt anh lại, anh ăn của tôi thì anh phải trả nợ ấy cho tôi, tôi ăn của anh thì tôi cũng phải đền nợ đó cho anh... « Không dứt » tức là cứ tiếp diễn liên tục, không có lúc chấm dứt. Vì sao lại « không dứt »? Vì nếu anh ăn thịt tôi thì tôi cũng sẽ ăn thịt anh, tôi ăn thịt anh thì anh sẽ ăn thịt tôi lại, kiếp này anh ăn thịt tôi thì kiếp sau tôi ăn thịt anh, rồi kiếp sau nữa anh lại ăn thịt tôi...; cứ như thế mà giết hại, ăn nuốt lẫn nhau không bao giờ ngừng dứt.

**« Thì làm sao ra khỏi được Tam-giới? Làm thế nào những người như vậy lại có thể vượt ra khỏi ba cõi đầy thống khổ—Dục giới, Sắc-giới, Vô-sắc-giới—này được chứ? »**

**Kinh văn:**

Hán Việt: **« Nhữ giáo thể nhân tu Tam-ma-địa, thứ đoạn sát sanh, thị danh Như Lai, tiên Phật, Thế Tôn, Đệ Nhị Quyết Định Thanh Tịnh Minh Hối. »**

Việt: « **Vậy ông dạy người đời tu pháp Tam-ma-địa, kể đến phải dứt trừ sát sanh. Đó là lời minh huấn quyết định thứ hai về tánh thanh tịnh của Như-Lai và chư Phật, Thế-Tôn thuở trước. »**

### **Giảng nghĩa:**

« **Vậy ông dạy người đời tu pháp Tam-ma-địa, kể đến phải dứt trừ sát sanh.** Ông hãy giáo hóa và bảo cho những người thế gian tu Định-lực biết rằng trước hết họ cần phải đoạn trừ dâm dục, và sau đó là phải đoạn trừ sát sanh. » Tâm dâm dục cần phải được dứt bỏ trước tiên là vì:

*Dâm tâm không trừ, trần-lao chẳng thoát.*

*(Dâm-tâm bất trừ, trần bất khả xuất.)*

Tuy nhiên, nếu không trừ bỏ cái tâm sát sanh thì cũng chẳng thể nào ra khỏi chốn trần lao được; do đó, cần phải



dứt tuyệt sát sanh.

« Đó là lời minh huấn quyết định thứ hai về tánh thanh tịnh của Như-Lai và chư Phật, Thế-Tôn thuở trước. » Đó chính là sự giáo hóa do Như-Lai Thế-Tôn đề xướng. Tất cả chư Phật, Thế-Tôn đời trước và chư Phật đời hiện tại đều răn dạy rõ ràng như thế cả. Đó là lời minh huấn có ý nghĩa quyết định thứ nhì về tánh thanh tịnh. Mọi người nhất định phải tuân theo; bằng không, sẽ không thể nào ra khỏi Tam-giới được!

### **Kinh văn:**

Hán Việt: « **Thị cố A-Nan, nhược bất đoạn sát, tu Thiên-định giả, tỷ như hữu nhân, tự tác kỳ nhĩ, cao thanh đại kiêu, cầu nhân bất văn, thử đẳng danh vi ‘dục ẩn di lộ’.** »

Việt: « Cho nên, A-Nan, nếu kẻ tu Thiên-định mà không dứt trừ sát sanh thì cũng như người tự bịt tai rồi cất tiếng kêu to mà lại cầu cho người khác

**đừng nghe thấy; đó gọi là ‘muốn giấu mà lại thành lộ rõ’. »**

### **Giảng nghĩa:**

**« Cho nên, A-Nan, ông phải biết rằng, nếu kẻ tu Thiên-định mà không dứt trừ sát sanh, không còn lòng từ bi nữa—chúng tử từ bi đã bị hủy diệt—thì cũng như người tự bịt tai rồi cất tiếng kêu to mà lại cầu cho người khác đừng nghe thấy. »** Tỷ dụ này cũng tương tự như « bịt tai trộm chuông » tự bịt chặt hai tai mình lại rồi đi ăn trộm chuông, tưởng rằng mình không nghe thấy tiếng chuông tức là mọi người cũng đều không nghe thấy!!!

**« Đó gọi là ‘muốn giấu mà lại thành lộ rõ’. »** Họ muốn giấu kín nhưng rốt cuộc chỉ khiến cho sự việc lộ liễu thêm mà thôi, và họ càng muốn giấu giếm bao nhiêu thì lại càng phô bày rõ rệt hơn bấy nhiêu! Cho nên, nếu tu Thiên-định mà không dứt bỏ sát sanh thì sẽ chẳng thể nào thành tựu được.

## **Kinh văn:**

Hán Việt: « Thanh tịnh Tỳ-khưu cập chư Bồ-tát, ư kỳ lộ hành bất đạp sanh thảo, hướng dĩ thủ bạt, vân hà đại bi thủ chư chúng sanh huyết nhục sung thực? »

Việt: « Chư Bồ-tát và các Tỳ-khưu thanh tịnh khi đi trên lối rẽ còn không đạp lên cỏ sống hướng hồ là lấy tay nhỏ, thì sao kẻ có tâm đại bi lại lấy máu thịt của chúng sanh làm thức ăn? »

## **Giải nghĩa:**

« Chư Bồ-tát và các Tỳ-khưu thanh tịnh khi đi trên lối rẽ còn không đạp lên cỏ sống hướng hồ là lấy tay nhỏ. » Ở các ngã ba ngã tư, nơi gặp gỡ của nhiều lối rẽ, đa số thường có nhiều cỏ mọc. Tuy nhiên, các bậc Bồ-tát, Đại Bồ-tát, cũng như các thầy Tỳ-khưu tu hạnh thanh tịnh hết sức thanh cao, tinh khiết, đều không hề dẫm chân lên

cỏ xanh—cỏ tươi, cỏ còn sống—vì không muốn xéo nát cỏ, sợ làm cỏ chết. Các ngài cũng không nỗ lực tay nhổ cỏ.

**« Thì sao kẻ có tâm đại bi lại lấy máu thịt của chúng sanh làm thức ăn? »** Những người đành lòng lấy máu của chúng sanh để uống, lấy thịt của chúng sanh để ăn, thì làm sao có thể gọi là có tâm đại bi được chứ? Dứt khoát là không được rồi!

**Kinh văn:**

Hán Việt: **« Nhược chư Tỳ-khưu, bất phục Đông-phương ti miên quyền bạch, cập thị thử thổ ngoa lý cầu thuế, nhữ lạc đề hồ, như thị Tỳ-khưu, ư thế chân thoát, thù hoàn túc trái, bất du Tam-giới. »**

Việt: **« Những vị Tỳ-khưu nào không phục-dụng các thứ tơ bông, hàng lụa Đông-phương, cùng các ủng da, giày dép da, áo da, áo lông, sữa, pho-mát, sữa đặc tinh của miền đó, thì những vị Tỳ-khưu ấy thật sự được giải thoát ở đời; trả xong nợ trước, họ sẽ không**

**trở lại Tam-giới nữa. »**

### **Giảng nghĩa:**

**« Những vị Tỳ-khưu nào không phục-dụng các thứ tơ bông, hàng lụa Đông-phương... » « Tơ »** tức là sợi tơ do con tằm nhả ra. « Tơ bông » và « hàng lụa » (dệt từ tơ tằm) là những sản phẩm phải dùng tánh mạng của sinh vật để làm ra; loại « tơ bông » thông thường thì không đáng kể.

**« ...Cùng các ủng da, giày dép da, áo da, áo lông, sữa, pho-mát, sữa đặc tinh của miền đó ... »** Giả sử có những thầy Tỳ-khưu không mặc các loại y phục làm bằng thứ hàng của Đông-phương, đồng thời cũng không dùng những thổ sản của xứ này—không mang ủng, hài hoặc giày dép làm bằng da thú; không mặc áo làm bằng da thú hoặc áo làm bằng lông cầm thú (như lông chim); cũng không thọ dụng sữa bò, pho-mát và sữa đặc tinh (pho-mát và sữa đặc tinh đều là những thực phẩm được biến chế từ sữa bò)—**« thì những vị Tỳ-khưu ấy thật sự**

**được giải thoát ở đời. »** Những thầy Tỳ-khưu làm được như thế tức là đã chân chánh đạt được sự giải thoát ngay tại thế gian này. **« Trả xong nợ trước,** một khi tất cả nợ nần xưa cũ đều đã được thanh toán phân minh thì **họ sẽ không trở lại Tam-giới nữa. »**

Tuy rằng ở trên có nói là không được dùng sữa bò và pho-mát, song trong Giới-luật của Tiểu-thừa và Đại-thừa đều không triệt để ngăn cấm việc thọ dụng loại thực phẩm này. Phần kinh văn trên là nói về những người trì giới Không Sát-sanh hết sức thanh tịnh, thanh tịnh một cách phi thường—phàm bất cứ thứ gì có quan hệ nhân duyên với chúng sanh thì họ đều không dùng. Như về y phục chẳng hạn, họ không mặc các thứ tơ lụa, loại vải được dệt bằng tơ do con tằm nhả ra, bởi tơ tằm thì có liên quan đến sanh mạng của con tằm. Ngay cả mật ong họ cũng không đụng tới vì nó có liên quan với loài ong. Thật ra, về những điểm này thì trong Giới-luật đều có « khai duyên, » tức là có thể tùy trường hợp mà áp dụng một cách linh động chứ không phải là bắt buộc. Tuy nhiên, nếu có thể không thọ dụng những sản phẩm ấy thì thanh tịnh nhất,

tốt nhất.

### **Kinh văn:**

Hán Việt: « Hà dĩ cố? Phục kỳ thân phần, giai vi bi duyên; như nhân thực kỳ địa trung bá cốc, tức bất ly địa, tất sử thân tâm, ư chư chúng sanh nhược thân thân phần, thân tâm nhị đồ bất phục bất thực, ngã thuyết thị nhân chân giải thoát giả. »

Việt: « Vì sao? Vì phục-dụng phần thân của chúng là tạo duyên với chúng, cũng như người ăn bá cốc từ đất thì chân không rời khỏi mặt đất vậy. Người nào có thể khiến thân tâm xa lánh thân và phần thân của mọi loài chúng sanh, cả thân lẫn tâm đều không mặc, không ăn chúng, thì Ta nói rằng người ấy là bậc giải thoát chân chánh. »

### **Giải nghĩa:**

« **Vì sao? Bởi lý do nào? Vì phục-dụng phần thân của chúng là tạo duyên với chúng, cũng như người ăn bá cốc từ đất thì chân không rời khỏi mặt đất vậy.** » Những sản phẩm có liên quan tới tánh mạng của sinh vật, như tơ lụa chẳng hạn, được gọi là « phần thân. » Một khi quý vị mặc y phục làm bằng tơ lụa tức là quý vị tạo ra một mối nhân duyên với những con tằm đã nhả tơ để dệt nên tấm lụa. Nếu không muốn trở thành những loài vật ấy thì quý vị phải cắt đứt mọi nhân duyên với chúng.

Thủy tổ loài người vốn đến từ trời Đại Phạm. Trong nhiều kiếp lâu xa về trước, thế gian gặp nạn kiếp-hỏa và bị thiêu hủy đến không còn dấu vết loài người nữa. Trải qua một quãng thời gian dài không biết là bao lâu, thì có những thiên nhân từ trời Đại Phạm bay tới thế gian. Bấy giờ, khắp mặt đất phủ đầy một thứ gọi là « địa phì » (mỡ đất); các thiên-nhân này thấy « địa phì » trông rất đẹp mắt, bốc lên ngửi thì thấy rất thơm, nên mới ăn thử. Ăn « địa phì » vào rồi thì họ không bay đi được nữa! Bởi không « cõi mây cõi sương » được nữa nên họ đành phải ở lại thế gian. Khi thấy anh chị em của mình và các thiên-nam



thiên nữ khác bay ngang qua trên trời, họ liền gọi với lên. Những thiên-nhân ấy xuống tới thế gian thì cũng đều ăn « địa phì » cả, và ăn rồi thì ai nấy cũng đều không bay lên được nữa, nên đều không thể trở về lại cõi trời. Do đó, thế gian có loài người. Có nhiều người cho rằng loài người là từ khỉ tiến hóa thành, nếu thế thì tại sao con người lại không thành khỉ trở lại?

Thưở ban sơ, thiên nhân từ trên trời bay tới thế gian, rồi do ăn « địa phì » mà phải ở lại nơi này và trở thành « loài người. » Nhân số ở thế gian mỗi ngày mỗi gia tăng thì « địa phì » cũng mỗi ngày mỗi vơi dần. Khi món « địa phì » đã cạn, thì họ phải ăn bá cốc, tức là một trăm loại hạt của thế gian. Đó là:

- 1) khoảng hai mươi giống lúa dé (đạo);
- 2) khoảng hai mươi giống kê (lương);
- 3) khoảng hai mươi giống lúa nếp (thử);
- 4) khoảng hai mươi loại rau (thái);

5) khoảng hai mươi thứ trái cây (quả).

Mỗi thứ có chừng hai mươi loại khác nhau, tổng cộng cả thảy ước khoảng một trăm loại, do đó gọi là « bá cốc. » Khi loài người chuyển sang ăn bá cốc thì thế nào? Vì bá cốc vốn do đất sản sanh cho nên một khi loài người ăn bá cốc vào thì chân họ không rời khỏi mặt đất được nữa. Khoa học giải thích đó là do sức hút của trái đất; kỳ thật, đó là vì con người ăn những thứ này mà ra.

**« Người nào có thể khiến thân tâm xa lánh thân và phần thân của mọi loài chúng sanh, nhất định không để cho thân hoặc tâm mình tạo ra những nghiệp duyên có liên quan đến thân thể và tánh mạng của bất cứ sinh vật nào; cả thân lẫn tâm đều không mặc, không ăn chúng, thân không sát sanh, tâm cũng không sát sanh; không mặc những y phục có liên quan tới mạng sống của chúng sanh, cũng chẳng ăn thịt của chúng sanh (thứ thịt có sanh mạng); thì Ta nói rằng người ấy là bậc giải thoát chân chánh, một kẻ đã thật sự được giải thoát. »**

## Kinh Văn:

Hán Việt: « **Như ngã thử thuyết, danh vi Phật thuyết; bất như thử thuyết, tức Ba-Tuần thuyết.** »

Việt: « **Như lời Ta nói đây mới gọi là lời Phật nói; nếu chẳng nói như vậy tức là lời của Ma Ba-Tuần.** »

## Giải nghĩa:

« **Như lời Ta nói đây mới gọi là Phật nói.** Những đạo lý mà Ta nói đây chính là giáo pháp mà tất cả chư Phật trong mười phương ba đời thuyết giảng. **Nếu chẳng nói như vậy, tức là lời của Ma Ba-Tuần.** Những điều phù hợp với giáo lý do Ta thuyết giảng thì mới là Pháp do Phật nói; còn nếu trái ngược với những đạo lý ta dạy, thì là lời của Ma-vương vậy. »

Cho nên, quý vị được nghe *Kinh Lăng-Nghiêm* rồi thì có thể xem bộ Kinh này như tấm « kính chiếu yêu » vậy. « Kính chiếu yêu » là một loại kính tương tự như gương

soi mặt, hễ đem kính này rọi vào kẻ nào thì nguyên hình của kẻ ấy sẽ hiện ra trong gương. Như những kẻ đội lốt người chẳng hạn, bất luận là quái vật, heo tinh, trâu tinh, ngựa tinh, sơn yêu thủy quái, hoặc quỷ vương... hễ lấy kính này ra soi thì quý vị sẽ biết được chân tướng của chúng. Bây giờ quý vị nghe *Kinh Lăng-Nghiêm* rồi, hễ ai nói ra pháp gì thì quý vị cứ đem pháp ấy so sánh với lời dạy trong Kinh là biết được họ nói đúng hay sai ngay; vì thế mà nói rằng bộ Kinh này cũng giống như một tấm « kính chiếu yêu » vậy.

Hôm trước tôi có nói rằng người mù, người điếc và người câm đều không có cơ hội được nghe tôi giảng Kinh. Người điếc tất nhiên không nghe được gì cả, song tôi không phải nói về những người tai bị điếc, mà chỉ muốn nói tới những kẻ tuy tai nghe được rõ nhưng lại rất thờ ơ. Tôi giảng Phật Pháp cho họ nghe mà họ lại nghe không vô, như thế có khác gì người điếc đặc? Người câm thì không nói được, cũng chẳng thể hiểu hết được những gì tôi giảng; nguyên do cũng tương tự như trường hợp người điếc vậy.

Do đó, sau khi nghe xong *Kinh Lăng-Nghiêm*, tôi hy vọng mỗi người trong quý vị sẽ trở thành một bậc Thiện-tri-thức, một người chân chánh hiểu Phật Pháp, và sẵn sàng đi truyền bá giáo pháp và cảm hóa những kẻ đui mù, câm, điếc nọ. Khi thuyết giảng, quý vị có thể dùng máy phát thanh để truyền thanh đến khắp mọi nơi; như thế, dù ở ngoài xa họ cũng có thể nghe được Phật Pháp và không còn là người câm, người điếc nữa. Những kẻ không hiểu Phật Pháp là những kẻ đáng thương nhất, do đó, sau khi đã chân chánh thông hiểu Phật Pháp rồi thì quý vị nên đi giáo hóa chúng sanh. Cho nên, bây giờ mọi người cần phải đặc biệt chú ý tu học Phật Pháp.

## Không Trộm Cắp

**Kinh Văn:**

Hán Việt: « **A-Nan! Hựu phục thế giới Lục-đạo chúng sanh, kỳ tâm bất thấu, tắc bất tùy kỳ sanh tử tương**

**tục. »**

Việt: « **A-Nan! Lại nữa, nếu chúng sanh trong Lục-đạo ở các thế giới mà tâm không trộm cắp thì sẽ không bị cuốn theo dòng sanh tử tương tục. »**

**Giảng nghĩa:**

Đức Phật lại gọi ngài A-Nan lần nữa: « **A-Nan! Lại nữa, nếu chúng sanh trong Lục-đạo ở các thế giới -các chúng sanh ở cõi trời, cõi A-tu-la, cõi người, cõi ngạ quỷ, cõi địa ngục, cõi súc sanh- mà tâm không trộm cắp thì sẽ không bị cuốn theo dòng sanh tử tương tục. »** Không trộm cắp cái gì? Không trộm cắp bất cứ cái gì! Tất cả mọi thứ—dù hữu hình hay vô hình, có giá trị hay không có giá trị—các chúng sanh đó đều không trộm lấy, thậm chí cũng không dấy khởi ý nghĩ trộm cắp, cho nên họ sẽ không bị cuốn theo dòng sanh tử tương tục.

Nếu không trộm cắp, không dâm dục, không sát sanh, tất sẽ không bị tùy thuộc vào dòng sanh tử tương tục nữa. Không phải tùy thuộc vào dòng sanh tử tương tục thì nghiệp quả tương tục sẽ chẳng còn, thế giới tương tục

cũng chẳng tồn tại. Tuy nhiên, cần phải ngay cả cái niệm trộm cắp, cái ý tưởng trộm cắp cũng không có nữa mới được. Cho dù thân thực sự không ăn trộm, song thâm tâm lại có ý muốn trộm cắp, thì cũng không được.

### **Kinh Văn:**

Hán Việt: « **Nhữ tu Tam-muội, bồn xuất trần lao, thâm tâm bất trừ, trần bất khả xuất. »**

Việt : « Ông tu pháp Tam-muội vốn để thoát trần-lao, nhưng nếu không trừ bỏ tâm trộm cắp thì chẳng thể ra khỏi trần-lao. »

### **Giải nghĩa:**

« Ông tu pháp Tam-muội vốn để thoát trần-lao. Nay ông muốn tu tập pháp môn Chánh-Định này với ý định ban đầu là để siêu xuất trần lao, thoát khỏi vòng luân hồi trong Lục-đạo. **Nhưng nếu không trừ bỏ tâm trộm cắp, nếu ông không dẹp bỏ cái ý nghĩ trộm cắp của**

mình, **thì chẳng thể ra khỏi trần-lao.** » « Trần lao » tức là Tam-giới hỏa trạch, ngôi nhà lửa Tam-giới.

### **Kinh Văn:**

Hán Việt: « **Túng hữu đa trí, Thiên-định hiện tiền, như bất đoạn thân, tất lạc Tà-đạo–thượng phẩm tinh linh; trung phẩm yêu mị; hạ phẩm tà nhân, chư mị sở trước.** »

Việt: « **Dầu có đa trí, Thiên-định hiện tiền, mà nếu chẳng dứt trừ trộm cắp, tất sẽ lạc vào Tà-đạo–thượng phẩm thì làm tinh-linh, trung phẩm thì làm yêu mị, hạ phẩm thì làm tà-nhân bị chúng mị ám nhập.** »

### **Giải nghĩa:**

« **Dầu có đa trí...** » « Dầu có » tức là « nếu có, cho dù là có đi chăng nữa... » Thật ra, hạng người này vốn dĩ không có trí huệ, bởi người có trí huệ chân chánh thì sẽ



không trộm cắp, không sát sanh và cũng không dâm dục. Chính vì không có được trí huệ chân chánh nên người ta mới sát sanh, trộm cắp, tà dâm.

« Đa trí » có nghĩa là « ít nhiều trí huệ. » Có « ít nhiều » tức là cũng có vậy, song không nhiều lắm. Ở đây, “đa trí” không có nghĩa là rất nhiều, rất nhiều trí huệ, mà chỉ là có thông minh hơn bình thường chút đỉnh—so với “ít” thì có “nhiều” hơn đôi chút mà thôi. Tóm lại, nếu người trung bình có một phần trí huệ thì hạng người “đa trí” này có được độ hai phần, chứ cũng không phải tới ngàn trăm vạn phần đâu. « Đa trí » chẳng qua chỉ là một tỷ dụ thôi, chứ nói cho ngay thì họ không có trí huệ—bởi nếu có trí huệ thì đâu có đi ăn trộm?! Có trí huệ thì tại sao lại còn đi ăn trộm?

« **Thiên-định hiện tiền.** » Khi ngồi Thiền thì những người “đa trí” này rơi vào một trạng thái mơ mơ màng màng, có phần nào giống như đang nhập Định vậy; nhưng họ lại tự nghĩ: « Đấy! Quý vị thấy tôi có đáng phục không? Ở đây chẳng có ai có được thành tích như tôi cả. Công phu tu hành của mấy người đó không bằng tôi đâu! » Đầu óc họ

chỉ toàn một thứ tri kiến công cao ngã mạn!

**« Mà nếu chẳng dứt trừ trộm cắp, tất sẽ lạc vào Tà-đạo. »** Giả sử quý vị có được ít nhiều trí huệ và đạt được cảnh giới « Thiên-định hiện tiền » rồi, tuy nhiên, nếu quý vị tiếp tục tu Thiên-định mà lại không trừ khử cái tâm trộm cắp thì quý vị vẫn bị đọa lạc như thường. Đọa lạc vào đâu? Đọa lạc vào Tà-đạo! Thế nào gọi là « Tà-đạo »? “Tà đạo” tức là con đường tà vạy, bất chánh. Những kẻ còn tâm trộm cắp ấy dẫn dắt người ta đi vào con đường tối tăm, tội lỗi, dạy cho người ta tà tri tà kiến.

**« Thượng phẩm thì làm tinh-linh. »** Bậc cao nhất của Tà-đạo là gì? Là tinh-linh. « Tinh » tức là yêu tinh. Thế nào gọi là « tinh linh »? Mới gặp thì quý vị thấy chúng rất thông minh, nhưng trên thực tế đó chỉ là giả dối. Các hiệu thuốc ở Trung-Hoa thường có bán một loại dược thảo gọi là *phục-linh*; cái « linh » này của « phục linh » là giả chứ không phải thật.

**« Trung phẩm thì làm yêu mị. »** « Yêu » tức là yêu tinh, yêu quái. Loài yêu mị có thần thông và có thể ám hại

người.

**« Hạ phẩm thì làm tà-nhân bị chúng mị ám nhập. »** « Mị » tức là quỷ mị. Mấy hôm trước đã có giảng về « yểm mị quỷ, » tức là Cưu-bàn-trà rồi. Quỷ yểm-mị thì thừa lúc người ta đang ngủ đến đè lên người họ (bóng đè); còn loại quỷ mị này thì không đợi người ta ngủ mà ngay trong lúc họ còn thức, chúng cũng có thể nhập vào thân họ, mượn thân họ để nói chuyện và làm những điều chúng muốn. Những người như thế được gọi là « tà-nhân » (người tà); ở Trung-Hoa thì gọi họ là « thầy cúng, » hay « cô đồng. » Ngoài ra, họ lại còn một tên khác nữa là « khiêu thần » (thần nhảy múa). Tại sao gọi là « khiêu thần »? Bởi họ lắc lư, nhảy nhót, múa may một hồi thì « lên đồng, » có « thần » nhập vào thân họ; đó cũng bởi đời trước họ chuyên môn trộm cắp, nên bây giờ phải nhận lãnh quả báo này.

Tại nước Mỹ này tôi có gặp một người thuộc loại ấy. Ông ta là người Mỹ và tự xưng mình là Jesus, là Thiên-Chúa ! Ông nói rằng Thiên-Chúa đến và mượn thân ông để nói chuyện: « Thiên-Chúa nói chuyện với tôi ! » Rồi một lát

sau ông lại tuyên bố là Jesus đến: « Jesus muốn nói chuyện với tôi ! » Đó là chuyện của năm năm về trước. Lúc đó, ông ta đến tìm tôi và bị tôi mắng cho một trận nên thân, tôi nói: « Ông ấy à, thật là chính mình còn chưa biết được mình ! Ông sở dĩ ra nông nỗi này là hoàn toàn do ma quỷ sai khiến, tác oai tác quái đấy. » Vì tôi gọi ông ta là « ma quỷ » nên ông phật ý, không muốn nghe, bèn bỏ đi. Ban đầu ông ta muốn đến đây để nghiên cứu đạo lý với tôi, nhưng lại bị tôi mắng cho một trận nên về sau không dám tới nữa. Tôi nghĩ con người tôi thật đúng là không biết hóa độ chúng sanh—gặp được một vị Jesus, một đấng Chúa Trời, mà sao lại mắng cho đến nỗi « ngài » phải bỏ đi?

Đó là thí dụ điển hình về hạng tà-nhân. Vì sao những người đó phải chịu nghiệp báo làm tà-nhân? Là vì kiếp trước họ đã phạm tội trộm cắp! Bởi không dứt trừ tâm trộm cắp nên họ bị đọa lạc—hạng cao nhất thì bị đọa làm tinh-linh, hạng trung bình thì bị đọa làm yêu quái, và hạng thấp nhất thì bị đọa làm tà-nhân, bị các tà ma quỷ quái nhập vào thân họ mà nói chuyện.

Hạng tà-nhân này ở Trung-Hoa có bản lĩnh rất lớn. Có kẻ có thể cầm dao chém một nhát vào đầu mình rồi cứ để dính như thế, đó gọi là « quái giáp. » Chém dính con dao vào đầu như thế vẫn không làm chết người. Đến khi “thần” muốn « thắng » thì “thần” lâm râm niệm chú, rồi lấy con dao ra khỏi đầu mà không chảy máu gì cả. Có nhiều kẻ thì đóng hai cái đinh sắt lớn vào hai bên vai, rồi mỗi bên treo một lưới cước (thứ lưới cước dùng để cước cỏ bên Trung Hoa) nặng chừng mười mấy ki-lô. Họ có thể treo tới bốn cái như thế và đứng quay vòng vòng—bốn lưới cước dung đưa qua lại trông rất oai phong mà cũng rất rùng rợn, dễ sợ.

Tôi đã từng gặp những hạng tà ma ngoại đạo có bản lĩnh rất ghê gớm. Bây giờ xem tới đoạn kinh văn này trong Kinh Lăng Nghiêm, quý vị hẳn cũng thấy Đức Phật đã sớm giảng rõ về tất cả mọi thứ cũng như về từng loại người trên thế giới này rồi. Do đó, chúng ta nghe Kinh Lăng Nghiêm thì cần phải nhận thức được tất cả.

Bây giờ quý vị đang học về Tứ Chủng Thanh Tịnh Minh Hối. Đây là phần kinh văn hết sức quan trọng, vô cùng

thiết yếu trong Kinh Lăng Nghiêm. Do đó, tất cả mọi người đều phải đặc biệt chú ý nghe giảng bộ Kinh này. Phải nhớ rằng: Không trừ khử cái tâm trộm cắp mà lại muốn thành Phật là chuyện chẳng thể nào xảy ra được! Nay đã hiểu đạo lý này rồi, vậy người nào có tâm trộm cắp thì phải mau mau sửa đổi, cải thiện cái tâm ấy. Không có tâm trộm cắp thì càng tốt, song, nhớ đừng để cho cái tâm ấy nảy sanh; như thế tất sẽ tương ưng với Đạo.

### **Kinh Văn:**

Hán Việt: « **Bỉ đẳng quần tà diệc hữu đồ chúng, các các tự vị thành Vô-thượng Đạo. »**

Việt: « **Những bọn tà ấy cũng có đồ chúng, tất cả đều tự xưng đã thành tựu Đạo Vô-thượng. »**

### **Giảng nghĩa:**

« **Những bọn tà ấy cũng có đồ chúng. »** « Những bọn tà ấy » tức là bè lũ tà ma ngoại đạo, yêu ma quỷ quái, ly

mị vọng lượng, những kẻ chuyên môn hại người. Trên thế gian này, loại nào cũng có đồ chúng riêng của loại đó; có câu:

*Thiện một nhóm, ác một bầy,*

*Người thế nào thì tìm bạn thế ấy.*

Người thích làm việc thiện thì giao hảo với người thích làm việc thiện, người ưa làm điều ác thì kết bạn với người quen làm điều ác. Cho nên, bọn yêu ma quỷ quái, tà ma ngoại đạo này cũng có các yêu ma quỷ quái, tà ma ngoại đạo giống như chúng hòa theo, kết bè kết đảng với nhau—kẻ nào cũng có đồ chúng cả.

**« Tất cả đều tự xưng đã thành tựu Đạo Vô-thượng. »** Bọn chúng đều nói rằng đạo của chúng là hay nhất, và chúng đã đạt được lẽ Đạo tối cao, không gì sánh bằng. Thậm chí chúng còn mượn danh Phật mà nói rằng: **« Ồ! Chúng tôi đều đã thành Phật cả rồi! »** Quý vị mới thấy thì tưởng chúng có nhiều thần thông như thế, song trên thực tế thì chúng toàn là yêu ma quỷ quái, toàn là một bọn bất chánh mà thôi!

## **Kinh Văn:**

Hán Việt: « Ngã diệt độ hậu, Mạt Pháp chi trung, đa thử yêu tà xí thanh thế gian, tiềm nặc gian khi, xưng Thiện-tri-thức, các tự vị kỷ đắc Thượng-nhân Pháp, huyền hoặc vô thức, khủng linh thất tâm, sở quá chi xứ, kỳ gia hao tán. »

Việt: « Sau khi Ta diệt độ, trong thời Mạt Pháp sẽ có nhiều thứ yêu tà ấy hiện ra đông đảo ở thế gian, âm thầm lừa dối mọi người, xưng là bậc Thiện-tri-thức, và kẻ nào cũng tự nói là đã đắc Thượng-nhân Pháp. Chúng mê hoặc, lường gạt những kẻ không hiểu biết, khiến cho họ khủng hoảng đến thất tâm. Chúng đi đến nơi nào thì nơi ấy đều bị hao tổn. »

## **Giải nghĩa:**



Trước kia, tôi đã từng gặp những loại ma quỷ như vậy. Người Tây phương có lẽ chưa biết là có những sự việc kỳ quái như thế. Không phải vì người Trung-Hoa tin quỷ tin thần nên mới có những chuyện đó, mà là lâu ngày thì những sự việc quái dị trong trời đất tự nhiên nhiều thêm.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy: « **Sau khi Ta diệt độ, trong thời Mạt Pháp sẽ có nhiều thứ yêu tà ấy hiện ra đông đảo ở thế gian.** » Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, những bọn yêu mị tà đạo này sẽ đông đúc vô cùng, chúng có mặt nhan nhản ở khắp mọi nơi. Chúng ta không thể vì chưa nhìn thấy tận mắt nên không chịu tin là có sự hiện hữu của chúng. Thế gian này có quá nhiều sự việc mà con người chưa hề thấy qua, do đó nếu đòi hỏi phải chứng kiến tận mắt mọi sự mọi vật thì xem cả đời cũng không xuể. Bởi xem cả đời cũng không sao xem cho hết được nên chúng ta cũng sẽ chẳng biết được gì nhiều cho lắm!

Bọn yêu tà ấy ví như đám lửa thiêu chết tất cả loài người ở thế gian. Những kẻ không nhận biết được chúng đích thực là yêu ma quỷ quái thì đều hùa theo bọn chúng.

Chúng lợi hại như lửa vậy, có thể thiêu hủy hết những người ấy.

« **Âm thâm lừa dối mọi người.** » Đó là “tiềm nặc gian khi”—“tiềm” tức là tiềm phục, tiềm tàng, giấu kín; “nặc” là tàng nặc, trốn tránh, che đậy; “gian khi” tức là gian dối, lừa gạt. Vậy, bọn chúng lừa dối mọi người song lại xảo quyệt, khéo léo che đậy sự lường gạt, không để ai hay biết. « **Xưng là bậc Thiện-tri-thức.** » Bọn chúng ai nấy đều tự xưng mình là bậc « minh nhãn Thiện-tri-thức, » thấu suốt tất cả mọi sự.

« **Và kẻ nào cũng tự nói là đã đắc Thượng-nhân Pháp.** » « Thượng nhân » tức là Bồ-tát. Kẻ nào trong bọn chúng cũng tự cao tự đại, khoe rằng mình chính là Bồ-tát—đó chính là tà tri tà kiến.

Trong Phật giáo, cho dù quý vị là Bồ-tát hay là Phật đi chăng nữa, thì ngay trong khi còn có sanh mạng, quý vị không được công bố: « Tôi là Phật! », « Tôi là Bồ-tát! » hay « Tôi là A-la-hán! ». Tuyệt đối không được nói ra như vậy ! Kẻ nào nói lời như vậy thì kẻ ấy là ma, giống như

hạng người đang được mô tả trong phần kinh văn này vậy. Thế thì phải đợi đến lúc nào mới được nói ra? Đợi đến sau khi quý vị chết ! Quý vị chết rồi thì không ngại cho người ta biết rõ thân thể của mình; song le, lúc quý vị còn sống, khi chưa chết, thì dứt khoát không được để cho người khác biết quý vị là ai. Bởi, quý vị nói mình là Phật, là có dụng ý gì? Quý vị công bố mình là Bồ-tát với ý đồ chi? Tại sao phải xưng mình là Phật? Tại sao phải xưng mình là Bồ-tát? Tại sao phải xưng mình là La-hán? Chẳng lẽ không phải là để cho người ta tin theo mình sao? « Tin theo tôi » là ngụ ý gì? *Phan duyên!* Chính thế, đó chẳng qua chỉ là một hình thức phan duyên, trục lợi mà thôi. Nếu không phải với dụng ý phan duyên, thì quý vị nói với mọi người quý vị là Phật để làm gì? Quý vị là Bồ-tát ư? Ủ, Bồ-tát thì Bồ-tát, quý vị công bố cho ai nấy đều biết để làm gì?

Giảng đến đây tôi nhớ lại một câu chuyện xảy ra ở Trung-Hoa mà trước kia tôi cũng đã có lần nhắc đến. Có một vị Thái-thú nọ đến chùa Quốc-Thanh trên núi Thiên-thai để bái kiến Hòa-thượng Phong-Can. Thái-thú là một chức quan; còn tên ông ta là gì thì quý vị đừng hỏi tôi vì tôi đã

quên bảg rồi. Nói tóm lại thì đó là một viên quan đương triều, mà cũng có thể là quý vị hoặc là tôi không chừng—chẳng có cái tên nhất định.

Vậy, có ông quan Thái-thú nọ đến thăm Hòa-thượng Phong-Can và hai người cùng nhau đàm đạo. Vị quan nói với Hòa-thượng Phong-Can: « Bạch Thầy! Trước kia thường có rất nhiều Bồ-tát đến thế gian này, nhưng nay thì chẳng có ai cả. Tôi ao ước được gặp một vị Bồ-tát chân chánh mà cũng không gặp được! »

Hòa-thượng Phong-Can nói: « Ông muốn gặp Bồ-tát ư? Ở đây chúng tôi có hai vị Bồ-tát, để tôi giới thiệu với ông. Ông có thể đi gặp họ đây! »

« Cái gì? Hai vị Bồ-tát? Ở ngay tại đây? Hai vị Bồ-tát đó là Bồ-tát gì? Phải chăng Thầy muốn nói hai ông Bồ-tát bằng đất sét hoặc bằng gỗ? »

Hòa-thượng Phong-Can đáp: « Không phải! Hai vị này là nhục thân Bồ-tát, là Bồ-tát sống hẩn hoi! » « Hoạt Bồ-tát » hay « Bồ-tát sống, » tức là vị Bồ-tát bằng xương bằng thịt,

là người thật.

Quan Thái-thú hỏi lại: « Bạch Thầy, Thầy nói thật chứ? »

Hòa-thượng Phong-Can từ tốn: « Tôi mà nói gạt ông sao? Tôi là Phương-trượng của chùa, những gì tôi nói với ông đương nhiên đều là sự thật cả. »

Quan Thái-thú hỏi: « Thế họ là những ai, thưa Thầy? »

Hòa-thượng Phong-Can đáp: « Chùa chúng tôi có hai người lo công việc dưới nhà bếp—một người nấu cơm, một người nấu nước—một người tên là Hàn-Sơn, và một người tên là Thập-Đắc. Họ là hóa thân của Bồ-tát Văn-Thù và Bồ-tát Phổ-Hiền. Cả hai vị Bồ-tát đều tu khổ hạnh, làm những việc lao động cực nhọc trong chùa này. Hai ngài sẵn sàng làm những việc khó nhọc mà không ai muốn làm. Ông muốn gặp hai vị ấy thì cũng dễ thôi, ông chỉ việc đến thẳng nhà bếp là thấy ngay! »

Thế là vị Thái-thú nọ liền nhờ thầy Tri-khách—vị Sư lo việc tiếp khách—dẫn đến nhà bếp. Tới nơi thì thấy quả có hai ông Sư lúi thúi, lếch thếch đang làm việc ở đó. Cả hai

người trông giống như những kẻ hippy đời nay—râu tóc để dài và rối bù, mặt mày nhem nhuốc, mình mẩy dơ dáy—nhưng vì Hòa-thượng Phong-Can đã nói đó là hai vị Bồ-tát nên quan Thái-thú chẳng dám coi thường, mới tiến đến dập đầu đánh lễ.

Hai vị Hàn-Sơn và Thập-Đắc liền hỏi: « Ông làm gì thế? Sao ông lại lạy chúng tôi? »

Thái-thú đáp: « Bạch ngài, Hòa-thượng Phong-Can nói hai ngài đây là hóa thân của Bồ-tát Văn-Thù và Bồ-tát Phổ-Hiền, nên con đến để đánh lễ hai ngài. »

Hàn-Sơn, Thập-Đắc xua tay nói: « Phong-Can lắm lời! Phong-Can lắm lời! » Ý nói Hòa-thượng Phong-Can thật là lắm chuyện, nói quá nhiều!

Khi quan Thái-thú đánh lễ thì cả hai vị Sư đều đi lùi lại, họ đi thụt lui không biết được bao nhiêu bước, chẳng phải chỉ một bước, bốn bước, mà có thể cả mấy trăm bước cũng không chừng. Khi lui đến chỗ vách đá sau lưng chùa thì hai vị Sư ấy bảo Thái-thú: « Phong-Can thật lắm lời! Còn ông thì vì sao Đức Di-Đà không lạy mà lại đi lạy

chúng tôi làm chi? »

Thái-thú sững sốt: « Bạch ngài, chẳng hay ai là Đức Di-Đà? »

Hai vị Sư đáp: « Hòa-thượng Phong-Can chính là Đức Phật A-Di-Đà hóa thân đến nước Trung-Hoa làm Phương-trượng chùa Quốc-Thanh trên núi Thiên-Thai này đây! Ông hãy đến đánh lễ ngài đi, đừng lạy chúng tôi làm gì! »

Trong lúc Thái-thú còn đang sững sờ vì kinh ngạc—giống như sắp nhập Định vậy—thì hai vị Sư rách rưới, lồi thối nọ lùi thêm một bước nữa và biến vào vách đá, không để lại dấu vết gì cả. (Trên núi Thiên-Thai có vách đá gọi là Nguyệt-Quang Nham, đó chính là nơi ẩn thân của hai vị Hàn-Sơn và Thập-Đắc.)

Quan Thái-thú vội vã quay về tìm Hòa-thượng Phong-Can, hóa thân của Đức Phật A-Di-Đà; nhưng về đến chùa Quốc-Thanh thì mới hay Hòa-thượng đã ngồi mà viên tịch rồi (« viên tịch » tức là vãng sanh, nhập Niết-Bàn)! Khi quan Thái-thú biết được Hòa-thượng Phong-Can là hóa

thân của Đức Phật A-Di-Đà, thì đã quá muộn, không thể gặp ngài được nữa. Ông đã để vuột mất cơ hội trước mắt—Đức Phật A-Di-Đà đã ra đi!

Phải tới khi Hòa-thượng Phong-Can viên tịch rồi thì quan Thái-thú mới được biết, chứ trong lúc Hòa-thượng còn tại thế thì chẳng ai biết được ngài chính là hóa thân của Đức Phật A-Di-Đà cả.

Vì sao khi chư Phật và chư Bồ-tát thị hiện đến, các ngài không muốn cho mọi người biết các ngài thật sự là ai? Bởi vì nếu người ta biết được thì sẽ hết người này tới người khác tìm đến để đánh lễ các ngài, quấy rầy các ngài suốt ngày, khiến cho các ngài không có thì giờ dụng công tu hành! Trong Phật giáo, khi Phật hoặc Bồ-tát đến thế giới này, các ngài không bao giờ nói: « Tôi là Bồ-tát! », « Tôi là Phật! »; cũng chẳng hề khoe khoang: « Xem nè, tôi khai ngộ rồi! » hoặc « Quý vị biết không, tôi là Phật đây này! » Những kẻ huênh hoang như thế thì có gì khác biệt so với hạng người đang được đề cập đến trong phần kinh văn trên?



Từ trước đến nay tôi chưa từng gặp một người nào có tu hành mà lại công khai thừa nhận là mình đã khai ngộ rồi cả. Ngay như Hư-Vân Lão Hòa-thượng hoặc bất cứ vị Hòa-thượng nào ở Trung-Hoa mà đã khai ngộ cũng vậy, nếu quý vị hỏi các ngài là có phải các ngài đã khai ngộ rồi hay không, thì chắc chắn không một vị nào khẳng định: « Ủ, tôi khai ngộ rồi! » Trong Phật-giáo chân chánh không có hạng người tự xưng mình đã khai ngộ, trừ khi đó là một thứ « Tân Phật-giáo » (Phật-giáo tân thời).!!!

Bọn yêu tà này đều cho rằng chúng là bậc Thượng-nhân: « Quý vị biết tôi đây là ai không? Tôi là một vị Bồ-tát hóa thân tới chốn này. Tôi chính là Quán-Thế-Âm Bồ-tát. Quý vị chớ để lỡ dịp may hiếm có, hãy mau mau lạy tôi làm thầy đi! Nếu không muốn lạy tôi làm thầy thì lạy sư phụ của tôi làm thầy cũng được! Tôi sẽ cấp cho quý vị một tờ ‘giới điệp’ làm giấy chứng nhận. Cứ trả sáu mươi lăm đồng mỗi người thì tôi truyền cho một cái pháp! »

**« Chúng mê hoặc, lường gạt những kẻ không hiểu biết. »** Bọn chúng chuyên lừa dối, dụ dỗ những kẻ vô tri thức, kém cỏi, không hiểu biết gì cả. Hạng người như thế

tôi gặp rất nhiều; song không phải chỉ có thể thôi mà còn thật là hết sức đê tiện nữa kia. Chúng gạ gẫm: « Nếu bà tin theo tôi thì sẽ muốn gì được nấy. Tôi có ‘pháp bảo’, bây giờ tôi nhường bớt cho bà một cái thôi, ba trăm đồng một cái đấy. Tại tôi quý bà lắm nên mới để lại cho bà, bằng không thì tôi không đưa ra đâu! Đây là tôi đặc biệt để dành cho bà đấy. » Thế là đệ tử đưa thầy 300 đồng để đổi lấy một « pháp bảo »!!! Có « pháp-bảo » không phải chỉ trị giá 300 đồng mà tới cả vài ngàn đồng, không nhất định. Do đó, túi tiền của thầy cứ phình to dần lên!

Ở Trung-Hoa, vào thời chiến tranh chống Nhật, có một người tên Lưu-Kim-Đồng quy tụ được rất đông đồ chúng; khắp thiên hạ đâu đâu cũng có đệ tử của ông ta. Người ta kháo nhau rằng trong tương lai, sau khi Nhật chiếm cứ địa phận này, thì ông sẽ lên làm Hoàng-đế; do đó, ai muốn làm quan thì phải đưa tiền cho ông để giữ chỗ trước. Rất nhiều người muốn mua một chức quan lớn—kẻ này thì mua chức Thừa-tướng, kẻ kia thì muốn chức Bộ-trưởng Bộ Ngoại-giao... Muốn chức Bộ-trưởng Bộ Ngoại-giao thì phải đưa mấy vạn đồng, mua chức Thừa-tướng

thì phải trả trước mấy vạn bạc ... Ông ta thâu vào tiền nhiều không biết cơ man nào mà kể, phải dùng xe lửa để chở tiền từ cửa ải ngoài (quan ngoại, phía đông Sơn Hải-quan) tới ải trong (quan nội, phía tây Sơn Hải-quan). Những chuyện như thế mà lại có rất nhiều người tin theo, trong khi giảng cái pháp chân thật, khuyên người ta chớ nên sát sanh, chớ nên trộm cắp, chớ nên tà dâm thì chẳng có ai tin cả. Hễ nghe có cái gì đó sẽ đem lại lợi lộc gì gì đó... thì người ta lập tức chạy theo ngay. « Lấy tiền! Lấy! Lấy! » Hạng người như thế tôi đã gặp rất nhiều.

**« Khiến cho họ khủng hoảng đến thất tâm. »** « Khủng » tức là khủng hách, đe dọa. Bọn yêu tà này đe dọa, làm cho trí huệ chân chánh của quý vị không còn nữa—làm cho quý vị bị mê muội, đánh mất phần trí huệ mình có.

**« Chúng đến nơi nào thì nơi ấy bị hao tổn. »** Bất luận chúng đến nơi nào, tiền bạc cũng đều chạy vào túi chúng—chúng làm cho bao nhiêu tiền tài sản nghiệp của người khác đều chui vào túi của chúng cả, xem ra chúng còn lợi hại hơn cả Đảng Cộng-sản nữa!

## **Kinh Văn:**

Hán Việt: « Ngã giáo Tỳ-khưu tuần phương khát thực, linh kỳ xả tham, thành Bồ-đề Đạo. Chư Tỳ-khưu đẳng, bất tự thực thực, ký ư tàn sanh, lữ bậc Tam-giới, thị nhất vãng hoàn, khứ dĩ vô phản. »

Việt: « Ta dạy các Tỳ-khưu khát thực tuần tự theo phương hướng nhằm khiến họ xả bỏ lòng tham để thành Đạo Bồ-đề. Các thầy Tỳ-khưu khỏi tự lo sự nấu ăn, chỉ gởi tạm cái thân sống thừa nơi Tam-giới. Đó biểu thị họ là những bậc ‘nhất vãng hoàn,’ đi rồi thì không trở lại nữa. »

## **Giải nghĩa:**

« Ta dạy các Tỳ-khưu khát thực tuần tự theo phương hướng nhằm khiến họ xả bỏ lòng tham. » Đức Phật dạy các thầy Tỳ-khưu rằng mỗi người phải đi theo một hướng nhất định nào đó và theo thứ tự đến từng nhà mà

khất thực. Người này đi khất thực ở hướng nam, người kia thì đi khất thực ở hướng bắc; mỗi người mang bình bát đi hóa duyên ở một nơi khác nhau.

Vì sao Phật lại dạy các thầy Tỳ-khưu cầm bình bát ra ngoài hóa duyên, khất thực? Thứ nhất, vì qua việc cúng dường thực phẩm cho người xuất gia, chúng sanh sẽ gieo trồng được phước lành, dứt trừ được khổ não. Thứ hai, để người xuất gia khỏi phải chuẩn bị ẩm thực và hễ xin được thức gì thì ăn thức nấy—được ngon thì ăn ngon, gặp dở thì ăn dở—nhờ đó mà dứt bỏ được lòng tham.

Nếu tự mình lo cơm nước, thì hôm nay nấu món này không ngon tất ngày mai sẽ muốn nấu món khác thật ngon; rồi tới ngày mốt nấu món khác ngon hơn, sang ngày kia lại muốn nấu món gì càng ngon hơn nữa; thật là bất tận! Đi ra ngoài hóa duyên thì được thức gì ăn thức nấy, không thể kén chọn, không thể phân biệt ngon dở; không thể nói: « Hôm nay hóa duyên được cơm chay ngon ghê, » rồi vui vẻ ăn hết, ăn đến no căng bụng; rồi đến hôm sau xin nhằm thức ăn dở quá thì không thèm ăn—như vậy là không được! Ngon hay dở thì cũng đều

phải ăn như nhau, miễn sao no bụng thì thôi! Đó là để dứt bỏ lòng tham dục.

**« Để thành Đạo Bồ-đề. »** Có câu:

*“Người quân tử lo chuyện Đạo, chứ không lo chuyện ăn.”*

*(Quân tử mưu Đạo bất mưu thực.)*

Người tu Đạo chỉ tự hỏi đạo nghiệp của mình đã thành tựu hay chưa chứ tuyệt nhiên không hề bận tâm về thức ăn ngon dở, cho nên, quý vị đến đây nghiên cứu Phật Pháp thì tôi báo cho quý vị biết là chớ nên để ý tới vấn đề ăn ngon ăn dở.

**« Các thầy Tỳ-khưu khỏi tự lo sự nấu ăn. »** Tất cả những người xuất gia này đều không phải bận rộn về việc nấu nướng thức ăn.

**« Chỉ gởi tạm cái thân sống thừa nơi Tam-giới. »** Họ chỉ cần ăn để duy trì cái sanh mạng này, cái thân thể này mà thôi; miễn sao sống còn là được rồi. Chúng ta sống ở thế giới này, dù trên đất liền hay trên sông nước, thì cũng

như người khách tạm trú nơi quán trọ mà thôi, vì vậy, chớ nên chấp trước vào ba cõi Dục-giới, Sắc-giới và Vô-sắc-giới.

**« Đó biểu thị họ là những bậc ‘nhất vĩng hoàn’, đi rồi thì không trở lại nữa. »** Điều này biểu thị cái gì? Các thầy Tỳ-khưu đã dứt bỏ tâm tham lam, cho nên khi sanh mạng tạm bợ của đời này trong Tam-giới kết thúc, họ sẽ không phải trở lại nữa: « Nơi này là chốn không thanh tịnh nhất, cho nên tôi sẽ không bao giờ trở lại đây nữa! » Ngay cả nước Mỹ, dù có nhà vệ sinh đẹp đẽ, nhà cửa sang trọng như thế, mà đến một lần cũng thấy đủ rồi, không cần phải đến thêm lần nữa. Chớ nên tham luyến cái “nhà vệ sinh”! Ở đó dơ dáy, thối tha lắm, quý vị còn tham luyến nó làm chi? Thật ra, cả thế giới này đều thối tha. Quý vị đừng cho rằng nó sạch sẽ—thế giới này chính là một cái nhà vệ sinh đấy!

**Kinh Văn:**

Hán Việt: **« Vân hà tặc nhân, giả ngã y phục, tỳ phán**

Như Lai, tạo chủng chủng nghiệp, giai ngôn Phật Pháp? Khước phi xuất gia, cụ giới Tỳ-khưu, vi Tiểu-thừa Đạo. Do thị nghi ngộ, vô lượng chúng sanh, đọa Vô-gián ngục. »

Việt: « Có sao bọn trộm cắp kia giả mặc y phục của Ta, mua bán Như-Lai, tạo ra vô số nghiệp mà lại nói đó đều là Phật Pháp? Chúng phỉ báng người xuất gia và xem các thầy Tỳ-khưu đã thọ Cụ-túc Giới là hàng Tiểu-thừa. Do sự nghi ngờ và ngộ nhận mà vô lượng chúng sanh phải đọa địa ngục Vô-gián. »

### **Giảng nghĩa:**

« Có sao bọn trộm cắp kia giả mặc y phục của Ta? » Những kẻ cướp ấy dám mặc y phục của người xuất gia theo đạo Phật, cũng mặc áo tràng dài và đắp y cà-sa, và đến nơi nào cũng oang oang: « Tôi là Pháp-sư. Tôi có thể giảng kinh thuyết Pháp. Tất cả mọi người hãy tin tưởng ở tôi. »



« **Mua bán Như-Lai.** » Bọn họ lại còn buôn bán Phật Pháp của Như-Lai, coi Phật Pháp là món hàng để kiếm chác, lợi dưỡng.

« **Tạo ra vô số nghiệp mà lại nói đó đều là Phật Pháp?** » Họ chỉ biết tìm đủ mọi cách để moi tiền của thiên hạ, kêu gọi người khác bố thí cho cá nhân mình để lợi dưỡng. Họ còn nói rằng: « Mọi thứ đều là Phật Pháp. Khiêu vũ là Phật Pháp; uống rượu là Phật Pháp. Tất cả đều nằm trong tám vạn bốn nghìn pháp môn của Phật. » Họ lý luận trơn tru, nói đâu ra đó, có bài bản, có lớp lang thứ tự, nghe thật hấp dẫn, thú vị: « Hút thuốc là Phật Pháp; uống rượu là Phật Pháp; cờ bạc là Phật Pháp. Quý vị có thể làm bất cứ điều gì mình muốn. » Họ rất dễ dãi, đến nỗi tất cả những gì quý vị làm thì họ đều bảo là không sao, không thành vấn đề.

« **Chúng phỉ báng người xuất gia và xem các thầy Tỳ-khưu đã thọ Cụ-túc Giới là hàng Tiểu-thừa.** » Bọn trộm cắp ấy vốn không phải là hàng xuất gia, không phải là những bậc Tỳ-khưu đã thọ Cụ-túc Giới. Nếu hỏi họ: « Chẳng hay các ông đã thọ những giới gì? Các ông đã

thọ Cụ-túc Giới chưa? »; thì họ sẽ ngỡ ngác: « Ô, Cụ-túc Giới là cái gì thế? » Đừng nói là Cụ-túc Giới, ngay cả Năm Giới (Ngũ Giới) họ cũng không hiểu, Tám Giới (Bát Giới) họ cũng chẳng thông. Mười Giới (Thập Giới) thì càng khỏi hỏi tới; còn Mười Trọng Giới và Bốn Mười Tám Kinh Giới thì, ôi thôi, miễn bàn! Chỉ vì một chút lòng phan duyên nho nhỏ, muốn giữ mối quan hệ xã hội với người khác để trục lợi, mà họ chê bai những người xuất gia chân chánh, coi thường các thầy Tỳ-khưu đã thọ Cụ-túc Giới, nói rằng các thầy là thực hành pháp Tiểu-thừa.

**« Do sự nghi ngờ và ngộ nhận mà vô lượng chúng sanh phải đọa địa ngục Vô-gián. »** Bọn trộm cắp ấy gieo rắc sự nghi hoặc nơi người khác, và bản thân họ thì hoàn toàn không hiểu rõ; do đó, vô lượng chúng sanh vì lầm lẫn mà bị đọa vào địa ngục Vô-gián. Những chúng sanh này vốn muốn học điều hay điều tốt, nhưng không may gặp phải ông thầy hồ đồ, ù ù cạc cạc, giống như ở trên đã có nói:

*Hồ đồ dạy hồ đồ,*

*Dạy rồi chẳng ai hiểu,*

*Sư-phụ đọa địa ngục,*

*Đệ-tử cũng xuống theo!*

Vậy là rốt cuộc tất cả đều phải đọa địa ngục Vô-gián. « Vô gián » tức là không gián đoạn, không ngừng dứt. Tại địa ngục Vô-gián, dù có một người hay nhiều người thì địa ngục cũng chật đầy như nhau. Có một người thì địa ngục này không có chỗ trống, không dư chỗ; mà có nhiều người thì địa ngục này cũng đủ chỗ, chứ chẳng chật chội, chen chúc. Bất luận là một người hay nhiều người, địa ngục này đều không có « gián, » không có dư chỗ trống. Một khi đã bị đọa địa ngục Vô-gián thì vĩnh viễn không thoát ra được, vì thế mọi người cần phải thận trọng!

**Kinh Văn:**

Hán Việt: « **Nhược ngã diệt hậu, kỳ hữu Tỳ-khưu phát tâm quyết định tu Tam-ma-đề, năng ư Như Lai hình**

tượng chỉ tiền, thân nhiên nhất đẳng, thiêu nhất chỉ tiết, cập ư thân thượng nhiệt nhất hương chúc, ngã thuyết thị nhân, vô thủy tức trái, nhất thời thù tất, trường tồn thể gian, vĩnh thoát chư lậu. Tuy vị tức minh Vô-thượng Giác lộ, thị nhân ư Pháp dĩ quyết định tâm. »

Việt: « Sau khi Ta diệt độ, nếu có những thầy Tỳ-khưu nào phát tâm quyết định tu pháp Tam-ma-đề, và có thể đối trước tượng Như-Lai mà thắp một ngọn đèn nơi thân, hoặc đốt một lông ngón tay, hoặc nhen cháy một viên hương trên thân thể, thì Ta nói những người ấy, bao nhiêu nợ nần từ vô thủy đến nay đều trả xong trong một lúc, xa lìa hẳn cõi thế gian và vĩnh viễn thoát khỏi các lậu, tuy tức thời chưa hiểu rõ con đường Vô-thượng Giác, mà cái tâm của họ đối với Pháp đã quyết định rồi. »

**Giảng nghĩa:**

« Sau khi Ta diệt độ, vào cõi Niết-bàn, nếu có những

thầy Tỳ-khưu nào phát tâm quyết định tu pháp Tam-ma-đề, và có thể đối trước tượng Như-Lai mà thắp một ngọn đèn nơi thân, với sự chỉ dẫn đúng đắn và trong một thời điểm thích hợp, họ dùng dao lóc thịt ra để khoét thành một cái lỗ trên thân mình, rồi đổ dầu vào và moi lửa đốt làm đèn (đó gọi là « tại thân thượng nhiên thượng nhất đẳng »—đốt một ngọn đèn trên thân thể); « hoặc đốt một lông ngón tay, hay hai lông ngón tay, hoặc nhen cháy một viên hương trên thân thể, hoặc để một, hai hay ba mẫu hương trên cánh tay mà đốt, thì Ta nói những người ấy, bao nhiêu nợ nần từ vô thủy đến nay đều trả xong trong một lúc. » Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy rằng ngay khi đó, tất cả nợ nần mà các thầy Tỳ-khưu ấy đã trót vay từ vô thủy kiếp cho đến nay đều được thanh toán hết trong một lúc.

Họ có thể “xa lìa hẳn cõi thế gian và vĩnh viễn thoát khỏi các lậu. » Khi nghiệp báo đời này đã hết, các thầy Tỳ-khưu ấy sẽ không còn tái sinh ở thế giới Ta-bà này để chịu đựng vô số khổ não nữa. Họ cũng được xa lìa các nghiệp hữu lậu.

« Tuy tức thời chưa hiểu rõ con đường Vô-thượng Giác, mà cái tâm của họ đối với Pháp đã quyết định rồi. » Mặc dù các thầy Tỳ-khưu ấy chưa hiểu liền được sự giác ngộ cao cả không gì sánh bằng này, song họ đã hạ quyết tâm tu học Phật Pháp, nhất định không chịu thối lui, không cam chịu đọa lạc.

### **Kinh Văn:**

Hán Việt: « **Nhược bất vi thử xả thân vị nhân, túng thành vô vi, tất hoàn sanh nhân, thù kỳ túc trái, như ngã mã mạch, chánh đẳng vô dị. »**

Việt: « Nếu không tạo cái nhân xả thân như vậy, thì dầu có tu thành Vô-vi, cũng phải trở lại sanh làm người mà đền trả nợ cũ, giống như Ta phải ăn lúa ngựa vậy. »

### **Giải nghĩa:**

« Nếu không tạo cái nhân xả thân như vậy, thì dầu có

**tu thành Vô-vi, cũng phải trở lại sanh làm người mà đền trả nợ cũ. »** Nếu các thầy Tỳ-khưu đó không gieo trồng cái thiện nhân xả bỏ thân thể như thắp đèn nơi thân, đốt lóng ngón tay, hoặc đốt hương trên thân, thì dầu có thành Đạo, khai ngộ, thậm chí thành Phật đi chăng nữa, cũng vẫn phải lo thanh toán phân minh những nợ nần vay mượn trong bao kiếp về trước, **giống như Ta phải ăn lúa ngựa vậy. »**

Trong kiếp này, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã phải ăn thức ăn của ngựa ròng rã chín mươi ngày. Tại sao Đức Phật phải gánh chịu quả báo đó?

Nhân duyên ấy bắt nguồn từ một kiếp trong quá khứ, khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một người Phạm-chí dạy năm trăm đồng tử tu Đạo trên núi Phạm-chí. Thuở ấy cũng có Phật xuất thế và Đức Phật này cũng đi hóa duyên. Vì có một thầy Tỳ-khưu bị bệnh, không đi hóa duyên được, nên Đức Phật này dặn các thầy xin trai chủ thêm một phần thức ăn để mang về cho thầy Tỳ-khưu đó.

Đúng lúc các thầy Tỳ-khưu mang bình bát đựng cơm

chạy đi ngang qua núi Phạm-chí, vị Phạm-chí người thấy mùi thơm ngào ngạt thì sanh lòng đố kỵ, nói rằng: « Mấy ông thầy tu đầu tóc kia sao lại được ăn những thức ăn thơm tho, ngon lành như thế? Mấy ông sư ấy chỉ đáng ăn thứ lúa nuôi ngựa, chứ không xứng đáng để thọ hưởng thức ăn thơm ngon dường ấy! » Năm trăm đệ tử cũng đồng thanh phụ họa: « Thầy nói đúng. Bọn họ chỉ đáng ăn thứ lúa dành cho ngựa mà thôi! »

Thế rồi, sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành Đạo, Ngài dẫn năm trăm đệ tử đến một quốc gia nọ kiết hạ an cư. Vị quốc vương nước ấy đón tiếp phái đoàn của Phật rất long trọng, nhưng sau khi đón vào lãnh thổ nước mình rồi, nhà vua tuyệt nhiên không cúng dường cho những vị sư này. Bấy giờ có một người phu giữ ngựa thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cùng với năm trăm đệ tử không có gì để ăn cả, bèn lấy lúa của ngựa mà cúng dường.

Vị Phạm-chí khi xưa tu trên núi Phạm-chí nay là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, còn năm trăm đồng tử ngày ấy nay là năm trăm vị La-hán và đều đã chứng quả vị. Tuy nhiên, vì khi còn ở nhân địa trót gieo cái nhân phỉ báng người



khác, cho nên kiếp này dù đã thành Phật, Đức Phật vẫn phải chịu quả báo ăn lúa ngựa suốt chín mươi ngày!

### **Kinh Văn:**

Hán Việt: « **Nhữ giáo thế nhân tu Tam-ma-địa, hậu đoạn thâm đạo, thị danh Như Lai, tiên Phật Thế Tôn, Đệ Tam Quyết Định Thanh Tịnh Minh Hối. »**

Việt: « **Vậy, ông dạy người đời tu pháp Tam-ma-địa, tiếp đến là phải dứt trừ trộm cắp. Đó là lời minh huấn quyết định thứ ba về tánh thanh tịnh của Như-Lai và chư Phật, Thế-Tôn thuở trước. »**

### **Giảng nghĩa:**

« **Vậy, A Nan, ông dạy người đời tu pháp Tam-ma-địa, và nếu họ thật tâm muốn tu hành thì sau khi đã đoạn trừ tâm dâm dục và tâm sát sanh rồi, thì tiếp đến là phải dứt trừ trộm cắp, dứt bỏ cái tâm trộm cắp. Đó là lời minh huấn quyết định thứ ba về tánh thanh-tịnh của**

**Như-Lai và chư Phật, Thế-Tôn thuở trước.** Đó chính là lời dạy rõ ràng, không thể cải biến của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cùng chư Phật thuở trước. »

### **Kinh Văn:**

Hán Việt: « **Thị cố A-Nan, nhược bất đoạn thân, tu Thiên-định giả, tỷ như hữu nhân, thủy quán lậu chi, dục cầu kỳ mãn, túng kinh trần kiếp, chung vô bình phục.** »

Việt: « Cho nên, A-Nan, kẻ tu Thiên-định mà nếu chẳng dứt trừ trộm cắp, thì cũng như người rót nước vào chén lủng mà muốn cho đầy, dầu có trải đến trần kiếp cũng không thể nào đầy được! »

### **Giải nghĩa:**

« Cho nên, A-Nan, kẻ tu Thiên-định mà nếu chẳng dứt trừ trộm cắp, thì cũng như người rót nước vào chén

**lũng mà muốn cho đầy. »** Những kẻ không dứt bỏ tâm trộm cắp mà lại muốn tu tập Thiên-định, thì cũng chẳng khác gì người muốn rót đầy cái bình lũng, cái ly lũng, hoặc cái tách lũng. Nó đã bị lũng rồi, thì làm sao mà rót cho đầy được? » **Dầu có tràn đến tràn kiếp, cũng không thể nào đầy được!** » Cho dù người ấy có chịu khó rót nước vào cái chén lũng nọ trong kiếp số nhiều như bụi bặm đi chẳng nữa, thủy chung không bao giờ đầy chén được, không thể nào làm cho chén lũng đựng đầy nước được cả! »

**Kinh Văn:**

Hán Việt: « **Nhược chư Tỳ-khưu, y bát chi dư phân thốn bất súc, khát thực dư phần, thí ngạ chúng sanh; ư đại tập hội, hợp chưởng lễ chúng; hữu nhân chúy mạ, đồng ư xưng tán; tất sử thân tâm nhị câu tổn xả, thân nhục cốt huyết dữ chúng sanh cộng; bất tương Như Lai bất liễu nghĩa thuyết, hồi vi kỳ giải, dĩ ngộ sơ học; Phật ấn thị nhân đắc chân Tam-muội.** »

Việt: « Nếu các thầy Tỳ-khưu, ngoài y bát ra không còn cất giấu phân tác gì cả; phân khát thực có dư thì bố thí cho các chúng sanh đói khát; khi ở giữa đại-hội thì chấp tay lễ chúng; nếu bị người chửi mắng thì xem như sự khen ngợi; có thể khiến cho thân và tâm, cả hai đều xả bỏ, thân thịt xương máu chung cùng với chúng sanh; chẳng đem cái thuyết ‘bất liễu nghĩa’ của Như-Lai trở lại làm cái giải thích riêng của mình khiến cho kẻ sơ-học hiểu lầm; thì Phật ấn chứng những người ấy sẽ đắc chân chánh Tam-muội. »

### **Giảng nghĩa:**

« Nếu các thầy Tỳ-khưu, ngoài y bát ra không còn cất giấu phân tác gì cả. » Ngoại trừ ba món tùy thân là y, bát và ngọa cụ ra thì các thầy Tỳ-khưu không nên cất giữ, giấu giếm bất kỳ một vật nào khác. Mỗi vị Tỳ-khưu chỉ nên giữ ba tấm y, một ngọa cụ và một bình bát. Ba tấm y ấy không phải toàn là đại-y, mà là một tấm ngũ-y (áo cà-sa năm miếng), một tấm thất-y (áo cà-sa bảy miếng) và một

tám Tổ-y. Đó gọi là ‘tam y-bát-cụ’ (ba y, một bát, một ngọa cụ).

« **Phân khát thực có dư thì bố thí cho các chúng sanh đói khát.** » Dem những thức ăn họ xin được mà ăn không hết ra bố thí, phân phát cho những chúng sanh đang chịu đói khát, không có gì để ăn.

Các thầy Tỳ-khưu ấy, « **khi ở giữa đại-hội thì chấp tay lễ chúng.** » Trong đại-hội thì các thầy lễ phép chấp tay vái chào mọi người.

« **Nếu bị người chửi mắng thì xem như sự khen ngợi.** » Nếu bị người khác chửi mắng, thì các thầy xem như được người ta khen tặng, chứ không cho rằng đó là người ta trách mắng mình.

Các thầy Tỳ-khưu ấy « **có thể khiến cho thân và tâm, cả hai đều xả bỏ, thân thịt, xương, máu chung cùng với chúng sanh.** » Cả hai thứ này—thân và tâm— đều cần phải buông bỏ, phải không thấy có thân mà cũng chẳng thấy có tâm—thân không kiêu ngạo mà tâm cũng không kiêu ngạo. Bị ai mắng chửi thì coi như người ta hát cho

mình nghe vậy. Một thầy Tỳ-khưu chân chánh tu hạnh nhẫn nhục thì phải coi kẻ mắng mình là người đang ca hát cho mình nghe!

Nếu quý vị không mắng người ta mà người ta lại vô cớ chửi mắng quý vị, thì quý vị nên không hiểu họ nói gì cả—hãy xem như họ đang nói tiếng Nhật, tiếng Anh, hoặc một thứ ngôn ngữ lạ tai nào đó mà quý vị chưa hề biết tới! Người Trung-Hoa chưa từng học Anh-ngữ mà nghe tiếng Anh tất nhiên là không hiểu được; người Tây phương chưa học Hoa-ngữ thì nghe tiếng Trung-Hoa cũng chẳng hiểu gì cả. Nghĩ như vậy, thì họ mắng quý vị mà quý vị sẽ không giận dữ mắng lại họ. Cho dù rõ ràng là họ mắng thẳng quý vị đi nữa, thì quý vị cũng nên xem như họ đang tán tụng mình: «Ồ! Họ đang nói tốt về mình đấy!» Quý vị cần phải đảo ngược sự việc lại mà nhìn. Nếu bị người ta đánh, hãy xem như mình đi đứng không cẩn thận nên bị va phải vách đựng phải tường mà thôi!

Giả sử quý vị vì sơ ý nên đâm sầm vào tường, trán u lên một cục; chẳng lẽ quý vị xoay người đâm vào tường một

cú: « Tại sao mày đụng tao? » cho hả giận hay sao? Có cần phải làm như thế không? Không cần! Quý vị đâm đầu vào tường, rồi lại đâm vào tường một cú « trả đũa, » như thế chỉ làm cho quý vị phải chịu đau đớn thêm mà thôi. Do đó, nếu có người đánh quý vị, quý vị hãy xem như mình rủi ro đi đụng phải tường vậy, đừng cho đó là người ta đánh mình, được như thế thì sẽ không có chuyện gì xảy ra cả. Cho nên, người ta mắng mình thì cứ xem như họ hát cho mình nghe cho vui tai vậy.

« Thân thịt, xương, máu chung cùng với chúng sanh. » Đây không chỉ nói đến bậc Tỳ-khưu chân chánh phát tâm Bồ-tát, mà nếu có người muốn lấy thịt hoặc xương từ thân thể quý vị, hoặc muốn uống máu của quý vị, thì quý vị đều nên thí xả cho họ. Người muốn thực hành Bồ-tát Đạo cần phải có thể xả bỏ đầu, mắt, nảo, tửy của chính thân mình nếu cần.

Trước đây tôi có kể cho quý vị nghe rằng khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn ở tại nhân địa, Ngài trông thấy một con cọp sắp chết đói vì không có gì để ăn, Ngài bèn tự hiến thân mình cho cọp ăn đỡ đói. Cọp là một ác thú

thuộc loại độc ác nhất trên thế giới, thế mà khi còn ở nhân địa, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn bố thí thân thể của mình cho cạp như đối với mọi loài khác. Tôi hỏi một đệ tử rằng anh ta có thể hy sinh như vậy không, thì anh ta chỉ cười cười không đáp, tôi cũng chẳng biết anh ta có làm được hay không nữa.

Họ « **chẳng đem cái thuyết ‘bất liễu nghĩa’ của Như-Lai trở lại làm cái giải thích riêng của mình khiến cho kẻ sơ-học hiểu lầm.** » Các thầy Tỳ-khưu ấy cũng không lấy cái thuyết « bất liễu nghĩa, » cái pháp Tiểu-thừa, do Đức Phật thuyết giảng làm thành lời lẽ của riêng họ. Nói một cách khác, họ không ăn cắp ý tứ của Phật. « Hồi vi kỷ giải » tức là giáo pháp do Phật tuyên thuyết mà mình lại mạo nhận là do chính mình nói ra, cố ý không nói rõ đó là của Phật. Các thầy Tỳ-khưu ấy sở dĩ không làm như thế là vì họ không muốn gây ngộ nhận cho kẻ sơ cơ.

Được như vậy « **thì Phật ấn chứng những người ấy sẽ đắc chân chánh Tam-muội.** » Phật ấn chứng cho các thầy Tỳ-khưu ấy rằng họ sẽ có được thứ Định-lực chân chánh.



## **Kinh Văn:**

Hán Việt: « Như ngã sở thuyết, danh vi Phật thuyết; bất như thử thuyết, tức Ba-Tuần thuyết. »

Việt: « Như lời Ta nói đây mới gọi là lời Phật nói; nếu chẳng nói như vậy tức là lời của Ma Ba-Tuần. »

## **Giải nghĩa:**

« Như lời Ta nói đây mới gọi là lời Phật nói; nếu chẳng nói như vậy, tức là lời của Ma Ba-Tuần. » Những lời lẽ giống như Ta nói đây đích thực là giáo pháp do chính Đức Phật tuyên thuyết; còn nếu không giống như giáo pháp này của Ta thì đều là pháp do Ma-vương nói.

## Không Nói Dối

**Kinh Văn:**

Hán Việt: « A-Nan! Như thị thế giới Lục-đạo chúng sanh, tuy tắc thân tâm vô sát đạo dâm, tam hạnh dĩ viên, nhược đại vọng ngữ, tức Tam-ma-địa bất đắc thanh tịnh, thành ái kiến ma, thất Như Lai chủng. »

Việt: « A-Nan! Chúng sanh trong Lục-đạo ở các thế giới tuy thân và tâm không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, ba hạnh ấy đã viên mãn nhưng nếu còn đại-vọng-ngữ thì phần Tam-ma-địa chẳng được thanh tịnh, trở thành ma ái-kiến, làm mất chủng tử Như-Lai. »

**Giải nghĩa:**

« A-Nan! Chúng sanh trong Lục-đạo ở các thế giới tuy thân và tâm không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, ba hạnh ấy đã viên mãn... » « Ba hạnh » tức là hạnh không sát sanh, hạnh không trộm cắp và hạnh không tà dâm. Giả sử các chúng sanh trong sáu nẻo của thế giới này thân không phạm tội sát sanh, trộm cắp, dâm dục, và tâm cũng chẳng dấy khởi những ý nghĩ về sát sanh, trộm cắp, dâm dục—cả ba hạnh ấy đều đã hoàn hảo—« **nhưng nếu còn đại-vọng-ngữ**, còn thói nói dối về những điều nghiêm trọng, **thì phần Tam-ma-địa**, phần Định-lực mà họ đạt được, **chẳng được thanh tịnh.** »

Khi chẳng còn thanh tịnh nữa thì họ trở thành gì? Họ sẽ phải « **trở thành ma ái-kiến**, loại ái-ma hoặc kiến-ma, **làm mất chủng tử Như-Lai.** » Tại sao hạt giống Như-Lai lại có thể bị mất được? Vì họ chuyên môn nói lời gian dối, không chân thật!

**Kinh Văn:**

Hán Việt: « **Sở vị vị đắc vị đắc, vị chứng ngôn chứng,**

hoặc cầu thế gian tôn thắng đệ nhất, vị tiền nhân  
ngôn: Ngã kim dĩ đắc Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm  
quả, A-na-hàm quả, A-la-hán đạo, Bích-chi Phật thừa,  
Thập-địa, Địa tiền chư vị Bồ-tát, cầu bỉ lễ sám, tham  
kỳ cúng dường. »

Việt: “Họ chưa đắc mà nói đắc, chưa chứng mà nói  
chứng, hoặc cầu mong được làm bậc tôn-thắng, đệ  
nhất ở thế gian; họ đối trước mặt người khác mà nói  
rằng: ‘Tôi nay đã đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm,  
quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Bích-chi Phật thừa, hoặc  
các quả vị của chư Bồ-tát Thập-địa và Địa-tiền’; để  
tham cầu sự lễ sám và đồ vật cúng dường của kẻ  
khác. »

### **Giải nghĩa:**

Các chúng sanh ấy phạm loại vọng ngữ nào? Những lời  
nói dối thông thường, vô hại thì không đáng kể. Vậy, thế  
nào là đại vọng ngữ?

**« Họ chưa đắc mà nói đắc. »** Họ vốn chưa đắc Đạo và về mặt tu hành thì họ hoàn toàn mù tịt, chẳng hiểu một mảy may. Họ không biết cách niệm Phật, không biết cách trì Giới, và cũng chẳng biết ngồi Thiền là như thế nào nữa. Họ làm việc gì thì thoát trông đều có vẻ như biết cách vậy, nhưng thực sự lại không biết gì cả; còn nói thì nghe dường như cũng đúng đấy, nhưng trên thực tế thì rõ ràng là không đúng. Nghe người ta giảng đạo lý thì họ lại cắt ngang: « Cái đó tôi biết từ lâu rồi! »; hoặc nói: « Tôi đã đắc Đạo rồi! Tôi khai ngộ rồi! Tôi thành Phật rồi! » Đó gọi là « chưa đắc mà nói đắc » vậy.

**« Chưa chứng mà nói chứng. »** Họ chưa chứng quả vị gì cả và cũng không biết Sơ-quả A-la-hán, Nhị-quả A-la-hán, Tam-quả A-la-hán, Tứ-quả A-la-hán là gì nữa. Họ hoàn toàn không biết gì cả nhưng lại khoác lác: « Quý vị biết tôi là ai không? Tôi là A-la-hán đấy! »; “Tôi là Phật đấy! »; hoặc, « Tôi là Bồ-tát đấy! »

Vì sao họ lại nói như vậy ? Có lẽ vì họ **« cầu mong được làm bậc tôn-thắng, đệ nhất ở thế gian. »** Giống như hôm nọ có người nói với đệ tử của tôi: « Ông thuộc tông

phái nào vậy? Chúng ta đều cùng một tông phái thì nên đứng chung với nhau, cùng nhau chung vai sát cánh. Tôi là ‘số một’, tôi là lãnh tụ tối cao. Tôi là người khai sáng nền Phật-giáo Hoa-Kỳ. Tôi là thủy tổ, là tổ sư đời thứ nhất của Phật-giáo Hoa-Kỳ ! » Đó gọi là « cầu mong được làm ‘số một’ » vậy !

**« Họ đối trước mặt người khác mà nói rằng : Tôi nay đã đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán ! »** Họ nói với những người đang vây quanh họ: « Quý vị có biết tôi là ai chẳng? Tôi đã chứng được Sơ-quả A-la-hán, tôi hiện là một vị Tu-đà-hoàn. » Lại e rằng địa vị Sơ-quả Tu-đà-hoàn chưa đủ cao, nên một chốc sau họ lại nói : « Bây giờ thì tôi chứng được Nhị-quả rồi ! » Năm phút sau họ lại tuyên bố : « Chỉ chốc lát là tôi lại chứng được Tam-quả nữa rồi. » Và một vài giây sau, họ nói là đã chứng được Tứ-quả ! Tự cho mình chứng Tứ-quả rồi, họ lại nghĩ : « Như vậy là mình vẫn còn là La-hán, chứ chưa phải là cao nhất ! » Thế thì, quý vị nghĩ thế nào ? Lên tới Tứ-quả A-la-hán mà họ vẫn chưa « biết đủ, » chưa thấy thỏa mãn !

**« Bích-chi Phật thừa hoặc các quả vị của chư Bồ-tát Thập-địa, Địa-tiền. »** Bích-chi Phật thì cao hơn A-la-hán một bậc; cho nên bây giờ họ lại tuyên bố : « Tôi là Bích-chi Phật ! » Hoặc xưng mình là Bồ-tát Thập Địa hoặc Địa-tiền. « Địa tiền » (trước Thập-địa) tức là Thập-trụ, Thập-hạnh và Thập Hồi-hướng–Tam Hiền.

**« Để tham cầu sự lễ sám và đồ vật cúng dường của kẻ khác. »** Vì sao hạng người ấy tự xưng là A-la-hán, Bích-chi Phật và Bồ-tát ? Đó chẳng phải là lừa dối người khác, là phạm tội đại vọng ngữ sao ? Họ lừa dối người khác để làm gì ? Để làm cho người ta tin tưởng họ ! Không ai tin họ thì họ không có tiền để thu vô; có người tin theo tức là có đồ cúng dường đến ! Vì tham đồ cúng dường nên họ không sợ phạm tội vọng ngữ, không sợ đọa địa ngục Bạt-thiết (rút lưỡi). Kẻ phạm tội vọng ngữ sau khi chết sẽ bị đọa địa ngục, ở đó có móc sắt để kéo lưỡi tội nhân ra và có dao để cắt lưỡi—đó là hình phạt ở địa ngục Bạt-thiết do tội nói dối. Để coi khi vào địa ngục Bạt-thiết rồi còn ai dám phạm tội đại vọng ngữ, dám gian dối nữa hay không ?

Hiện nay trên thế giới có rất nhiều người câm; vì sao họ bị câm ? Vì họ phạm tội vọng ngữ quá nhiều, quá nghiêm trọng, cho nên đến khi được làm người trở lại thì không thể nói được. Đó cũng có thể xem như một lời cảnh cáo : « Quý vị muốn lừa gạt người khác thì cứ việc lừa gạt, để xem lừa gạt được ai, hay là chỉ lừa được chính mình, khiến mình trở thành kẻ không biết nói ? »

Tại sao người câm không nói được ? Vì lưỡi của họ đã bị cắt ! Quý vị thấy họ tuy có lưỡi, nhưng cái lưỡi ấy không có « tánh, » cho nên họ không nói được !

Tại sao có nhiều người bị mù ? Vì họ đã coi thường người khác ! Họ cảm thấy họ tài giỏi hơn ai hết, thông minh hơn ai hết, chẳng có người nào bằng họ, nên bây giờ họ chẳng thấy được ai cả. Bây giờ thì họ phải tự hỏi lại xem họ có thực sự hơn người khác hay không !

Trường hợp người điếc cũng vậy, quý vị có biết tại sao họ bị điếc không ? Vì họ chuyên môn thích nghe trộm chuyện người khác. Khi người ta nói chuyện trong phòng thì họ ở ngoài áp sát tai vào tường để nghe lén. Hiện nay những



kẻ làm đặc vụ rình nghe người khác nói chuyện, thì tương lai có thể phải thành người điếc cả.

Tuy nhiên, nếu biết sai mà sửa đổi, từ rày về sau không lộng ngôn nữa, thì sẽ không bị làm người câm; không coi thường người khác nữa, thì sẽ không bị làm kẻ mù lòa; và không nghe trộm nữa, thì sẽ không bị điếc. Cho nên, đui mù câm điếc là những quả báo do phạm tội phỉ báng Tam-Bảo.

### **Kinh Văn:**

Hán Việt: « **Thị Nhất-diên-ca, tiêu diệt Phật chủng, như nhân dĩ đao, đoạn Đa-la mộc, Phật ký thị nhân, vĩnh viễn thiện căn, vô phục tri kiến, trầm Tam Khổ hải, bất thành Tam-muội. »**

Việt: « **Hạng Nhất-diên-ca này làm tiêu diệt Phật-chủng thì cũng như người lấy dao chặt cây Đa-la vậy. Phật nói những người ấy đã vĩnh viễn chặt đứt thiện căn, không còn tri-kiến nữa, phải trầm luân trong biển**

**Tam-khổ, không thành tựu Tam-muội được. »**

### **Giảng nghĩa:**

« **Hạng Nhất-điên-ca này...** » Những người phạm tội đại vọng ngữ ấy—chưa chứng mà nói là mình đã chứng, chưa đắc mà nói là mình đã đắc, việc mình chưa hiểu mà nói là đã hiểu—được gọi là hạng Nhất-điên-ca. « Nhất-điên-ca » hoặc « Nhất-xiển-đề » vốn là tiếng Phạn; dịch sang tiếng Trung-Hoa là « đoạn thiện căn, » có nghĩa là chặt đứt căn lành. Hễ thiện-căn bị chặt đứt thì đương nhiên ác-căn sẽ tăng trưởng.

« **Làm tiêu diệt Phật-chủng.** » Hạng người dùng đại vọng ngữ để lường gạt người đời ấy tự hủy diệt chủng tử thành Phật của chính họ, « **thì cũng như người lấy dao chặt cây Đa-la vậy.** » Những người ấy chặt đứt Phật-chủng của họ thì cũng giống như người dùng dao mà chặt cây Đa-la, sau đó đều không thể sanh trưởng nữa. Cây Đa-la, thường thấy ở Ấn-độ, vốn mọc rất cao, nhưng nếu bị chặt ngang thì nó không mọc tiếp nữa.

**« Phật nói những người ấy đã vĩnh viễn chặt đứt thiện-căn, không còn tri-kiến nữa. »** Phật thấy trước được rằng hạng người ấy sẽ mãi mãi chịu luân lạc bởi vì họ đã chặt đứt thiện căn của chính họ. Họ đã đánh mất mọi tri giác, không còn khả năng nhận thức, cũng chẳng có trí huệ.

**« Phải trầm luân trong biển Tam-khổ, không thành tựu Tam-muội được. »** Họ bị đọa lạc trong Tam đồ, chìm đắm trong biển Tam-khổ vĩnh viễn không thoát ra được; và cũng không thể nào đạt được Định-lực. « Tam-đồ » tức là đao-đồ, huyết-đồ, hỏa-đồ; đó gọi là Tam-đồ hải. Họ bị đọa vào ba loại địa ngục là địa ngục Đao-đồ (đao kiếm), địa ngục Huyết-đồ (toàn thân rướm máu), và địa ngục Hỏa-đồ (lửa cháy).

**Kinh Văn:**

Hán Việt: **« Ngã diệt độ hậu, sắc chư Bồ-tát cập A-la-hán, ứng thân sanh bỉ Mạt Pháp chi trung, tác chủng**

**chủng hình, độ chư luân chuyển. »**

**Việt: « Ta có sắc lệnh cho các Bồ-tát và A-la-hán rằng sau khi Ta diệt độ, hãy ứng thân sanh vào thời Mạt Pháp, thị hiện vô số hình tướng để độ những kẻ còn trong vòng luân chuyển. »**

**Giảng nghĩa:**

**« Ta có sắc lệnh cho các Bồ-tát và A-la-hán rằng sau khi Ta diệt độ, hãy ứng thân sanh vào thời mạt Pháp. »** Ta có ra lệnh cho tất cả các Bồ-tát và các A-la-hán rằng sau khi Ta nhập Niết-bàn rồi, thì họ hãy dùng ứng-thân và hóa-thân mà đến thế giới đầy khổ não này.

**« Thị hiện vô số hình tướng để độ những kẻ còn trong vòng luân chuyển. »** Trong thời Mạt Pháp, sẽ có các vị Bồ-tát và A-la-hán ứng hiện dưới nhiều hình tướng khác nhau, như làm thân người, thân súc sanh, hoặc bất cứ hình tướng nào khác... Các ngài sẽ hằng thuận chúng sanh, hòa mình với chúng sanh, để phổ độ tất cả những

kẻ còn trong vòng luân chuyển.

Các bậc Bồ-tát cũng thị hiện làm thân súc sanh vậy. Quý vị chớ vội nghĩ rằng nói như vậy là có ý bất kính. Bồ-tát sở dĩ mang thân súc sanh là vì muốn thực hành hạnh Bồ-tát, muốn giáo hóa các loài súc sanh; cũng như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong một kiếp ở quá khứ đã từng làm thân nai chúa (lộc-vương) để cứu độ loài nai vậy.

### **Kinh Văn:**

Hán Việt: « Hoặc tác Sa-môn, bạch-y cư-sĩ, nhân, vương, tể-quan, đồng nam, đồng nữ, như thị nữ chí dâm nữ, quả phụ, gian, thâm, đồ, phán, dữ kỳ đồng sự, xưng tán Phật thừa, linh kỳ thân tâm nhập Tam-ma-địa. »

Việt: « Hoặc làm thầy Sa-môn, người bạch-y cư-sĩ, nhân vương, tể quan, đồng nam, đồng nữ, như vậy cho đến làm dâm nữ, quả phụ, kẻ gian, kẻ cắp, đồ tể, kẻ buôn hàng lậu, rồi đồng sự với những hạng người

đó để xưng tán Phật-thừa, khiến cho thân tâm họ đều nhập Tam-ma-địa. »

### **Giảng nghĩa:**

Các vị Bồ-tát và A-la-hán ấy có thể hóa thân « **hoặc làm thầy Sa-môn**, Tỳ-khưu xuất gia, hoặc làm **người bạch-y cư-sĩ**. » Thế nào gọi là « cư-sĩ »? « Cư-sĩ » là người tại gia học Phật, hộ trì Tam Bảo. Người xuất gia thì:

*Không canh tác nhưng cần phải có cái ăn,*

*Không dệt vải nhưng cần phải có y phục mặc.*

*(Bất canh nhi thực, Bất chức nhi y.)*

cho nên cần có sự cúng dường của người cư-sĩ tại gia.

“**Nhân vương, tể quan.**” Các ngài cũng có thể hiện thân làm « nhân vương,” tức là làm vua hay hoàng đế ở cõi nhân gian; hoặc làm quan lớn, giữ chức vụ quan trọng; hoặc làm “**đồng nam, đồng nữ, như vậy cho đến làm**

**dâm nữ, quả phụ, kẻ gian, kẻ cắp, đồ tể, kẻ buôn hàng lậu.”** “Dâm nữ” tức là kỹ nữ. “Quả phụ” là đàn bà góa chồng. “Kẻ gian” là người phóng đãng, có những hành vi rất không chánh đáng, không có quy củ. “Đồ tể” (thợ thịt) tức là người lấy việc sát sanh làm kế sinh nhai. Các ngài thậm chí có thể phương tiện thị hiện làm kẻ ăn chơi trác táng, trộm cướp, giết súc vật, buôn lậu nha phiến hoặc buôn người.

**« Rồi đồng sự với những hạng người đó...»** « Đồng sự » tức là làm cùng công việc, làm việc chung. Vì sao chư Bồ-tát và A-la-hán lại hóa thân làm những người này? Vì các ngài muốn cứu độ họ. Để thực hiện hạnh nguyện này, các ngài phải ứng dụng Tứ Nhiếp Pháp. Thế nào gọi là Tứ Nhiếp Pháp? Tứ Nhiếp Pháp là bốn phương pháp để thâm nhiếp, thu phục chúng sanh; đó là bố-thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

1) Bố-thí. Các ngài có thể thâm nhiếp chúng sanh bằng hạnh bố thí. Có ba loại bố thí là tài thí, Pháp thí, và vô-úy thí. Có tiền, đem tiền ra bố thí, đó gọi là tài thí. Hiểu được Phật Pháp rồi đem giảng cho người khác nghe, đó là

Pháp thí. Có người sợ hãi, khủng hoảng, quý vị bèn đến bảo vệ, trấn an, khuyên lơn làm cho họ không còn khiếp sợ nữa; đó là vô-úy thí—ban phát sự không sợ hãi.

Tuy nhiên, người thực hành hạnh bố thí không nên tham lam, mong cầu sự báo đáp; chớ nên nghĩ rằng: « Bây giờ mình bố thí cái này thì trong tương lai mình sẽ được nhiều lợi lộc! » Quý vị đừng nên có tâm thái ấy! Bố thí là bố thí. Bố thí xong rồi thì hãy quên đi, coi như mình không hề bố thí vậy. Phải hiểu « tam luân thể không »—không thấy có người bố thí, không thấy có người thọ nhận, và không thấy có vật được đem cho hoặc vật được thọ nhận. Ở giữa phải không có cái gọi là « năng thí sở thí, năng thọ sở thọ »; tất cả đều không có. Phải nghĩ rằng mình bố thí là vì đó là việc mà mình nên làm. Đừng bao giờ nghĩ rằng mình làm được việc thiện này, thì một mai, công đức mình « thu hoạch » được sẽ « sinh sôi nảy nở, » phước báo mình được hưởng hẳn phải rất to lớn. Quý vị chớ nên nuôi dưỡng cái tâm ấy. Cần phải « vô tâm bố thí »—bố thí một cách vô tư mới được!

Pháp thí (bố thí Pháp) cũng tương tự như vậy—khi nói



Pháp cho người khác nghe, quý vị chớ nên có cái tâm « mình đang thuyết Pháp cho người ta nghe, » cũng đừng tự phụ: « Phen này tôi tạo được công đức lớn lắm; quý vị phải biết cúng dường cho tôi! » Tuyệt đối không nên có thứ tâm thái ấy. Phạm làm hạnh bố thí thì không nên nghĩ đến lợi ích cá nhân, cũng đừng quan niệm rằng phải có lợi cho bản thân thì mình mới bố thí, còn nếu không có lợi lộc gì cho mình thì không làm.

2) Ái ngữ. Chư Bồ-tát và A-la-hán thường dùng lời lẽ hòa nhã, dịu dàng để thâm nhiếp chúng sanh. Thí dụ, Đức Phật có nhiều lúc đã khen ngợi ngài A-Nan: « Lành thay! Hay thay! »; và chư Bồ-tát cũng khuyến dụ chúng sanh như thế: « Các con là những đứa trẻ ngoan ngoãn, thông minh. Các con thật là có thiện căn! » Đó là bố thí ái ngữ.

3) Lợi hành. Các ngài cũng có thể dùng sự lợi lạc để thâm nhiếp chúng sanh. « Lợi hành » tức là làm lợi ích cho người khác, chứ không phải cho cá nhân mình.

4) Đồng sự. Các ngài cũng có thể thâm nhiếp chúng sanh bằng cách hòa mình với họ, cũng làm những công việc

giống như họ vậy. « Đồng sự » tức là người ta làm việc gì thì mình cũng làm việc nấy. Có thể có vị Bồ-tát muốn cứu độ người dâm nữ có nhiều thiện căn và thấy căn cơ của cô ta cũng đã thành thực — điển hình là trường hợp người con gái của Ma-Đăng-Già được đề cập trong bộ Kinh này. Tuy con gái của Ma-Đăng-Già trước kia là một kỹ-nữ song căn cơ đã thành thực, vì thế khi ngài A-Nan quay trở về Vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc thì cô cũng chạy theo. Nhưng vừa được nghe Đức Phật giảng Pháp là cô ta lập tức chứng đắc Tam-quả A-la-hán; và về sau cô ta cũng chứng được Tứ-quả A-la-hán.

Vậy, để độ những dâm nữ, chư Bồ tát có thể hiện thân làm dâm nữ, bởi nếu các ngài làm cùng công việc và là bạn bè của họ thì họ mới tin lời các ngài. Thí dụ, một sinh viên Đại-học nói với chúng bạn: « Tôi tin theo đạo Phật. Giáo Pháp do Đức Phật tuyên thuyết là thâm áo nhất, vi diệu nhất. Chúng ta hãy cùng nhau nghiên cứu Phật Pháp, tìm hiểu kinh điển! » Những sinh viên khác nghe nói như thế đều hưởng ứng: « Chúng tôi cũng vậy. Chúng tôi cũng muốn tìm hiểu kinh điển! » Và thế là mọi người cùng nhau nghiên cứu *Kinh Lăng Nghiêm*.

Trong số những người đó, quý vị không thể nào biết được ai là Bồ-tát, ai là La-hán cả. Tuy nhiên, nếu quý vị là một vị Bồ-tát hoặc A-la-hán, quý vị chớ nói với người khác: « Tôi là Bồ-tát! Mọi người phải nghe theo tôi! » Vì sao ư? Vì Đức Phật không cho phép!

Vậy, bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự được gọi chung là Tứ Nhiếp Pháp.

**« Đề xưng tán Phật-thừa, khiến cho thân tâm họ đều nhập Tam-ma-địa. »** Chư Bồ-tát và A-la-hán cùng làm công việc giống như những hạng người ấy, hòa mình với họ, nhưng trong lúc làm việc hễ có cơ hội là các ngài liền giảng Phật Pháp cho họ nghe, đồng thời ca ngợi: « Phật Pháp thật hết sức kỳ diệu, không có gì sánh bằng! » Bằng cách này, các ngài làm cho họ cảm thấy bị lôi cuốn, say mê, như được ăn kẹo vậy. Phật Pháp có thể ví như viên kẹo, các ngài khiến cho những kẻ làm việc chung với mình cứ muốn ăn thêm cái kẹo nữa: « Hãy giảng thêm chút nữa! Hãy giảng cho tôi nghe một chút! »

Giảng đến đây tôi lại nhớ đến một công án:

Thuở trước, ở Trung-Hoa, có một vị Hòa-thượng tên là Đổ-Thuận. Ngài vận dụng vô số phương pháp để giáo hóa chúng sanh—giảng Kinh thuyết Pháp, dạy tĩnh tọa tham Thiền, dạy niệm danh hiệu Phật... Ngài có thâu một đệ tử, và người đệ tử này theo ngài xuất gia, học Phật Pháp đã được hơn mười năm. Trong suốt hơn mười năm trời, ngày ngày người đệ tử đều chú tâm quan sát mọi hành vi của Sư-phụ mình, để xem ngài là một vị Bồ-tát, A-la-hán, hay là Phật.

Cuối cùng, sau hơn mười năm theo học Phật Pháp và dò xét Sư-phụ, người đệ tử nhận thấy ông Sư-phụ này—Hòa-thượng Đổ-Thuận—cũng bình thường, không có gì khác lạ—người ta ăn cơm thì ông cũng ăn cơm, người ta mặc y phục thì ông cũng mặc y phục, người ta ngủ thì ông cũng ngủ, chẳng có gì gọi là kỳ đặc so với mọi người cả. Do đó, người đệ tử đi đến kết luận rằng thầy mình không phải là Phật, không phải là Bồ-tát, và cũng chẳng phải là A-la-hán; nên quyết định từ biệt Sư-phụ để ra đi. Đi đâu? Đi lên núi Ngũ-đài-sơn bái kiến Bồ-tát Văn-Thù, cầu xin Đức

Bồ-tát khai mở trí huệ cho mình, để được khai ngộ.

Người đệ tử nọ đến bái biệt Hòa-thượng Đổ-Thuận và thưa rằng: « Bạch Sư-phụ! Con ở đây học đã hơn mười năm rồi, nhưng con cảm thấy mình không học hỏi được gì cả. Con thấy hổ thẹn vì mình quá ngu si, cái gì cũng không hiểu cả, nên nay con muốn đi lạy Bồ-tát Văn-Thù để xin Ngài giúp con khai mở đôi chút trí huệ. »

Hòa-thượng Đổ-Thuận nói: « Tốt lắm! Con muốn hành hương lên núi; đó là việc đáng làm, vậy con hãy đi đi! Ta có hai phong thư gửi cho hai người bạn, con hãy giúp ta mang đến cho họ. » Đó là thư gửi cho Trư Lão-mẫu (bà mẹ heo) và Thanh Nương-tử (cô Thanh).

Người đệ tử vì thuận đường nên tới chỗ ở của Thanh Nương-tử trước. Đến nơi, sau khi dò hỏi thì biết được Thanh Nương-tử vốn là một kỹ nữ, người đệ tử nọ chợt sanh lòng hoài nghi: « Ủa, sao Thầy mình lại giao thiệp với một kỹ nữ? Chẳng lẽ cô ta là tình nhân của Thầy mình và đây là thư tình của Thầy gửi cho cô ta? » Khi gặp Thanh Nương-tử, người đệ tử nọ đưa thư cho cô ta và

nói: « Thầy tôi là Hòa-thượng Đổ-Thuận có nhờ tôi trao lại cho cô một phong thư. »

Thanh Nương-tử nói: « Hòa-thượng Đổ-Thuận gửi thư cho tôi à? Được, đưa tôi xem! » Xem xong, Thanh Nương-tử nói: « Tốt lắm! Ông ấy đi rồi! Tôi cũng đi luôn! » Nói xong, cô ta ngồi mà chết (viên tịch, nhập Niết-bàn).

Người đệ tử tự hỏi: « Quái lạ thật! Tại sao cô ta đọc thư xong lại chết như thế? » Tò mò, người đệ tử giăng lấy bức thư để xem, thì mới hay Thanh Nương-tử chính là Bồ-tát Quán-Thế-Âm, bởi trong thư viết: « Quán-Âm! Công việc của tôi nay đã hoàn tất nên tôi sắp ra đi, vậy ngài hãy mau mau đi theo tôi! » Thì ra vì thế mà Thanh Nương-tử nhập Niết-bàn!

Người đệ tử than thầm: « Ồ! Nếu biết đó là Bồ-tát Quán-Thế-Âm thì mình sẽ quỳ trước mặt Ngài mà không chịu đứng dậy, không để cho Ngài nhập Niết-bàn. Mình sẽ khẩn cầu Ngài dạy cho mình cách khai mở trí huệ, dạy mình khai ngộ, như vậy thì hay biết mấy! Bây giờ lỡ cơ hội rồi, thật là đáng tiếc! » Đó gọi là « đối diện Đức Quán-

Thế-Âm mà không nhận ra Ngài » vậy.

Sau đó, người đệ tử đi tìm Trư Lão-mẫu để giao phong thư còn lại. Song le, tìm đến địa chỉ ghi trong thư mà hỏi thăm thì chẳng có người nào biết Trư Lão-mẫu là ai cả. Bỗng, khi người đệ tử đi ngang qua chuồng heo của một gia đình nọ, thì có một con heo mẹ ồm oồm nói: « Ông muốn tìm Trư Lão-mẫu để làm gì? »

Người đệ tử ngoảnh lại nhìn một cách kinh ngạc, tự hỏi không biết mình đang gặp phải loại quái vật nào; song vẫn bình tĩnh trả lời: « Tôi tìm Trư Lão-mẫu. Thầy tôi bảo tôi mang thư tới cho Trư Lão-mẫu. »

Con heo ấy liền nói: « Tôi chính là Trư Lão-mẫu đây. Hãy đưa thư cho tôi xem. » Trư Lão-mẫu (chẳng rõ có biết chữ hay không!) đón lấy bức thư, mở ra xem, rồi nói: «Ồ! Ông ấy đã hoàn tất công việc rồi; tôi cũng phải trở về thôi! »; ngụ ý rằng Hòa-thượng Đỗ-Thuận đã làm xong công việc, bây giờ tôi cũng về luôn. Nói dứt lời, bèn ngồi mà viên tịch ngay tại đó.

Người đệ tử liền lấy bức thư ấy mà xem, mới vỡ lẽ rằng

con heo này là hóa thân của Bồ-tát Phổ-Hiền. « Có thật như thế không? » Người đệ tử bán tín bán nghi, cũng chẳng rõ việc mà thầy mình đã làm xong là việc gì nữa. Khi người đệ tử đến được Ngũ-đài-sơn thì gặp một vị Hòa-thượng tuổi tác đã cao, ngài hỏi: « Ông đến đây làm gì? »

Người đệ tử nọ đáp: « Bạch Hòa-thượng, con đến chiêm bái Bồ-tát Văn-Thù. Con muốn khẩn cầu Bồ-tát Văn-Thù giúp con khai mở trí huệ, làm cho con được khai ngộ. Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát là bậc có trí huệ quảng đại nên con đến để xin Ngài khai mở trí huệ cho con. »

Vị Hòa-thượng nói: « Ông muốn đánh lễ Bồ-tát Văn-Thù ư? Ông đánh lễ thầy của ông còn hay hơn là đánh lễ Bồ-tát Văn-Thù gấp ngàn vạn lần lận đấy! »

Người đệ tử hỏi: « Vì sao, thưa Hòa-thượng? »

« Hòa-thượng Đổ-Thuận, Sư-phụ của ông, chính là Đức Di-Đà chuyển thể đấy! Ngài đến cõi này du hý nhân gian để giáo hóa chúng sanh. Ông là đệ tử của ngài, theo ngài



có hơn mười năm, mà sao ông không hay biết gì cả thế? »

Người đệ tử phân vân hỏi lại: « Thầy con là Đức Phật A-Di-Đà thật ư? Con thấy ông ta không giống chút nào cả! »

Người đệ tử vừa mới quay đi thì vị Lão Hòa-thượng vụt biến mất, chỉ để lại mấy chữ: « Nay Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát chỉ thị người hãy mau mau trở về lạy Hòa-thượng Đổ-Thuận, Sư-phụ của người. Ngài chính là Đức Phật A-Di-Đà giáng thế để giáo hóa chúng sanh đây! »

Người đệ tử bây giờ thì tin lắm rồi, bởi đã được gặp mặt Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát và được Ngài chỉ thị về lạy Sư-phụ mình. Thế là anh ta cuống quýt chạy về chùa. Về đến chùa mới hay rằng Hòa-thượng Đổ-Thuận đã ngồi mà nhập Niết-bàn được mấy hôm rồi. Đây cũng là trường hợp “bỏ lỡ cơ hội trước mắt” vậy. Lạy Đức Phật A-Di-Đà làm Sư-phụ, rồi theo Ngài tu học hơn mười năm, thế mà vẫn không nhận thức được Sư-phụ mình vốn là Phật A-Di-Đà hóa thân, nên mới « bỏ gần tìm xa, » chạy đi tìm Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát; đến khi được Đức Bồ-tát khai thị,

tỉnh ngộ quay về tìm Phật A-Di-Đà, thì hỡi ôi, Ngài cũng đã ra đi rồi, biết trách ai bây giờ?

### **Kinh Văn:**

Hán Việt: « **Chung bất tự ngôn: ‘Ngã chân Bồ-tát, chân A-la-hán,’ tiết Phật mật nhân, khinh ngôn vị học; duy trừ mạng chung, âm hữu di phủ. Vân hà thị nhân hoặc loạn chúng sanh, thành đại vọng ngữ? »**

Việt: « Nhưng không khi nào tự xưng: ‘Tôi thật là bậc Bồ-tát, thật là bậc A-la-hán,’ tiết lộ mật nhân của Phật, khinh ngôn với kẻ vị-học, chỉ trừ lúc mạng chung có di chúc âm thầm cho biết mà thôi. Thế sao hạng người kia lại mê hoặc chúng sanh mà tạo thành đại-vọng-ngữ như vậy?’ »

### **Giải nghĩa:**

« Nhưng không khi nào tự xưng: ‘Tôi thật là bậc Bồ-

**tát.'** » Bất luận là chư Bồ-tát, chư A-la-hán, hay chư Phật—như Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, Đức A-Di-Đà Phật, Đức Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật, Đức Bảo Sanh Phật, Đức Thành Tựu Phật—đích thân đến thế giới này thì từ đầu tới cuối chẳng bao giờ các ngài tự nói rằng: « Tôi đích thật là Bồ-tát. Tất cả quý vị phải tin tôi bởi tôi là một bậc Bồ-tát thực thụ!! » Các ngài cũng không tự xưng: « Tôi **thật là bậc A-la-hán**. Quý vị có nhận ra tôi không? Quý vị có biết tôi thật ra là ai không? Tôi là một vị A-la-hán thực thụ, quý vị biết chưa? » Kẻ nào dám tự xưng như vậy thì kẻ đó chính là quyến thuộc của Ma-vương!

Giả sử có kẻ ca tụng, gọi quý vị là Bồ-tát, là A-la-hán, thì cho dù có đúng thật là như vậy đi chăng nữa, quý vị cũng không nên nhìn nhận: « Đúng, tôi là Bồ-tát! » hay « Tôi là La-hán! » Vì sao? Vì quý vị không được phép làm « **tiết lộ mật nhân của Phật**. »

« **Khinh ngôn với kẻ vị học**. » « Khinh ngôn » tức là nói năng một cách khinh xuất, hết sức tùy tiện, bừa bãi. « Ông ấy à, cứ tiết lộ lai lịch của mình một cách tùy tiện như thế sao được? Phải đợi đến lúc chết mới được tiết lộ.

Hễ chưa chết thì chưa được nói ra! »

*Hễ tiết lộ thì không ở lại; mà ở lại thì không được tiết lộ.*

*(Tiết tắc bất trú; trú tắc bất tiết.)*

Nếu quý vị tiết lộ lai lịch của mình, là một vị Bồ-tát hóa thân chẳng hạn, thì quý vị phải ra đi cho mau, phải chết cho lẹ; còn nếu chưa tiết lộ thì quý vị vẫn có thể lưu lại thêm ít hôm nữa. Vì sao? Bởi nếu quý vị tiết lộ rồi mà không ra đi, thì quý vị sẽ gặp nhiều sự rắc rối lắm.

**« Chỉ trừ lúc mạng chung, có di chúc âm thầm cho biết mà thôi. »** Nếu thật sự là bậc thánh-nhân thì phải tới khi lâm chung mới được phép tiết lộ mình chính thật là ai. Tuy nhiên, cũng không được nói với tất cả mọi người mà chỉ được cho một hoặc hai đệ tử nhập thất thân tín nhất của mình biết mà thôi.

**« Thế sao hạng người kia lại mê hoặc chúng sanh mà tạo thành đại-vọng-ngũ như vậy? »** Tại sao hạng người ấy lại có thể mê hoặc chúng sanh bằng những lời đại vọng ngữ như thế? Chưa đắc mà nói rằng mình đã

đắc, chưa chứng quả vị mà nói là mình đã chứng quả vị—đó đều là đại vọng ngữ.

Giảng đến đây, tôi lại nhớ tới Ấn-Quang Lão Pháp-sư, một bậc cao tăng cận đại của Trung-Hoa. Ngài vốn quê quán tỉnh Thiểm-tây, Trung-Hoa. Sau khi xuất gia, Ngài đi triều bái núi Phổ-đà, đạo tràng của Quán-Thế-Âm Bồ-tát, và lưu lại nhập thất tại đó. « Nhập thất » tức là tự giam mình trong một căn phòng nhỏ, thủy chung không bước chân ra khỏi phòng. Ngài ở trong phòng làm gì? Ngài « duyệt Tạng, » tức là xem Đại-Tạng Kinh. Xem suốt bộ Đại-Tạng Kinh từ đầu đến cuối thì phải mất một thời gian là ba năm. Ngài xem kinh hằng ngày. Từ sáng đến tối, ngày ngày Ngài đều chuyên chú xem Kinh. Hết ba năm lại thêm ba năm nữa. Rồi qua ba năm lại thêm ba năm nữa. Cứ thế, Ngài xem đi xem lại trọn bộ Đại-Tạng Kinh có đến bảy, tám lần trong mười tám năm ròng rã; và trong suốt thời gian ấy, Ngài không hề xuống núi.

Sau mười tám năm ấy thì có một nhóm cư sĩ ở Thượng-hải thỉnh Ngài đến hội Cư-sĩ-lâm để giảng *Kinh A-Di-Đà*. Ấn-Quang Pháp-sư vốn người tỉnh Thiểm-tây nên nói

tiếng trọ trẹ, hơi khó nghe; có lẽ nhiều người nghe mà không hiểu mấy, do đó, chẳng có đông người đến nghe giảng cho lắm.

Bấy giờ, trong số thính chúng có một nữ sinh đang theo học bậc Trung-học ở Thượng-hải. Một đêm nọ cô nữ sinh này nằm mộng, mộng thấy gì? Mộng thấy có người bảo cô nên đến hội Cư-sĩ-lâm nghe Đại Thế-Chí Bồ-tát giảng *Kinh A Di Đà*. Chiêm bao đêm hôm trước thì đến sáng hôm sau cô đọc báo quả nhiên thấy có đăng tin Ấn-Quang Pháp-sư giảng *Kinh A-Di-Đà* tại Cư-sĩ-lâm. Cô phân vân tự hỏi: « Thế nhưng, đó là Ấn-Quang Pháp-sư; sao mình lại nghe là Đại Thế-Chí Bồ-tát? » Thế là cô quyết định đi nghe Ấn-Quang Pháp-sư giảng Kinh.

Nghe giảng xong, đợi mọi người ra về hết rồi, cô nữ sinh mới đến liêu phòng của Ấn-Quang Pháp-sư thỉnh hỏi: « Bạch Thầy, con chiêm bao thấy nói Đại Thế-Chí Bồ-tát giảng *Kinh A-Di-Đà* tại đây, nhưng trong báo lại đăng là Ấn-Quang Lão Pháp-sư. Như vậy phải chăng Thầy chính là Đại Thế-Chí Bồ-tát? »

Nghe qua, Ấn-Quang Lão Pháp-sư tỏ vẻ rất không hài lòng, nói: « Con không được nói nhăng nói càn. Không nên nói bậy bạ như thế! » Vì thế, cô nữ sinh không dám kể cho ai nghe về giấc mơ của mình nữa. Về sau, cô xin quy y với ngài.

Ba năm sau, Lão Pháp-sư viên tịch. Trong thời gian ba năm ấy, cô nữ sinh nọ chẳng dám hở môi với ai về giấc mộng của mình. Đợi đến sau khi Lão Pháp-sư viên tịch rồi, cô mới kể lại giấc mơ ấy cho mọi người biết, thì ai nấy đều trách cô: « Sao cô không nói sớm? Phải chi cô nói sớm một chút thì chúng tôi có thể thỉnh Lão Pháp-sư giảng thêm chút Pháp! »

Cô đáp: « Đó là vì Lão Pháp-sư không cho phép tôi nói ra! »

Từ sự kiện này mọi người mới biết được Ấn-Quang Lão Pháp-sư là hóa thân của Đại-Thế-Chí Bồ-tát. Sau khi thiêu hóa, ngài để lại rất nhiều xá lợi.

Cho nên, phải đợi đến lúc lâm chung mới được biểu thị đôi chút, song không được nói: « Quý vị biết tôi là ai đây

không? Tôi là Đại Thế-Chí Bồ-tát đấy! » Tuyệt đối không được nói như thế. Có thể biểu thị bằng cách báo mộng, hoặc bảo người khác gợi ý đôi chút, báo trước sơ sơ thôi, chứ không được tự xưng mình là Bồ-tát giáng thế. Nếu nói ra thì nên chết đi, không nên ở lại thế gian này nữa. Do đó, người đời nay công nhiên tự xưng mình là Phật, như thế là hoàn toàn tương phản với *Kinh Lăng-Nghiêm*. Đành rằng « tất cả chúng sanh đều là Phật, » nhưng phải tu hành thì mới thành Phật được; còn chẳng tu hành thì không chừng là thành súc sanh, ngựa, bò, dê, gà, chó, ... hoặc là làm ngạ quỷ, hoặc phải đọa địa ngục.

Không được nói: « Tôi là Phật! » Ông là Phật, vậy tôi là gì ? Tôi chưa là Phật, còn ông là Phật rồi, thật là lạ lùng !

### **Kinh Văn:**

Hán Việt: « **Nhữ giáo thế nhân tu Tam-ma-địa, hậu phục đoạn trừ chư đại vọng ngữ, thị danh Như Lai, tiên Phật Thế Tôn, Đệ Tứ Quyết Định Thanh Tịnh Minh**



**Hỏi. »**

Việt : « **Vậy ông dạy người đời tu pháp Tam-ma-địa, sau nữa là phải đoạn trừ các thứ đại vọng-ngữ. Đó là lời mình huân quyết định thứ tư về tánh thanh tịnh của Như-Lai và chư Phật, Thế-Tôn thuở trước. »**

**Giải nghĩa :**

« **Vậy ông dạy người đời tu pháp Tam-ma-địa, A-Nan,** ông nghe rõ chưa? Bây giờ ông hãy giáo hóa những người đang tu tập Định-lực rằng : **Sau nữa là phải đoạn trừ các thứ đại vọng-ngữ. »** Hãy ghi nhớ là chớ nên tự xưng: « Tôi đã khai ngộ rồi! » hoặc: « Tôi đã chứng quả vị rồi! » hoặc: « Tôi là Phật đây! Tôi là Bồ-tát đây! Còn tôi là La-hán đây ! » Sao những vị La-hán, vị Bồ-tát mà lại chẳng chút giá trị, quý báu, và lại nhan nhản ở khắp nơi ? Quý vị không nên xúi bảo người khác vọng ngữ, nói lời giả dối.

« **Đó là lời mình huân quyết định thứ tư về tánh thanh tịnh của Như-Lai và chư Phật, Thế-Tôn thuở trước. »** Đó là lời quyết định thứ tư về tánh thanh tịnh của

Như-Lai ở đời hiện tại cũng như của chư Phật và Thế-Tôn trong đời quá khứ.

### **Kinh Văn :**

Hán Việt: « **Thị cố A-Nan, nhược bất đoạn kỳ đại vọng ngữ giả, như khắc nhân phần vi chiêm đàn hình, dục cầu hương khí, vô hữu thị xứ ! »**

Việt : « **Vậy nên A-Nan, nếu chẳng dứt trừ đại vọng-ngữ thì cũng như chạm phần người làm hình chiêm-đàn, cầu cho có hương thơm, đó là điều không thể có được! »**

### **Giải nghĩa :**

Đức Phật dạy : » **Vậy nên, A-Nan, Ta sẽ nêu ra một ví dụ nữa cho ông hiểu rõ. Ông phải biết rằng nếu chẳng dứt trừ đại vọng-ngữ thì cũng như chạm phần người làm**

**hình chiên-đàn, cầu cho có hương thơm.»** Như có kẻ dùng phân người mà khắc lên đó một cái hình tượng của cây chiên đàn, rồi cầu mong có mùi hương chiên đàn. Quý vị muốn tìm mùi hương chiên đàn từ cái hình cây chiên đàn khắc trên phân người, thì **«đó là điều không thể có được,»** hoàn toàn không hợp lý !

Quý vị phạm tội vọng ngữ thì trở thành thối tha, đây là so sánh với việc quý vị tu Thiên-định rồi nói là mình đã thành Phật. Quý vị nói vọng ngữ thì chẳng khác gì phân người. Quý vị muốn nói dối mà được thành Phật, thì cũng giống như quý vị dùng phân người khắc hình cây chiên đàn mà chạm trở tượng Phật vậy, nói rằng phân người là chiên đàn, có một mùi hương thơm ngát—lý lẽ này hoàn toàn không thể có được ! Phân người thì hôi hám thối tha, cho dù quý vị có khắc chạm hình Phật lên đó thì nó cũng vẫn thối như thường, không thể nào có mùi thơm được cả ; cho nên nói « vô hữu thị xứ » là vì vậy !

**Kinh Văn :**

Hán Việt: « **Ngã giáo Tỳ-khưu, trực tâm đạo tràng ; ư tứ oai nghi, nhất thiết hành trung thượng vô hư giả, vân hà tự xưng đắc Thượng-nhân Pháp ?** »

Việt : « **Ta dạy chúng Tỳ-khưu lấy tâm ngay thẳng làm đạo tràng, đối với bốn oai nghi và tất cả các hạnh còn không được giả dối, thì sao lại tự xưng là đã đắc Thượng-nhân Pháp?** »

### **Giải nghĩa:**

« **Ta dạy chúng Tỳ-khưu.** » Phật dạy tất cả các thầy Tỳ-khưu. Ở đây không phải chỉ đơn thuần nói về các vị Tỳ-khưu mà thôi, mà là bao gồm luôn cả cư-sĩ tại gia nữa. Không thể nói rằng chúng tôi hiện tại là cư-sĩ tại gia, và Phật không dạy chúng tôi phải làm theo như thế. Không phải đâu ! Ở đây Phật chỉ nhắc tới Tỳ-khưu chỉ vì Tỳ-khưu là đại biểu của Phật Pháp, cho nên tất cả cư sĩ tại gia đều được bao gồm trong đó.

« **Lấy tâm ngay thẳng làm đạo tràng.** » Chúng ta cần

phải giữ tâm ngay thẳng, nói chuyện cũng phải thẳng thắn, chớ nên nói vòng vo, quẹo sang đông rẽ sang tây, cũng đừng « rào trước đón sau, » nói xa nói gần, nói bóng nói gió. Cần phải trực tâm, thẳng thắn, « trực tâm tức là đạo tràng »! Quý vị không giữ trực tâm, thì cũng như muốn lấy phân người mà chạm khắc hình dạng chiên đàn vậy.

« **Đối với bốn oai nghi.** » Mỗi oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm lại có 250 oai nghi, nên tổng cộng là 1.000 oai nghi. Bốn oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm này « **và các hạnh còn không được giả dối,** đều phải làm một cách chân thật, lúc nào cũng phải thật thà mà tu hành, **thì sao lại tự xưng là đã đắc Thượng-nhân Pháp?** » Làm thế nào quý vị lại dám nói: « Tôi chứng quả vị Bồ-tát rồi! Tôi đắc quả A-la-hán rồi! » sao lại dám nói như thế được chứ? Không được đâu! Chúng ta không nghe Kinh nên mới nói bậy nói bạ một cách tùy tiện, bừa bãi, thích gì nói đó: « Tôi là Phật. Tôi là Bồ-tát. » Song, như thế là không được. Vì sao? Quý vị nói như thế tức là phạm tội đại vọng ngữ. Phạm tội vọng ngữ tất phải đọa vào Địa ngục Bạt-thiết

(rút lưới). Ở đó, tội nhân sẽ bị móc sắt móc vào lưới và kéo lưới ra; lưới bị kéo ra rồi thì kiếp sau sẽ bị câm, không còn nói được nữa. Ai biểu quý vị nói dối, ai biểu quý vị lừa gạt người khác, tự xưng là mình đã được Thượng-nhân Pháp?

**Kinh Văn :**

Hán Việt: « **Tỷ như cùng nhân vọng hiệu đế vương, tự thủ tru diệt; hướng phục Pháp-vương, như hà vọng thiết? Nhân địa bất chân, quả chiêu hu khúc, cầu Phật Bồ-đề, như phệ té nhân, dục thù thành tựu. »**

Việt: « **Ví như kẻ cùng-đinh mạo xưng đế-vương mà tự chuốc lấy tội tru diệt ; hướng hồ là danh vị Pháp-vương, sao dám trộm lấy? Nhân địa đã chẳng chân thật tất phải chiêu cảm cái quả báo cong vạy, dầu muốn cầu đạo Bồ-đề của Phật thì cũng như người tự cắn rốn, há có ai thành tựu? »**

## Giảng nghĩa:

« Ví như kẻ cùng-đinh mạo xưng đế-vương. » Thí dụ có một kẻ nghèo cùng nhất nông cuồng nói: « Tôi chính là hoàng đế đây! » Anh ta « coi trời bằng vung, » dám cho rằng mình là vua của một nước! « **Mà tự chuốc lấy tội tru diệt.** » Anh ta vừa tuyên bố như thế thì liền bị Hoàng-đế biết được, nên lập tức cho bắt về và xử « tru diệt cửu tộc, » bị giết cả chín họ. Bà con thân thích của anh ta ư? Giết! Bạn bè của anh ta ư? Cũng giết! Gia đình của anh ta, già trẻ bé lớn đều bị giết sạch, đều bị tiêu diệt. Quý vị nói làm vua như vậy là làm vua ở nơi nào? Quý vị chưa đắc Đạo, chưa chứng quả vị, mà nếu quý vị tự xưng là mình đã chứng quả vị rồi, thì cũng y hệt gã bần cùng tự phong cho mình làm vua, tương lai nhất định sẽ bị họa diệt vong.

« **Huống hồ là danh vị Pháp-vương, sao dám trộm lấy?** » Ở cõi nhân gian còn không được tùy tiện tự phong vương cho mình, huống gì vọng xưng là Phật nữa? Đối với quả vị của Phật, sao quý vị có thể nông cuồng tự

đến cướp đoạt cho được?

« **Nhân địa đã chẳng chân thật**, khi còn đang tu Đạo ở nhân địa, quý vị đã không hướng theo sự chân thật mà làm, **tất phải chiêu cảm cái quả báo công vạ**, tương lai đến lúc kết thành quả thì cũng sẽ « quanh co, vòng vèo, » rất nhiều trắc trở, khúc mắc, chứ không thể chứng quả vị một cách suông sẻ liền được. Cho nên, nếu quý vị cứ tiếp tục tu hành như thế, thì có tu bao nhiêu đại kiếp cũng không thể nào thành công được.

Những hạng người như thế mà lại « **muốn cầu đạo Bồ-đề của Phật thì cũng như người tự cắn rốn.** » Quý vị lấy thứ hành vi này—chuyên môn nói dối, khoác lác—mà cầu quả vị Bồ-đề của Phật, thì chẳng khác gì muốn dùng miệng tự cắn lấy lỗ rốn của chính mình vậy. « **Há có ai thành tựu?** » Làm sao mà thành công được? Bất luận thế nào cũng không thể cắn tới được; miệng quý vị không thể nào với tới rốn được!

**Kinh Văn:**



Hán Việt: « **Nhược chư Tỳ-khưu, tâm như trực huyền, nhất thiết chân thực, nhập Tam-ma-địa, vĩnh vô ma sự. Ngã ấn thị nhân, thành tựu Bồ-tát Vô-thượng Tri-giác. »**

Việt: « **Nếu tâm của các Tỳ-khưu thẳng như dây đàn, tất cả đều chân thật, có thể nhập Tam-ma-địa, vĩnh viễn không gặp các ma sự, thì Ta ấn chứng những người ấy sẽ thành tựu được Bồ-tát Vô thượng Tri giác. »**

### **Giải nghĩa:**

« **Nếu tâm của các Tỳ-khưu thẳng như dây đàn, nếu tất cả các thầy Tỳ-khưu và hết cả cư-sĩ mà tâm thẳng như dây cung, chứ không phải cong cong giống như vành cung, tất cả đều chân thật, bất luận chuyện gì cũng đều phải thành thật, ngay thẳng, chớ nên nói dối; bởi:**

*Sai một ly, đi một dặm.*

Quý vị ở đây nói dối một câu, thì sự thành Phật sẽ phải trễ đến mấy vạn vạn đại kiếp; quý vị xem, như thế thì ai bị thiệt thòi?

“Nếu họ lại **có thể nhập Tam-ma-địa**, đạt được Chánh-định, **vĩnh viễn không gặp các ma sự**, luôn luôn không bao giờ có ma sự hoặc ma chướng xảy ra, **thì Ta ấn chứng những người ấy**, những người nào? Đó là những thầy Tỳ-khưu chân thật và tâm của họ thẳng như dây cung, **sẽ thành tựu được Bồ-tát Vô-thượng Tri-giác**. » Họ có thể được thành tựu tri giác vô thượng của bậc Bồ-tát—thứ trí huệ, thứ giác ngộ cao nhất, không gì sánh bằng của bậc Bồ-tát.

**Kinh văn:**

Hán Việt: « **Như ngã thử thuyết, danh vi Phật thuyết. Bất như thử thuyết, tức Ba-Tuần thuyết.** »

Việt: « **Như lời Ta nói đây mới gọi là lời Phật nói; nếu chẳng nói như vậy, tức là lời của Ma Ba-Tuần.** »

## Giảng nghĩa:

« Như lời Ta nói đây mới là lời Phật nói. Những đạo lý như Ta giảng đây mới chính thật là đạo lý của Phật thuyết giảng. **Nếu chẳng nói như vậy, tức là lời của Ma Ba-tuần.** Nếu chẳng y chiếu theo đạo lý Ta giảng, đi ngược lại những đạo lý Ta giảng đây, thì là lời nói của Ma-Ba-Tuần. Ba-Tuần tức là Ma-vương. Như thế, đó chính là đạo lý của Ma-vương vậy. »

---

(Hết phần Tứ Chủng Thanh Tịnh Minh Hối, quyển 6, Kinh Lăng-Nghiêm)



→ **TỨ CHỦNG THANH TỊNH MINH HỐI.PDF**

**[bothiphap.blogspot.com](http://bothiphap.blogspot.com)**

**➤ 50 HIỆN TƯỢNG ẤM MA**

**➤ GIẢNG GIẢI KINH THỦ LĂNG NGHIÊM**

